

THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của
Trường Đại học Nghệ thuật năm học 2018-2019**

Ngành Hội họa – 7210103

ST T	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 và được sửa đổi bổ sung theo thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh đăng ký dự thi vào ngành Hội họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	1. Kiến thức - Có hiểu biết về kiến thức lý luận chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; - Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ của đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020; - Nắm vững kiến thức cơ bản về các thành tựu nghệ thuật nổi bật trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới, bao gồm các tác giả và tác phẩm tiêu biểu, nêu được các xu hướng sáng tác mỹ thuật đương đại chủ yếu ở trong nước, khu vực; - Hiểu và vận dụng các kiến thức về cơ sở tạo hình, bố cục, phương pháp sáng tác, lý luận và lịch sử nghệ thuật để thưởng thức và đánh giá các tác phẩm nghệ thuật; - Nhận biết được đặc thù ngôn ngữ của các chất liệu hội họa (sơn dầu, sơn mài, lụa, đồ họa), mô tả được tính chất tiêu biểu của mỗi chất liệu và quy trình kỹ thuật cơ bản (bao gồm cả vật liệu và dụng cụ); - Nêu được tầm quan trọng của tính dân tộc và cá tính trong sáng tác nghệ thuật, liên hệ được các vấn đề đó trong sáng tác của cá nhân; - Về tin học chuyên ngành, có thể sử dụng thành thạo các phần mềm đồ họa vi tính hỗ trợ cho thiết kế mỹ thuật, có thể xác định được tính năng các bộ công cụ cơ bản của các ứng dụng đó. 2. Kỹ năng cơ bản - Hiểu và sử dụng hiệu quả các yếu tố tạo hình trong

		sáng tác tác phẩm hội họa đáp ứng các chuẩn mực thẩm mỹ; - Thông qua năng lực cảm thụ, sáng tạo và tưởng tượng, khái quát hóa được các nội dung, ý đồ, ý tưởng để chuyển hóa thành hình tượng nghệ thuật cụ thể và thể hiện thông qua tác phẩm hội họa; - Vận dụng kỹ thuật các chất liệu hội họa và một số phương tiện tạo hình đương đại khác trong tác phẩm nghệ thuật để diễn tả được hình tượng nghệ thuật và ý tưởng; - Có khả năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật số và ứng dụng tin học phục vụ sáng tác nghệ thuật tạo hình. 3. Kỹ năng tư duy - Có thể phân tích, đánh giá được chất lượng tạo hình và hiệu quả nghệ thuật của các tác phẩm hội họa, đặc biệt là các sáng tác của bản thân; - Có khả năng trình bày và diễn giải các vấn đề, ý tưởng nghệ thuật, giải pháp tạo hình của bản thân bằng ngôn ngữ nói và viết; - Có khả năng đánh giá phân tích, xác định vấn đề để phát hiện đề tài, hình thành ý tưởng sáng tác, và theo đuổi đề tài một cách nhất quán cho đến khi hoàn thành tác phẩm; - Có khả năng lập kế hoạch thu thập tư liệu thực tế, xây dựng quy trình phát triển ý tưởng, xây dựng các giải pháp bố cục và kỹ thuật một cách chủ động; - Thực hành quy trình phát triển ý tưởng (tìm ý, sơ thảo, phác thảo) một cách độc lập, nhất quán và với tư duy sáng tạo. 4. Kỹ năng chuyên môn thực tế, kỹ năng mềm - Có khả năng tổ chức, trình bày, triển lãm các tác phẩm tạo hình một cách chuyên nghiệp; - Có thể thực hành và sáng tác nghệ thuật ở các cấp độ cá nhân và theo nhóm, trong các môi trường nghệ thuật khác nhau. 5. Yêu cầu về thái độ học tập của người học - Hiểu biết và chấp hành đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; - Tiếp thu các vấn đề nghệ thuật đương đại trong nước và khu vực một cách cởi mở và năng động; sẵn sàng học hỏi và tiếp thu cái mới có chọn lọc; - Trong hoạt động sáng tạo của bản thân thể hiện thái độ nhiệt tình, say mê, và kiên trì; - Thể hiện đạo đức nghề nghiệp trong sáng tác nghệ thuật, bảo vệ các giá trị nghệ thuật của dân tộc và nhân loại, tôn trọng thành quả lao động nghệ thuật của người khác; - Hiểu biết về văn hóa xã hội và thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với xã hội thông qua các hoạt động sáng tạo nghệ thuật của mình.
III	Các chính sách hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người	1. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự

	học	thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học. Ngoài ra, Trường còn Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị - sinh viên đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, chủ trương của Đảng, pháp luật nhà nước, các quy định của Trường và Đại học Huế cho toàn bộ sinh viên, các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, cập nhật chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với SV. 2. Tổ chức các hoạt động triển lãm, văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên. 3. Phối hợp với chính quyền và công an của Phường Thuận Thành và Thành phố Huế xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên. 4. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên. Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên bộ, hướng dẫn của Đại học Huế giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng. 5. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời. 6. Quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên, sinh viên.																																																					
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<table><tr><th>Stt</th><th>Tên học phần</th><th>Số ĐVHT</th></tr><tr><td></td><td>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</td><td>72</td></tr><tr><td></td><td>1.1. Khoa học Mác-Lênin</td><td>15</td></tr><tr><td>1</td><td>Những NLCB của CN Mác Lênin P1</td><td>3</td></tr><tr><td>2</td><td>Những NLCB của CN Mác Lênin P2</td><td>5</td></tr><tr><td>3</td><td>Tư tưởng Hồ Chí Minh</td><td>3</td></tr><tr><td>4</td><td>Đường lối CM của Đảng CSVN</td><td>4</td></tr><tr><td></td><td>1.2. Khoa học xã hội</td><td>6</td></tr><tr><td>5</td><td>Lịch sử triết học phương Đông</td><td>3</td></tr><tr><td>6</td><td>Lịch sử triết học phương Tây</td><td>3</td></tr><tr><td></td><td>1.3. Khoa học tự nhiên</td><td>3</td></tr><tr><td>7</td><td>Tin học đại cương</td><td>3</td></tr><tr><td></td><td>1.4. Ngoại ngữ</td><td>10</td></tr><tr><td>8</td><td>Anh văn 1</td><td>2</td></tr><tr><td>9</td><td>Anh văn 2</td><td>2</td></tr><tr><td>10</td><td>Anh văn 3</td><td>3</td></tr><tr><td>11</td><td>Anh văn 4</td><td>3</td></tr></table>	Stt	Tên học phần	Số ĐVHT		I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG	72		1.1. Khoa học Mác-Lênin	15	1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3	2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	4	Đường lối CM của Đảng CSVN	4		1.2. Khoa học xã hội	6	5	Lịch sử triết học phương Đông	3	6	Lịch sử triết học phương Tây	3		1.3. Khoa học tự nhiên	3	7	Tin học đại cương	3		1.4. Ngoại ngữ	10	8	Anh văn 1	2	9	Anh văn 2	2	10	Anh văn 3	3	11	Anh văn 4	3		
Stt	Tên học phần	Số ĐVHT																																																					
	I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG	72																																																					
	1.1. Khoa học Mác-Lênin	15																																																					
1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3																																																					
2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5																																																					
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3																																																					
4	Đường lối CM của Đảng CSVN	4																																																					
	1.2. Khoa học xã hội	6																																																					
5	Lịch sử triết học phương Đông	3																																																					
6	Lịch sử triết học phương Tây	3																																																					
	1.3. Khoa học tự nhiên	3																																																					
7	Tin học đại cương	3																																																					
	1.4. Ngoại ngữ	10																																																					
8	Anh văn 1	2																																																					
9	Anh văn 2	2																																																					
10	Anh văn 3	3																																																					
11	Anh văn 4	3																																																					

		1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật	38
	12	Cơ sở văn hóa VN	4
	13	Mỹ học đại cương	3
	14	Nghệ thuật học đại cương	3
	15	Mỹ thuật học	3
	16	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2
	17	Đường lối VH-VN của Đảng	2
	18	Mỹ học chuyên ngành	4
	19	Tin học chuyên ngành	3
	20	Anh văn chuyên ngành	4
	21	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2
	22	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2
	23	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3
	24	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3
		1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)	
	25	Giáo dục thể chất 1	2
	26	Giáo dục thể chất 2	3
		1.7. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)	
	27	Giáo dục QP	
		II. KIẾN THỨC GD CH.NGHIỆP	168
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành	14
	28	Giải phẫu tạo hình 1	2
	29	Giải phẫu tạo hình 2	2
	30	Giải phẫu tạo hình 3	2
	31	Định luật xa gần 1	2
	32	Định luật xa gần 2	2
	33	Đặc họa	2
	34	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2
		2.2. Kiến thức chung ngành	90
	35	Hình họa 1	5
	36	Hình họa 2	5
	37	Hình họa 3	5
	38	Hình họa 4	5
	39	Hình họa 5	5
	40	Hình họa 6	5
	41	Hình họa 7 (Trực họa 1)	5
	42	Hình họa 8 (Trực họa 2)	5
	43	Hình họa 9 (Trực họa 3)	5
	44	Hình họa 10 (Trực họa 4)	4
	45	Cơ sở tạo hình 1	5
	46	Cơ sở tạo hình 2	5
	47	Cơ sở tạo hình 3	5

		48	Cơ sở tạo hình 4	5
		49	Điều khắc	2
		50	Thâm nhập thực tế 1	4
		51	Thâm nhập thực tế 2	4
		52	Thâm nhập thực tế 3	5
		53	Thâm nhập thực tế 4	6
			2.3.Kiến thức chuyên ngành	64
		54	Chất liệu Hội họa 1	3
		55	Chất liệu Hội họa 2	3
		56	Chất liệu Hội họa 3	3
		57	Chất liệu Hội họa 4	3
		58	Chất liệu Hội họa 5	3
		59	Chất liệu Hội họa 6	3
		60	Chất liệu Hội họa 7	3
		61	Chất liệu Hội họa 8	3
		62	Sáng tác Hội họa 1	8
		63	Sáng tác Hội họa 2	8
		64	Sáng tác Hội họa 3	8
		65	Sáng tác Hội họa 4	8
		66	Sáng tác Hội họa 5	8
			III. THI TỐT NGHIỆP	15
		67	Khóa luận	5
		68	Tác phẩm	10
			Tổng cộng toàn khóa (*)	255
			(*) Chưa tính học phần GDTC và GDQPAN	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.		
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	Sinh viên tốt nghiệp Đại học ngành Hội họa có đủ năng lực để đảm nhiệm các vị trí và cơ hội nghề nghiệp sau: - Họa sĩ sáng tác chuyên nghiệp có khả năng hội nhập với trào lưu mỹ thuật truyền thống và đương đại ở trong nước, trong khu vực và quốc tế; - Giáo viên giảng dạy mỹ thuật tạo hình ở các bậc học Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp; Giáo viên giảng dạy mỹ thuật ở các bậc học phổ thông (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm bổ sung); - Họa sĩ phụ trách công tác chuyên môn mỹ thuật, mỹ thuật phong trào, văn hóa quần chúng và tuyên truyền cổ động tại các đơn vị, cơ quan văn hóa, hành chính sự nghiệp và địa phương các cấp; - Họa sĩ đảm nhận các chuyên môn mỹ thuật hoặc nhiệm vụ sáng tạo trong các đơn vị sản xuất kinh doanh và dịch vụ.		

Ngành Điêu khắc – 7210105

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 và được sửa đổi bổ sung theo thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh tham gia dự thi vào ngành Điêu khắc có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Tượng tròn, Phù điêu và xét tuyển môn Ngữ văn.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	1. Kiến thức - Có hiểu biết về kiến thức lý luận chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; - Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ của đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020; - Nắm vững kiến thức văn hóa nghệ thuật của dân tộc Việt Nam của khu vực và thế giới, đó là động lực của sáng tạo nghệ thuật; - Hiểu rõ được sự phát triển của xã hội trong và ngoài nước, nắm vững sự phát triển của nghệ thuật tạo hình quá khứ, hiện tại và định hướng cá nhân cho sự phát triển tương lai; - Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác, về lý luận nghệ thuật vào việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn. 2. Kỹ năng cơ bản - Nắm vững phương pháp nghiên cứu và sáng tạo nghệ thuật tạo hình Điêu khắc. Có khả năng sáng tác, tác phẩm nghệ thuật Điêu khắc, hiểu biết một số ngành chuyên môn khác hỗ trợ về kỹ thuật, chất liệu trong tác phẩm, nhất là trong việc thực hiện những công trình tượng lớn ngoài trời; - Vận dụng linh hoạt những kiến thức lý luận chuyên ngành vào việc nghiên cứu các chuyên đề về nghệ thuật tạo hình Điêu khắc vận dụng được trong sáng tác tác phẩm. 3. Kỹ năng tư duy - Nắm cơ bản một số chất liệu tạo hình, gỗ, đá, kim loại, gốm... khai thác được các chất liệu đó trong xây dựng hình tượng nghệ thuật; - Vận dụng một số kỹ năng kỹ xảo, sử dụng được một số kỹ thuật máy móc để hỗ trợ cho việc thực hiện tác phẩm; - Chứng tỏ được khả năng tiếp cận một cách mềm dẻo, năng động và sáng tạo đối với các vấn đề nghệ thuật đương

		đại trong nước và khu vực; - Chứng tỏ khả năng làm việc độc lập và nhóm, sẵn sàng học hỏi và tiếp thu cái mới có chọn lọc; - Có kỹ năng phân tích, đánh giá được chất lượng tạo hình và hiệu quả nghệ thuật của các sáng tác tác phẩm Điều khắc. 4. Kỹ năng chuyên môn thực tế, kỹ năng mềm - Biết vận dụng kết hợp giữa học kiến thức chuyên môn và các lớp kỹ năng khác, nhằm giúp sinh viên tự tin hơn và vững vàng bước vào một cuộc sống năng động khi ra trường tìm việc và làm việc. - Có kỹ năng tổ chức, thuyết trình tác phẩm, kỹ năng giao tiếp và ứng xử hiệu quả, kỹ năng làm việc độc lập và nhóm, các kỹ về năng tư duy sáng tạo, kỹ năng nhận thức và thay đổi bản thân. 5. Yêu cầu về thái độ học tập của người học - Có lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn. Nắm vững đường lối chủ chương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực Văn hóa nghệ thuật; - Có tinh thần học hỏi, tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo, tâm huyết với nghệ thuật, tinh thần nhân văn sâu sắc; ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, biết phát huy các giá trị truyền thống và tiếp thu có chọn lọc, học tập tinh hoa nhân loại.
III	Các chính sách hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	1. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học. Ngoài ra, Trường còn Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị - sinh viên đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, chủ trương của Đảng, pháp luật nhà nước, các quy định của Trường và Đại học Huế cho toàn bộ sinh viên, các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, cập nhật chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với SV. 2. Tổ chức các hoạt động triển lãm, văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên. 3. Phối hợp với chính quyền và công an của Phường Thuận Thành và Thành phố Huế xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên. 4. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên. Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên bộ, hướng dẫn của Đại học Huế giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các

		dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng. 5. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời. 6. Quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên, sinh viên.		
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Stt	Tên học phần	Số ĐVHT
			I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG	72
			1.1. Khoa học Mác-Lênin	15
		1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3
		2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5
		3	Đường lối CM của Đảng CSVN	4
		4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
			1.2. Khoa học xã hội	6
		5	Lịch sử triết học phương Đông	3
		6	Lịch sử triết học phương Tây	3
			1.3. Khoa học tự nhiên	3
		7	Tin học đại cương	3
			1.4. Ngoại ngữ	10
		8	Anh văn 1	2
		9	Anh văn 2	2
		10	Anh văn 3	3
		11	Anh văn 4	3
			1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật	38
		12	Cơ sở văn hóa VN	4
		13	Mỹ học đại cương	3
		14	Nghệ thuật học đại cương	3
		15	Mỹ thuật học	3
		16	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2
		17	Đường lối VH-VN của Đảng	2
		18	Mỹ học chuyên ngành	4
		19	Tin học chuyên ngành	3
		20	Anh văn chuyên ngành	4
		21	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2
		22	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2
		23	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3
		24	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3
			1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)	
		25	Giáo dục thể chất	2
		26	Giáo dục thể chất	3
			1.7. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)	

27	Giáo dục QP	
	II. KIẾN THỨC GD CH.NGHIỆP	175
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành	14
28	Giải phẫu tạo hình 1	2
29	Giải phẫu tạo hình 2	2
30	Giải phẫu tạo hình 3	2
31	Định luật xa gần 1	2
32	Định luật xa gần 2	2
33	Đặc họa	2
34	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2
	2.2. Kiến thức chung ngành	85
35	Hình họa 1	2
36	Hình họa 2	2
37	Tượng tròn 1	5
38	Tượng tròn 2	5
39	Tượng tròn 3	6
40	Tượng tròn 4	6
41	Tượng tròn 5	6
42	Tượng tròn 6	6
43	Phù điêu 1	5
44	Phù điêu 2	5
45	Phù điêu 3	4
46	Phù điêu 4	4
47	Phù điêu 5	5
48	Phù điêu 6	5
49	Thâm nhập thực tế 1	4
50	Thâm nhập thực tế 2	4
51	Thâm nhập thực tế 3	5
52	Thâm nhập thực tế 4	6
	2.3. Kiến thức chuyên ngành	76
53	Sáng tác Tượng tròn 1	3
54	Sáng tác Tượng tròn 2	3
55	Sáng tác Tượng tròn 3	5
56	Sáng tác Tượng tròn 4	6
57	Sáng tác Phù điêu 1	3
58	Sáng tác Phù điêu 2	3
59	Sáng tác Phù điêu 3	3
60	Sáng tác Phù điêu 4	4
61	Bố cục tạo hình 1	3
62	Bố cục tạo hình 2	3
63	Bố cục chất liệu 1	4
64	Bố cục chất liệu 2	5

		65	Bố cục chất liệu 3	6
		66	Bố cục chất liệu 4	6
		67	Phác thảo tượng đài 1	4
		68	Phác thảo tượng đài 2	6
		69	Mô hình cho tượng đài 1	3
		70	Mô hình cho tượng đài 2	6
			III. THI TỐT NGHIỆP	15
		71	Khóa luận	5
		72	Tác phẩm	10
			Tổng cộng toàn khóa (*)	262
		Chưa tính học phần GDTC và GDQPAN		
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.		
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	Sinh viên tốt nghiệp Đại học ngành Điêu khắc có đủ năng lực để đảm nhiệm các vị trí và cơ hội nghề nghiệp sau: - Có khả năng công tác chuyên ngành ở các cơ quan Văn hóa cấp sở, phòng, tỉnh, thành phố, thị xã, huyện, xã trong hệ thống các cấp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan nước ngoài; - Có khả năng giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp (Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm bổ sung); - Nhà Điêu khắc sáng tác chuyên nghiệp có khả năng hội nhập với trào lưu mỹ thuật truyền thống và đương đại ở trong nước, trong khu vực và quốc tế.		

Ngành Thiết kế Đồ họa – 7210403

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 và được sửa đổi bổ sung theo thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh tham gia dự thi vào nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	1. Kiến thức - Có hiểu biết về kiến thức lý luận chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; - Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ của đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020; - Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về nghệ thuật

		thị giác, về lý luận nghệ thuật vào việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn. 2. Kỹ năng cơ bản <i>Chuyên ngành Thiết kế Đồ họa</i> - Có trình độ chuyên môn cơ bản về mỹ thuật và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực thiết kế đồ họa; - Hiểu rõ và vận dụng các phương pháp sáng tác thiết kế vào việc thiết kế các sản phẩm đồ họa công thương nghiệp và đồ họa văn hóa. <i>Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật đa phương tiện</i> - Có trình độ chuyên môn cơ bản về mỹ thuật và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực thiết kế mỹ thuật đa phương tiện; - Hiểu rõ và vận dụng các phương pháp sáng tác thiết kế vào việc thiết kế các sản phẩm quảng cáo truyền thông trên phim ảnh, truyền hình với tính nghệ thuật cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. 3. Kỹ năng tư duy <i>Chuyên ngành Thiết kế Đồ họa</i> - Có năng lực sáng tác, thiết kế trong lĩnh vực Đồ họa ứng dụng. Nắm vững ngôn ngữ và các phương pháp sáng tác thiết kế đồ họa; vận dụng một cách hiệu quả và sáng tạo vào quá trình sáng tác thiết kế đồ họa; - Có kỹ năng vẽ, thiết kế và sử dụng các phương tiện, thiết bị, máy móc và các phần mềm thiết kế đồ họa ứng dụng một cách thành thạo; - Có kỹ năng diễn giải, phân tích, đánh giá được chất lượng thiết kế và hiệu quả nghệ thuật của các sản phẩm thiết kế đồ họa. <i>Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật đa phương tiện</i> - Có năng lực sáng tác, thiết kế trong lĩnh vực đồ họa đa phương tiện. Nắm vững ngôn ngữ và các phương pháp sáng tác thiết kế mỹ thuật đa phương tiện; vận dụng một cách hiệu quả và sáng tạo vào quá trình sáng tác thiết kế các sản phẩm quảng cáo động trên phim ảnh, truyền hình với tính nghệ thuật cao; - Có kỹ năng vẽ, thiết kế và sử dụng các phương tiện, thiết bị, máy móc và các phần mềm thiết kế mỹ thuật đa phương tiện một cách thành thạo; - Có kỹ năng diễn giải, phân tích, đánh giá được chất lượng thiết kế và hiệu quả nghệ thuật của các sản phẩm thiết kế mỹ thuật đa phương tiện. 4. Kỹ năng chuyên môn thực tế, kỹ năng mềm: - Có khả năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu cũng như làm việc theo nhóm, theo dự án. - Linh hoạt trong giải quyết công việc theo kế hoạch, tổ chức làm việc trong phạm vi chuyên môn của mình. - Có khả năng khai thác, vận dụng sử dụng các công cụ như trang thiết bị, máy tính, các phần mềm chuyên dụng
--	--	---

		để phục vụ chuyên môn. 5. Yêu cầu về thái độ học tập của người học - Có lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn. Nắm vững đường lối chủ chương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; - Có tinh thần học hỏi, tự học, tự nghiên cứu và sáng tạo, tâm huyết với nghệ thuật, tinh thần nhân văn sâu sắc; ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, biết phát huy các giá trị truyền thống và tiếp thu, chọn lọc học tập tinh hoa nhân loại trong lĩnh vực thiết kế mỹ thuật ứng dụng									
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	1. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học. Ngoài ra, Trường còn Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị - sinh viên đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, chủ trương của Đảng và Nhà nước, pháp luật nhà nước, các quy định của Trường và Đại học Huế cho toàn bộ sinh viên, các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với SV. 2. Tổ chức các hoạt động triển lãm, văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên. 3. Phối hợp với chính quyền và công an của Phường Thuận Thành và Thành phố Huế xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên. 4. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên. Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên bộ, hướng dẫn của Đại học Huế giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng. 5. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời. 6. Quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên, sinh viên.									
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chuyên ngành Thiết kế Đồ họa <table border="1"> <thead> <tr> <th>Stt</th><th>Tên học phần</th><th>Số ĐVHT</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td><td>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</td><td>72</td></tr> <tr> <td></td><td>1.1. Khoa học Mác-Lênin</td><td>15</td></tr> </tbody> </table>	Stt	Tên học phần	Số ĐVHT		I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG	72		1.1. Khoa học Mác-Lênin	15
Stt	Tên học phần	Số ĐVHT									
	I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG	72									
	1.1. Khoa học Mác-Lênin	15									

	1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3
	2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5
	3	Đường lối CM của Đảng CSVN	4
	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
		1.2. Khoa học xã hội	6
	5	Lịch sử triết học phương Đông	3
	6	Lịch sử triết học phương Tây	3
		1.3. Khoa học tự nhiên	3
	7	Tin học đại cương	3
		1.4. Ngoại ngữ	10
	8	Anh văn 1	2
	9	Anh văn 2	2
	10	Anh văn 3	3
	11	Anh văn 4	3
		1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật	38
	12	Cơ sở văn hóa VN	4
	13	Mỹ học đại cương	3
	14	Nghệ thuật học đại cương	3
	15	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2
	16	Đường lối VH-VN của Đảng	2
	17	Anh văn chuyên ngành	4
	18	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2
	19	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2
	20	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3
	21	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3
	22	Thẩm mỹ Công nghiệp	3
	23	Lịch sử Mỹ thuật công nghiệp	3
	24	Khoa học lao động (Ergonomie)	2
	25	Nhập môn Marketing	2
		1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)	
	26	Giáo dục thể chất 1	2
	27	Giáo dục thể chất 2	3
		1.7. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)	
	28	Giáo dục QP	
		II. KIẾN THỨC GD CH.NGHIỆP	173
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành	14
	29	Giải phẫu tạo hình 1	2
	30	Giải phẫu tạo hình 2	2
	31	Giải phẫu tạo hình 3	2
	32	Định luật xa gần 1	2
	33	Định luật xa gần 2	2
	34	Đặc họa	2

	35	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2
		2.2. Kiến thức chung ngành	74
	36	Hình họa 1	5
	37	Hình họa 2	5
	38	Hình họa 3	5
	39	Hình họa 4	5
	40	Hình họa 5	5
	41	Hình họa 6	5
	42	Hình họa 7	5
	43	Cơ sở tạo hình 1	5
	44	Cơ sở tạo hình 2	5
	45	Nguyên lý thị giác 1	5
	46	Nguyên lý thị giác 2	5
	47	Thâm nhập thực tế 1	4
	48	Thâm nhập thực tế 2	4
	49	Thâm nhập thực tế 3	5
	50	Thâm nhập thực tế 4	6
		2.3. Kiến thức chuyên ngành	85
	51	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	3
	52	Kỹ thuật đồ họa thủ công	3
	53	Ph. pháp sáng tác thiết kế đồ họa	3
	54	Nguyên lý in Offset	3
	55	Nghệ thuật chữ	2
	56	Đồ họa ảnh (nhiếp ảnh)	3
	57	Đồ họa vi tính 1	3
	58	Đồ họa vi tính 2	3
	59	Đồ họa vi tính 3	3
	60	Sáng tác thiết kế 1	5
	61	Sáng tác thiết kế 2	5
	62	Sáng tác thiết kế 3	5
	63	Sáng tác thiết kế 4	5
	64	Sáng tác thiết kế 5	5
	65	Sáng tác thiết kế 6	5
	66	Sáng tác thiết kế 7	5
	67	Sáng tác thiết kế 8	5
	68	Sáng tác thiết kế 9	5
	69	Sáng tác thiết kế 10	5
	70	Sáng tác thiết kế sản phẩm đồng bộ *	4
	71	Đồ án tiền tốt nghiệp	5
		III. THI TỐT NGHIỆP	15
	72	Khóa luận	5
	73	Đồ án	10

		Tổng cộng toàn khóa (*)	260
		Chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện	
	Stt	Tên học phần	Số ĐVHT
		I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG	72
		1.1. Khoa học Mác-Lênin	15
	1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3
	2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5
	3	Đường lối CM của Đảng CSVN	4
	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
		1.2. Khoa học xã hội	6
	5	Lịch sử triết học phương Đông	3
	6	Lịch sử triết học phương Tây	3
		1.3. Khoa học tự nhiên	3
	7	Tin học đại cương	3
		1.4. Ngoại ngữ	10
	8	Anh văn 1	2
	9	Anh văn 2	2
	10	Anh văn 3	3
	11	Anh văn 4	3
		1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật	38
	12	Cơ sở văn hóa VN	4
	13	Mỹ học đại cương	3
	14	Nghệ thuật học đại cương	3
	15	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2
	16	Đường lối VH-VN của Đảng	2
	17	Anh văn chuyên ngành	4
	18	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2
	19	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2
	20	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3
	21	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3
	22	Thẩm mỹ Công nghiệp	3
	23	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	3
	24	Khoa học lao động (Ergonomie)	2
	25	Nhập môn Marketing	2
		1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)	
	26	Giáo dục thể chất 1	2
	27	Giáo dục thể chất 2	3
		1.7. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)	
	28	Giáo dục QP	
		II. KIẾN THỨC GD CH.NGHIỆP	177
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành	14
	29	Giải phẫu tạo hình 1	2
	30	Giải phẫu tạo hình 2	2
	31	Giải phẫu tạo hình 3	2
	32	Định luật xa gần 1	2
	33	Định luật xa gần 2	2

	34	Đặc họa	2
	35	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2
		2.2. Kiến thức chung ngành	74
	36	Hình họa 1	5
	37	Hình họa 2	5
	38	Hình họa 3	5
	39	Hình họa 4	5
	40	Hình họa 5	5
	41	Hình họa 6	5
	42	Hình họa 7	5
	43	Cơ sở tạo hình 1	5
	44	Cơ sở tạo hình 2	5
	45	Nguyên lý thị giác 1	5
	46	Nguyên lý thị giác 2	5
	47	Thâm nhập thực tế 1	4
	48	Thâm nhập thực tế 2	4
	49	Thâm nhập thực tế 3	5
	50	Thâm nhập thực tế 4	6
		2.3. Kiến thức chuyên ngành	89
	51	Các nguyên lý thiết kế	2
	52	Phát triển ý niệm	2
	53	Đồ họa ảnh (nhiếp ảnh)	3
	54	Nghệ thuật chữ	2
	55	Đồ họa vi tính 1 (Corel Draw)	3
	56	Đồ họa vi tính 2 (Photoshop)	3
	57	Đồ họa vi tính 3 (Illustrator)	3
	58	Đồ họa vi tính 4 (3D Max)	4
	59	Hoạt hình cổ điển	3
		Sáng tác minh họa ấn phẩm 1 (2D -Corel	2
	60	Draw)	
		Sáng tác minh họa ấn phẩm 2 (2D -	2
	61	Illustrator)	
	62	Đồ họa và diễn hoạt (Flash)	3
	63	Đồ án 1 (Thiết kế quảng cáo trên Flash)	5
		Nền tảng và ngôn ngữ thiết kế Web	3
	64	(Dreamwaver)	
	65	Ngôn ngữ lập trình C	3
	66	Phát triển tương tác Web	3
	67	Đồ án 2 (Thiết kế Web page - Web CD)	5
	68	Thiết kế nhân vật 1(Maya)	3
	69	Thiết kế nhân vật 2 (3D Max)	4
	70	Ánh Sáng - Camera - diễn hoạt	2
		Biên tập phim -Âm thanh (Adobe	3
	71	Premier+Sound Forge)	
	72	Đồ án 3 (Thiết kế hình - nhạc hiệu)	5
	73	Kịch bản	3
		Khái niệm về làm phim kỹ thuật số và kỹ	4
	74	xảo hình ảnh (After Effect)	

		75	Kỹ thuật quay phim	4
		76	Đồ án 4 (Dự án phim có chủ đề)	5
		77	Đồ án tiền tốt nghiệp	5
			III. THI TỐT NGHIỆP	15
		78	Khóa luận	5
		79	Đồ án	10
			Tổng cộng toàn khóa (*)	264
		<i>(*) Chưa tính học phần GDTC và GDQPAN</i>		
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.		
VII	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<i>Tốt nghiệp Đại học ngành Thiết kế Đồ họa:</i> - Có thể tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các công ty tư nhân liên quan đến lĩnh vực đồ họa ứng dụng như in ấn, thiết kế, quảng cáo, trình bày ấn phẩm... - Có khả năng tự tìm ra việc làm hoặc thành lập các công ty tư nhân trong lĩnh vực quảng cáo. <i>Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật đa phương tiện:</i> - Có thể tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các công ty tư nhân liên quan đến lĩnh vực thiết kế đa phương tiện như thiết kế các sản phẩm đồ họa truyền thông, quảng cáo động trên phim ảnh, truyền hình có tính thẩm mỹ cao. - Có khả năng tự tìm ra việc làm hoặc thành lập các công ty tư nhân trong lĩnh vực Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện.		

Ngành Thiết kế thời trang – 7210404

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 và được sửa đổi bổ sung theo thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh tham gia dự thi vào nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	1. Kiến thức - Có hiểu biết về kiến thức lý luận chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; - Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ của đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020;

		- Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác, về lý luận nghệ thuật vào việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn. 2. Kỹ năng cơ bản - Có trình độ chuyên môn cơ bản về mỹ thuật và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực thiết kế thời trang; - Hiểu rõ và vận dụng các phương pháp sáng tác thiết kế vào việc thiết kế các sản phẩm may mặc với tính thẩm mỹ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. 3. Kỹ năng tư duy - Có năng lực sáng tác, thiết kế trong lĩnh vực thiết kế thời trang; Nắm vững ngôn ngữ và các phương pháp sáng tác thiết kế thời trang; vận dụng một cách hiệu quả và sáng tạo vào quá trình sáng tác thiết kế các sản phẩm may mặc với tính thẩm mỹ cao; - Có kỹ năng vẽ, thiết kế và sử dụng các phương tiện, thiết bị, máy móc và các phần mềm thiết kế thời trang một cách thuần thục; - Có kỹ năng diễn giải, phân tích, đánh giá được chất lượng thiết kế và hiệu quả nghệ thuật của các sản phẩm thiết kế thời trang. 4. Kỹ năng chuyên môn thực tế, kỹ năng mềm: - Có khả năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu cũng như làm việc theo nhóm, theo dự án. - Linh hoạt trong giải quyết công việc theo kế hoạch, tổ chức làm việc trong phạm vi chuyên môn của mình. - Có khả năng khai thác, vận dụng sử dụng các công cụ như trang thiết bị, máy tính, các phần mềm chuyên dụng để phục vụ chuyên môn. 5. Yêu cầu về thái độ học tập của người học - Có lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn. Nắm vững đường lối chủ chương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; - Có tinh thần học hỏi, tự học, tự nghiên cứu và sáng tạo, tâm huyết với nghệ thuật, tinh thần nhân văn sâu sắc; ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, biết phát huy các giá trị truyền thống và tiếp thu, chọn lọc học tập tinh hoa nhân loại trong lĩnh vực thiết kế mỹ thuật ứng dụng
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	1. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học. Ngoài ra, Trường còn Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị - sinh viên đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, chủ trương của Đảng và Nhà nước, pháp luật nhà nước, các quy định của Trường và Đại học Huế cho toàn bộ sinh viên, các thông

		tin liên quan đến tình hình của Trường, cập nhật chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với SV. 2. Tổ chức các hoạt động triển lãm, văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên. 3. Phối hợp với chính quyền và công an của Phường Thuận Thành và Thành phố Huế xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên. 4. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên. Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên bộ, hướng dẫn của Đại học Huế giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng. 5. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời. 6. Quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên, sinh viên.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.
VII	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<i>Tốt nghiệp Đại học ngành Thiết kế thời trang:</i> - Có thể tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các công ty tư nhân liên quan đến lĩnh vực thiết kế thời trang như sáng tác thiết kế các sản phẩm may mặc dân dụng có tính thẩm mỹ cao. - Có khả năng tự tìm ra việc làm hoặc thành lập các công ty tư nhân trong lĩnh vực thời trang.

Ngành Thiết kế Nội thất – 7580108

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 và được sửa đổi bổ sung theo thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh tham gia dự thi vào nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và	1. Kiến thức - Có hiểu biết về kiến thức lý luận chính trị, đường lối

trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; - Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ của đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020; - Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác, về lý luận nghệ thuật vào việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn. 2. Kỹ năng cơ bản <i>Chuyên ngành Thiết kế Nội thất</i> - Có trình độ chuyên môn cơ bản về mỹ thuật và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực thiết kế trang trí nội thất; - Hiểu rõ và vận dụng các phương pháp sáng tác thiết kế vào việc thiết kế trang trí nội thất các công trình kiến trúc công nghiệp, thương mại, văn hóa và dân dụng. <i>Chuyên ngành Thiết kế truyền thống</i> - Có trình độ chuyên môn cơ bản về mỹ thuật và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực thiết kế tạo dáng sản phẩm thủ công mỹ nghệ; - Hiểu rõ và vận dụng các phương pháp sáng tác thiết kế vào việc thiết kế và tạo dáng các sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống và hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. 3. Kỹ năng tư duy <i>Chuyên ngành Thiết kế Nội thất:</i> - Có năng lực sáng tác, thiết kế trong lĩnh vực nội thất. Nắm vững ngôn ngữ và các phương pháp sáng tác thiết kế trang trí nội thất; vận dụng một cách hiệu quả và sáng tạo vào quá trình sáng tác thiết kế trang trí nội thất; - Có kỹ năng vẽ, thiết kế và sử dụng các phương tiện, thiết bị, máy móc và các phần mềm thiết kế trang trí nội – ngoại thất một cách thuần thục; - Có kỹ năng diễn giải, phân tích, đánh giá được chất lượng thiết kế và hiệu quả nghệ thuật của các sản phẩm thiết kế nội thất. <i>Chuyên ngành Thiết kế truyền thống:</i> - Có năng lực sáng tác, thiết kế trong lĩnh vực trang trí thủ công mỹ nghệ. Nắm vững ngôn ngữ và các phương pháp sáng tác thiết kế truyền thống; vận dụng một cách hiệu quả và sáng tạo vào quá trình sáng tác thiết kế các sản phẩm Sơn mài, Gốm thủ công mỹ nghệ; - Có trình độ kỹ thuật tốt để tạo tác ra các sản phẩm thủ công mỹ nghệ có chất lượng kỹ thuật, nghệ thuật cao; - Có kỹ năng diễn giải, phân tích, đánh giá được chất lượng thiết kế và hiệu quả nghệ thuật của các sản phẩm thiết kế truyền thống. 4. Kỹ năng chuyên môn thực tế, kỹ năng mềm: - Có khả năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu cũng
---	---

		như làm việc theo nhóm, theo dự án. - Linh hoạt trong giải quyết công việc theo kế hoạch, tổ chức làm việc trong phạm vi chuyên môn của mình. - Có khả năng khai thác, vận dụng sử dụng các công cụ như trang thiết bị, máy tính, các phần mềm chuyên dụng để phục vụ chuyên môn. 5. Yêu cầu về thái độ học tập của người học - Có lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn. Nắm vững đường lối chủ chương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; - Có tinh thần học hỏi, tự học, tự nghiên cứu và sáng tạo, tâm huyết với nghệ thuật, tinh thần nhân văn sâu sắc; ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, biết phát huy các giá trị truyền thống và tiếp thu, chọn lọc học tập tinh hoa nhân loại trong lĩnh vực thiết kế mỹ thuật ứng dụng
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	1. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học. Ngoài ra, Trường còn Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị - sinh viên đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, chủ trương của Đảng và Nhà nước, pháp luật nhà nước, các quy định của Trường và Đại học Huế cho toàn bộ sinh viên, các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, cập nhật chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với SV. 2. Tổ chức các hoạt động triển lãm, văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên. 3. Phối hợp với chính quyền và công an của Phường Thuận thành và Thành phố Huế xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên. 4. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên. Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên bộ, hướng dẫn của Đại học Huế giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng. 5. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời. 6. Quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên, sinh viên.

IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chuyên ngành Thiết kế Nội thất		
		Stt	Tên học phần	Số ĐVHT
			I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG	72
			1.1. Khoa học Mác-Lênin	15
		1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3
		2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5
		3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4
		4	Đường lối CM của Đảng CSVN	3
			1.2. Khoa học xã hội	6
		5	Lịch sử triết học phương Đông	3
		6	Lịch sử triết học phương Tây	3
			1.3. Khoa học tự nhiên	3
		7	Tin học đại cương	3
			1.4. Ngoại ngữ	10
		8	Anh văn 1	2
		9	Anh văn 2	2
		10	Anh văn 3	3
		11	Anh văn 4	3
			1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật	38
		12	Cơ sở văn hóa VN	4
		13	Mỹ học đại cương	3
		14	Nghệ thuật học đại cương	3
		15	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2
		16	Đường lối VH-VN của Đảng	2
		17	Anh văn chuyên ngành	4
		18	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2
		19	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2
		20	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3
		21	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3
		22	Thẩm mỹ Công nghiệp	3
		23	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	3
		24	Khoa học lao động (Ergoromie)	2
		25	Nhập môn Marketing	2
			1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)	
		26	Giáo dục thể chất 1	2
27	Giáo dục thể chất 2	3		
	1.7. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)			
28	Giáo dục QP			
	II. KIẾN THỨC GD CH.NGHIỆP	170		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành	14		
29	Giải phẫu tạo hình 1	2		
30	Giải phẫu tạo hình 2	2		
31	Giải phẫu tạo hình 3	2		
32	Định luật xa gần 1	2		
33	Định luật xa gần 2	2		
34	Đặc họa	2		
35	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2		

		2.2. Kiến thức chung ngành	74
	36	Hình họa 1	5
	37	Hình họa 2	5
	38	Hình họa 3	5
	39	Hình họa 4	5
	40	Hình họa 5	5
	41	Hình họa 6	5
	42	Hình họa 7	5
	43	Cơ sở tạo hình 1	5
	44	Cơ sở tạo hình 2	5
	45	Nguyên lý thị giác 1	5
	46	Nguyên lý thị giác 2	5
	47	Thâm nhập thực tế 1	4
	48	Thâm nhập thực tế 2	4
	49	Thâm nhập thực tế 3	5
	50	Thâm nhập thực tế 4	6
		2.3. Kiến thức chuyên sâu ngành	82
	51	Đồ họa ảnh (nhiếp ảnh)	3
	52	Đồ họa máy tính 1(CorelDraw)	3
	53	Đồ họa máy tính 2(Photoshop)	3
	54	Đồ họa máy tính 3(Illustrator)	3
	55	Đồ họa máy tính 4(AutoCAD)	3
	56	Đồ họa máy tính 5(3dsMax)	3
	57	Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội thất	2
	58	Cơ sở tạo hình kiến trúc	2
	59	Cấu tạo kiến trúc nội thất	2
	60	Chiếu sáng nội thất	2
	61	Âm học kiến trúc	2
	62	Cây xanh trang trí	2
	63	Vật liệu xây dựng	2
	64	Kỹ thuật diễn họa (tả chất liệu)	2
	65	Vẽ phối cảnh, kĩ họa KT nội thất	2
	66	Vẽ kỹ thuật xây dựng (PP thể hiện kiến trúc)	3
	67	Kỹ thuật mô hình	3
	68	Thiết kế gia cụ	5
	69	Thiết kế nội thất CT nhà ở	5
	70	Thiết kế nội thất CT thương mại 1 (bar, café, nhà hàng, khách sạn...)	5
	71	Thiết kế nội thất công trình giáo dục	5
	72	Thiết kế nội thất CT thương mại 2	5
	73	Thiết kế nội thất CT văn hóa 1 (nhà hát, rạp chiếu phim, thư viện...)	5
	74	Thiết kế nội thất CT văn hóa 2 (bảo tàng)	5
	75	Đồ án tiền tốt nghiệp	5
		III. THI TỐT NGHIỆP	15
	76	Khóa luận	5
	77	Đồ án	10
		Tổng cộng toàn khóa (*)	257

Chuyên ngành Thiết kế truyền thống:		
Stt	Tên học phần	Số ĐVHT
	I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG	72
	1.1. Khoa học Mác-Lênin	15
1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3
	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5
2	Đường lối CM của Đảng CSVN	4
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
	1.2. Khoa học xã hội	6
4	Lịch sử triết học phương Đông	3
5	Lịch sử triết học phương Tây	3
	1.3. Khoa học tự nhiên	3
6	Tin học đại cương	3
	1.4. Ngoại ngữ	10
7	Anh văn 1	2
	Anh văn 2	2
	Anh văn 3	3
	Anh văn 4	3
	1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật	38
8	Cơ sở văn hóa VN	4
9	Mỹ học đại cương	3
10	Nghệ thuật học đại cương	3
11	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2
12	Đường lối VH-VN của Đảng	2
13	Anh văn chuyên ngành	4
14	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2
	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2
15	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3
	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3
16	Thẩm mỹ Công nghiệp	3
17	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	3
18	Khoa học lao động (Ergonomie)	2
19	Nhập môn Marketing	2
	1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)	
20	Giáo dục thể chất 1	2
	Giáo dục thể chất 2	3
	1.7. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)	
21	Giáo dục QP	
	II. KIẾN THỨC GD CH.NGHIỆP	177

		2.1. Kiến thức cơ sở ngành	12
22	Giải phẫu tạo hình 1		2
	Giải phẫu tạo hình 2		2
	Giải phẫu tạo hình 3		2
23	Định luật xa gần 1		2
	Định luật xa gần 2		2
24	Đặc họa		2
	2.2. Kiến thức chung ngành		76
25	Hình họa 1		5
26	Hình họa 2		5
27	Hình họa 3		5
28	Hình họa 4		5
29	Hình họa 5		5
30	Hình họa 6		5
31	Hình họa 7		5
32	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ		2
33	Cơ sở tạo hình 1		5
34	Cơ sở tạo hình 2		5
35	Nguyên lý thị giác 1		5
36	Nguyên lý thị giác 2		5
37	Thâm nhập thực tế 1		4
	Thâm nhập thực tế 2		4
	Thâm nhập thực tế 3		5
	Thâm nhập thực tế 4		6
	2.3. Kiến thức chuyên sâu ngành		89
38	Marketing căn bản		2
39	Đồ họa máy tính 1 (Corel-Draw)		3
40	Đồ họa máy tính 2 (Photoshop)		3
41	Đồ họa máy tính 3 (Auto-CAD)		3
42	Đồ họa máy tính 4 (3D-Max)		3
43	Nhiếp ảnh		2
44	Cơ sở phương pháp luận Design		2
45	Lịch sử sơn mài Việt Nam		2
46	Quy trình kỹ thuật sơn mài		2
47	Kỹ thuật điều chế sơn chín		2
48	Nghiên cứu bảng màu sơn mài		3
49	Quy trình làm cốt vóc mặt phẳng		3
50	Quy trình làm cốt vóc mặt cong		4
51	TK tạo dáng sản phẩm sơn mài Lưu niệm 1		5
52	TK tạo dáng sản phẩm sơn mài Lưu niệm		5

			2	
		53	TK tạo dáng sản phẩm trang trí Nội - Ngoại thất 1	5
		54	TK tạo dáng sản phẩm trang trí Nội - Ngoại thất 2	5
		55	TK tạo dáng sản phẩm Phụ kiện thời trang	5
		56	Thiết kế tạo dáng sản phẩm gia dụng	5
		57	Thiết kế tạo dáng sản phẩm kết hợp các chất liệu	5
		58	Sáng tác Tranh 1	5
			Sáng tác Tranh 2	5
			Sáng tác Tranh 3	5
			Đồ án sáng tác thiết kế cụm SP đồng bộ	5
			III. THI TỐT NGHIỆP	15
		59	Khóa luận	5
		60	Đồ án	10
			Tổng cộng toàn khóa (*)	264
		(*) Chưa tính học phần GDTC và GDQPAN		
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.		
VII	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<i>Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Thiết kế Nội thất:</i> - Có thể tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các công ty tư nhân liên quan đến lĩnh vực thiết kế trang trí nội thất như thiết kế kiến trúc, trang trí nội thất các công trình kiến trúc dân dụng và kiến trúc công nghiệp - Có khả năng tự tìm ra việc làm hoặc thành lập các công ty tư nhân trong lĩnh vực thiết kế trang trí nội thất. <i>Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Thiết kế truyền thông:</i> - Có thể tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các công ty tư nhân liên quan đến lĩnh vực thiết kế truyền thông như thiết kế tạo dáng các sản phẩm thủ công mỹ nghệ có giá trị nghệ thuật cao. - Có khả năng tự tìm ra việc làm hoặc thành lập các công ty tư nhân trong lĩnh vực tạo dáng và thiết kế sản phẩm thủ công mỹ nghệ.		

Ngành Sư phạm Mỹ thuật – 7140222

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 và được sửa đổi bổ sung theo thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3

		năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh tham gia dự thi vào ngành Sư phạm mỹ thuật có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	1. Kiến thức: - Có hiểu biết về kiến thức lý luận chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; - Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ của đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020; - Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác, về lý luận nghệ thuật vào việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn; - Nắm vững khối kiến thức chuyên ngành và kỹ năng chuyên ngành sư phạm mỹ thuật. 2. Kỹ năng cơ bản - Nắm vững các kiến thức về phương pháp sư phạm, thực hành chức năng hoạt động dạy học bộ môn, tâm lý học và giáo dục học; - Có trình độ sáng tạo và khả năng truyền thụ kiến thức nghệ thuật tốt; - Nắm vững kỹ năng nghề nghiệp, vận dụng linh hoạt kỹ năng sư phạm, phương pháp giảng dạy Mỹ thuật, tổ chức thực hiện các bài giảng, thuyết trình thông qua hình thức tổ chức hoạt động dạy học; - Có kỹ năng ứng dụng thực hành chuyên môn, kỹ năng phân tích sáng tạo, phát triển ý tưởng và khả năng nghiên cứu xử lý các kỹ thuật, chất liệu... 3. Kỹ năng tư duy - Nắm vững kỹ năng sư phạm, khả năng giáo dục nghệ thuật, thực hiện các bài giảng, thuyết trình thông qua hình thức tổ chức hoạt động dạy học, nâng cao phương pháp giảng dạy sư phạm, thâm nhập thực tế bằng các hình thức thực địa, tham quan. - Có khả năng nghiên cứu khoa học, đánh giá và phân tích tác phẩm Mỹ thuật. - Có khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tiễn dạy học và sáng tạo tác phẩm. - Có khả năng trình bày và diễn giải các vấn đề, ý tưởng nghệ thuật, giải pháp tạo hình của bản thân bằng ngôn ngữ nói và viết; 4. Kỹ năng chuyên môn thực tế, kỹ năng mềm - Có kỹ năng thực hành chuyên môn, sáng tạo ý tưởng, phát triển hệ thống lý luận và nghiên cứu sâu tính năng của

		các chất liệu sử dụng để thể hiện tác phẩm có hiệu quả cao về kỹ thuật xử lý chất liệu. - Có khả năng nghiên cứu, tiếp cận thực tế, hòa nhập cộng đồng, cập nhật kiến thức mới. 5. Yêu cầu về thái độ học tập của người học - Có lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức nhiệm công dân. Nắm vững đường lối chủ chương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực Văn hóa Nghệ thuật. - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tâm huyết với nghề, có tác phong nghiêm túc đứng trên bục giảng, có tinh thần học hỏi, tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo, ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường. - Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, biết phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp và tiếp thu có chọn lọc, học tập tinh hoa nhân loại trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.
III	Các chính sách hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	1. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học. Ngoài ra, Trường còn Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị - sinh viên đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, chủ trương của Đảng và Nhà nước, pháp luật nhà nước, các quy định của Trường và Đại học Huế cho toàn bộ sinh viên, các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, cập nhật chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với SV. 2. Tổ chức các hoạt động triển lãm, văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên. 3. Phối hợp với chính quyền và công an của Phường Thuận Thành và Thành phố Huế xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên. 4. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên. Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên bộ, hướng dẫn của Đại học Huế giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng. 5. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời. 6. Quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên, sinh viên. 7. Thực hiện kế hoạch kiến tập, thực tập sư phạm tại các trường THCS, giúp sinh viên có kiến thức, thực hành giảng dạy.

IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Stt	Tên học phần	Số ĐVHT
			I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG	80
			1.1. Khoa học Mác-Lênin	15
		1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3
		2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5
		3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
		4	Đường lối CM của Đảng CSVN	4
			1.2. Khoa học tự nhiên	3
		5	Tin học đại cương	3
			1.3. Ngoại ngữ	10
		6	Anh văn 1	2
		7	Anh văn 2	2
		8	Anh văn 3	3
		9	Anh văn 4	3
			1.4. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật	52
		10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4
		11	Quản lý HCNN và QL ngành GDĐT	2
		12	Giáo dục học 1	3
		13	Giáo dục học 2	3
		14	Tâm lý học 1	3
		15	Tâm lý học 2	3
		16	Ph. pháp Nghiên cứu khoa học	2
		17	Đường lối VH-VN của Đảng CSVN	2
		18	Mỹ học đại cương	3
		19	Phân tích tranh	4
		20	Mỹ học chuyên ngành	4
		21	Tin học chuyên ngành	5
		22	Anh văn chuyên ngành	4
		23	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2
		24	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2
		25	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3
		26	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3
			1.5. Giáo dục thể chất (5 Đvht)	
		27	Giáo dục thể chất 1	2
		28	Giáo dục thể chất 2	3
			1.6. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)	
		29	Giáo dục QP	
			II. KIẾN THỨC GD CH. NGHIỆP	133
			2.1. Kiến thức cơ sở ngành	32

		30	Giải phẫu tạo hình 1	2
		31	Giải phẫu tạo hình 2	2
		32	Giải phẫu tạo hình 3	2
		33	Định luật xa gần 1	2
		34	Định luật xa gần 2	2
		35	Ph.pháp & thực hành GDMT	8
		36	Công tác Đội TNTP HCM	2
		37	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2
		38	Kiến tập sư phạm	2
		39	Thực tập sư phạm	8
			2.2. Kiến thức chung ngành	62
		40	Hình họa 1	5
		41	Hình họa 2	5
		42	Hình họa 3	5
		43	Hình họa 4	5
		44	Hình họa 5	5
		45	Hình họa 6	5
		46	Nguyên lý thị giác	3
		47	Cơ sở tạo hình 1	5
		48	Cơ sở tạo hình 2	5
		49	Cơ sở tạo hình 3	5
		50	Điều khắc phổ thông	2
		51	Thâm nhập thực tế 1	4
		52	Thâm nhập thực tế 2	4
		53	Thâm nhập thực tế 3	4
			2.3. Kiến thức chuyên ngành	39
		54	Phương pháp và Quy tắc Bố cục	2
		55	Bố cục chất liệu 1	6
		56	Bố cục chất liệu 2	6
		57	Bố cục chất liệu 3	6
		58	Bố cục chất liệu 4	6
		59	Bố cục chất liệu 5	6
		60	Bố cục tiền tốt nghiệp	7
			III. THI TỐT NGHIỆP	10
		61	Khóa luận	3
		62	Tác phẩm	7
			Tổng cộng toàn khóa (*)	223
			<i>(*) Chưa tính học phần GDTC và GDQPAN</i>	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.		

VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	- Giáo viên giảng dạy Mỹ thuật tại các trường THCS, Trung cấp Mỹ thuật hoặc các giảng viên giảng dạy Mỹ thuật tại các trường Cao đẳng, Đại học có cùng chuyên ngành. - Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Mỹ thuật có thể tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước hoặc tư nhân có đào tạo về Mỹ thuật hoặc thực hiện các công việc liên quan đến mỹ thuật... - Có thể trở thành họa sĩ sáng tác chuyên nghiệp, có khả năng hội nhập với trào lưu mỹ thuật truyền thống và đương đại ở trong nước, trong khu vực và quốc tế.
----	---	--

Ngành Đồ họa – 7210104

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 và được sửa đổi bổ sung theo thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh tham gia dự thi vào ngành Đồ họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	1. Kiến thức - Có hiểu biết về kiến thức lý luận chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; - Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ của đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020; - Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác, về lý luận nghệ thuật vào việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn; - Nắm vững những kiến thức cơ sở nghệ thuật thuộc khối/nhóm ngành nghệ thuật và mỹ thuật với trình độ lý luận nhất định về mỹ thuật; - Nắm vững và vận dụng các phương pháp sáng tạo nghệ thuật và ngôn ngữ đồ họa để xây dựng một tác phẩm mỹ thuật có nội dung mang tính dân tộc và hiện đại theo phong cách cá nhân. 2. Kỹ năng cơ bản - Vận dụng các yếu tố tạo hình trong sáng tác tác phẩm đồ họa thể hiện thị hiếu thẩm mỹ tốt; - Nắm vững và vận dụng linh hoạt các kỹ thuật in ấn của từng chất liệu như: In nổi, in phẳng, in chìm, in xuyên, in <i>monotype</i>, <i>monoprint</i> <i>collagraph</i> và các kỹ thuật in ấn tổng hợp khác để sáng tác các tác phẩm mỹ thuật thuộc

		ngành Đồ họa in ấn; - Nắm vững các kỹ thuật vẽ tay của từng chất liệu như: Màu nước, mực nho, bút sắt... và kết hợp một số các kỹ thuật vẽ tay khác để sáng tác các tác phẩm mỹ thuật thuộc ngành Đồ họa; - Có khả năng sử dụng các phương tiện hiện đại phục vụ sáng tác nghệ thuật tạo hình. 3. Kỹ năng tư duy - Có phương pháp tư duy sáng tạo nghệ thuật; Có thể phân tích, đánh giá chất lượng và hiệu quả tác phẩm nghệ thuật tạo hình; - Có khả năng trình bày và diễn giải các vấn đề, ý tưởng nghệ thuật, giải pháp tạo hình của cá nhân; - Chủ động xây dựng đề tài, và sáng tác tác phẩm đồ họa. 4. Kỹ năng chuyên môn thực tế, kỹ năng mềm - Có khả năng độc lập trong nghiên cứu, thử nghiệm các hình thức nghệ thuật và tìm tòi các kỹ thuật mới để phát triển tác phẩm; - Có khả năng sáng tác, tham gia triển lãm mỹ thuật tạo hình chuyên nghiệp; - Có thể thực hành và làm việc trong các môi trường nghệ thuật khác nhau; - Có khả năng nghiên cứu mỹ thuật và năng lực quản lý về mỹ thuật nói riêng và văn hóa, nghệ thuật nói chung. 5. Yêu cầu về thái độ học tập của người học - Có lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn. Nắm vững đường lối chủ chương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực Văn hóa Nghệ thuật; - Có tinh thần tự nghiên cứu sáng tạo, tiếp thu kiến thức mới, và ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy các giá trị truyền thống đồ họa thế giới và dân gian, dân tộc.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	1. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học. Ngoài ra, Trường còn Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị - sinh viên đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, chủ trương của Đảng và Nhà nước, pháp luật nhà nước, các quy định của Trường và Đại học Huế cho toàn bộ sinh viên, các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, cập nhật chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với SV. 2. Tổ chức các hoạt động triển lãm, văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên. 3. Phối hợp với chính quyền và công an của Phường

		Thuận Thành và Thành phố Huế xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên. 4. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên. Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên bộ, hướng dẫn của Đại học Huế giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng. 5. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời. 6. Quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên, sinh viên.		
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Stt	Tên học phần	Số ĐVHT
			I.GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	72
			1.1. Khoa học Mác-Lênin	15
		1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3
		2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5
		3	Đường lối CM của Đảng CSVN	4
		4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
			1.2. Khoa học xã hội	6
		5	Lịch sử triết học phương Đông	3
		6	Lịch sử triết học phương Tây	3
			1.3. Khoa học tự nhiên	3
		7	Tin học đại cương	3
			1.4. Ngoại ngữ	10
		8	Anh văn 1	2
		9	Anh văn 2	2
		10	Anh văn 3	3
		11	Anh văn 4	3
			1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật	38
		12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4
		13	Mỹ học đại cương	3
		14	Nghệ thuật học đại cương	3
		15	Mỹ thuật học	3
		16	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2
		17	Đường lối VH-VN của Đảng	2
		18	Mỹ học chuyên ngành	4
		19	Tin học chuyên ngành	3
		20	Anh văn chuyên ngành	4
		21	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2
		22	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2
		23	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3
		24	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3
			1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)	

25	Giáo dục thể chất 1	2
26	Giáo dục thể chất 2	3
	1.7. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)	
27	Giáo dục QP	
	II. KIẾN THỨC GD CH NGHIỆP	172
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành	14
28	Giải phẫu tạo hình 1	2
29	Giải phẫu tạo hình 2	2
30	Giải phẫu tạo hình 3	2
31	Định luật xa gần 1	2
32	Định luật xa gần 2	2
33	Đặc họa	2
34	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ Việt Nam	2
	2.2. Kiến thức chung ngành	63
35	Cơ sở Ngôn ngữ Đồ họa	2
36	Phương pháp Bố cục	2
37	Hình họa 1	4
38	Hình họa 2	4
39	Hình họa 3	4
40	Hình họa 4	4
41	Hình họa 5	5
42	Hình họa 6	5
43	Hình họa 7	5
44	Nguyên lý thị giác	3
45	Cơ sở tạo hình 1	3
46	Cơ sở tạo hình 2	3
47	Cơ sở tạo hình 3	4
48	Chất liệu Hội họa 1	3
49	Chất liệu Hội họa 2	3
50	Chất liệu Hội họa 3	3
51	Đồ họa máy tính 1	2
52	Đồ họa máy tính 2	2
53	Điều khắc	2
	2.3. Kiến thức chuyên ngành	95
54	Kỹ thuật in nổi 1	3
55	Kỹ thuật in nổi 2	3
56	Kỹ thuật in nổi 3	3
57	Kỹ thuật in phẳng 1	3
58	Kỹ thuật in phẳng 2	3
59	Kỹ thuật in phẳng 3	3
60	Kỹ thuật in xuyên 1	3
61	Kỹ thuật in xuyên 2	3
62	Kỹ thuật in xuyên 3	3
63	Kỹ thuật in chìm 1	3
64	Kỹ thuật in chìm 2	3
65	Kỹ thuật in chìm 3	3
66	Kỹ thuật in độc bản	3
67	Đồ họa vẽ tay	3

		68	Bố cục chất liệu 1	3
		69	Bố cục chất liệu 2	3
		70	Thâm nhập thực tế 1	3
		71	Thâm nhập thực tế 2	3
		72	Thâm nhập thực tế 3	4
		73	Thâm nhập thực tế 4	5
		74	Sáng tác Đồ họa 1	6
		75	Sáng tác Đồ họa 2	6
		76	Sáng tác Đồ họa 3	6
		77	Sáng tác Đồ họa 4	6
		78	Sáng tác Đồ họa 5	8
			III. THI TỐT NGHIỆP	15
		79	Khóa luận	5
		80	Tác phẩm	10
			Tổng cộng toàn khóa (*)	259
			(*) Chưa tính học phần GDTC và GDQPAN	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.		
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	- Có thể độc lập trong nghiên cứu, thể nghiệm các hình thức nghệ thuật mới; - Có khả năng sáng tác tác phẩm tạo hình thuộc lĩnh vực Đồ họa in ấn, hoặc vẽ tay thể hiện trình độ thẩm mỹ tốt, đáp ứng nhu cầu thưởng thức mỹ thuật trong xã hội; - Có khả năng giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên ngành và phổ thông (Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm bổ sung); - Có thể làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật ở các cơ quan, đơn vị tổ chức trong và ngoài nước.		

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 01 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Xuân Phú

		68	Bố cục chất liệu 1	3
		69	Bố cục chất liệu 2	3
		70	Thâm nhập thực tế 1	3
		71	Thâm nhập thực tế 2	3
		72	Thâm nhập thực tế 3	4
		73	Thâm nhập thực tế 4	5
		74	Sáng tác Đồ họa 1	6
		75	Sáng tác Đồ họa 2	6
		76	Sáng tác Đồ họa 3	6
		77	Sáng tác Đồ họa 4	6
		78	Sáng tác Đồ họa 5	8
			III. THI TỐT NGHIỆP	15
		79	Khóa luận	5
		80	Tác phẩm	10
			Tổng cộng toàn khóa (*)	259
			(*) Chưa tính học phần GDTC và GDQPAN	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.		
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	- Có thể độc lập trong nghiên cứu, thử nghiệm các hình thức nghệ thuật mới; - Có khả năng sáng tác tác phẩm tạo hình thuộc lĩnh vực Đồ họa in ấn, hoặc vẽ tay thể hiện trình độ thẩm mỹ tốt, đáp ứng nhu cầu thưởng thức mỹ thuật trong xã hội; - Có khả năng giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên ngành và phổ thông (Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm bổ sung); - Có thể làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật ở các cơ quan, đơn vị tổ chức trong và ngoài nước.		

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 01 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Xuân Phú

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế
của trường Đại học Nghệ thuật năm học 2018 -2019

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiền sĩ Thạc sĩ		Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số			337	216				
1	Khối ngành I			28	216				
2	Khối ngành II			239					
3	Khối ngành V			70					

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành I	32	0	14	7	96
2	Khối ngành II	93	0	11	50	98,1
3	Khối ngành V	49	0	2	46	97,6

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	HH40.17				
	Đường lối CM của Đảng CSVN		4	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10

	Anh văn 3		3	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	Cung cấp những kiến thức về sử mỹ thuật thế giới như lịch sử hình thành nền mỹ thuật 1 số quốc gia, đặc điểm các trường phái nghệ thuật, giới thiệu về các nghệ sĩ tiêu biểu cùng 1 số các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng và phân tích các tác phẩm đó	3	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Giáo dục thể chất 3		2	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Giải phẫu tạo hình 3	Học phần nghiên cứu tỷ lệ, đặc điểm, hình thái ,cấu trúc của toàn bộ cơ thể người, để có thể hình dung được vị trí của các bộ phận trên cơ thể khi có những chuyển biến về hình thái cấu trúc bên trong cũng như bên ngoài do những hoạt động, động tác của cơ thể tạo nên. Với mong muốn, mỹ thuật không chỉ dừng lại ở những hiểu biết tổng quan bên ngoài mà phải hiểu tường tận bản chất cơ thể, nhằm diễn tả sâu sắc sinh động, sáng tạo và chính xác	2	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Đặc họa	Kiến thức: Giúp cho sinh viên có khả năng đọc, hiểu được những bản vẽ kỹ thuật. Có thể thiết kế được những công trình đơn giản, vẽ được sơ đồ của một công sở. Nắm vững kiến thức cơ bản bổ sung cho chương trình học tập mỹ thuật trong các môn: Luật xa gần, Trang trí nội ngoại thất, Trang trí công viên, Trang trí khối, Trang trí tượng đài...	2	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Nghệ thuật không gian	Học phần trang bị cho SV phương pháp xử lý các vật liệu có sẵn phục vụ sáng tạo nghệ thuật thông qua việc nghiên cứu mối liên hệ giữa cấu trúc với khả năng thể hiện nội dung hình tượng trong không gian 3	2	HK3	- Đối với học phần chất liệu các bài tập nhỏ được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn; Đồ án chất liệu là bài thi kết

		chiều			thức học phần, được đánh giá bởi Tổ chuyên ngành. - Do tính chất của đồ án chiếm 35% khối lượng thời gian của học phần và đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm khắc trình tự các quy trình kỹ thuật, cho nên không áp dụng thi lại lần 2 cho các sinh viên có điểm học phần dưới 5.
	Cơ sở tạo hình 3	- Về lý thuyết, phần ôn tập về các nguyên tắc tạo hình phẳng cơ bản sẽ giới thiệu cho sinh viên những khác biệt cơ bản giữa bố cục trang trí và bố cục tạo hình. Phần lý thuyết về không gian sẽ giới thiệu các khái niệm, thuật ngữ về không gian, các thủ pháp xử lý không gian và quan niệm về không gian qua các giai đoạn lịch sử nghệ thuật. Với mỗi thể loại bố cục phần lý thuyết sẽ đưa ra các định nghĩa, quan niệm, đối tượng - hình thức thể hiện, ý tưởng tổ chức không gian... được liên hệ thông qua các tác phẩm nghệ thuật tạo hình kinh điển và đương đại. - Phần thực hành chú trọng đồng thời cả 2 phương diện: quá trình tìm kiếm ý tưởng-phác thảo và sản phẩm cuối cùng là bố cục tranh hoàn thiện. Trong đó quá trình tìm kiếm ý tưởng – phác thảo là một chuỗi gồm các hoạt động sáng tạo bằng các chất liệu trung gian, thể hiện sự nghiên cứu, thể nghiệm của sinh viên đối với các vấn đề đã được học. Quá trình này được hỗ trợ bởi các buổi trình bày thảo luận	5	HK3	- Đánh giá bài tập căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ của giảng viên đề ra. Ngoài trừ các quy định riêng, hồ sơ nghiên cứu chiếm trọng số từ 20% đến 30%, phần trình bày chiếm 10%, bài đồ án chuyên môn chiếm từ 60% đến 70%. - Các đồ án nhóm được đánh giá như sau: trọng số 50% cho kết quả làm việc của nhóm và 50% cho kết quả làm việc cá nhân.

		nhóm, trong đó sinh viên có thể thuyết trình các vấn đề nghiên cứu được ứng dụng thông qua bài thực hành hoặc giải trình ý tưởng, phương pháp xử lý bộ cục... với kỹ năng nghiên cứu được trang bị ngay trong bài đầu tiên của học phần.			
	Hình họa 3	- Tiếp tục nâng cao các kỹ năng phân tích và thể hiện diện, mảng, khối của đối tượng có bằng phương tiện nghiên cứu là màu sắc; bước đầu làm quen với kỹ thuật chất liệu nghiên cứu là sơn dầu, thực tập thể hiện màu sắc hài hòa trong tương quan nóng lạnh, sáng tối và đặc điểm hòa sắc của mẫu. - Đối tượng nghiên cứu: Mẫu người, không gian nền phẳng. - Chất liệu nghiên cứu: Sơn dầu.	5	HK3	- Đánh giá bài tập căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ của giảng viên đề ra. Ngoài trừ các quy định riêng, hồ sơ nghiên cứu chiếm trọng số từ 20% đến 30%, phần trình bày chiếm 10%, bài đồ án chuyên môn chiếm từ 60% đến 70%. - Các đồ án nhóm được đánh giá như sau: trọng số 50% cho kết quả làm việc của nhóm và 50% cho kết quả làm việc cá nhân.
	Trực họa 2 (HH8)	- Phần lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ, khái niệm và chức năng, ngôn ngữ biểu cảm của các yếu tố tạo hình. Các đặc tính kỹ thuật của chất liệu ướt và khả năng kết hợp chất liệu khô và ướt, qua đó tiếp cận đối tượng diễn tả qua các chủ đề, thể tài phục vụ cho nghiên cứu thực tế cũng như sáng tác tạo hình. - Tiếp cận với các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của hội họa thế giới qua phân tích, bình luận, nhận xét, đánh giá. - Phần thực hành sẽ bao gồm các bài tập nhóm và bài tập	5	HK3	- Đánh giá bài tập căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ của giảng viên đề ra. Ngoài trừ các quy định riêng, hồ sơ nghiên cứu chiếm trọng số từ 20% đến 30%, phần trình bày chiếm 10%, bài đồ án chuyên môn chiếm từ 60% đến 70%. - Các đồ án nhóm được đánh giá

		lớn. Bài tập nhóm thực hiện tại lớp song song với nội dung lý thuyết của từng bài như: thể nghiệm chất liệu màu nước, các dạng biểu chất bề mặt của giấy và mực nho...giúp sinh viên nhận biết các nội dung thông qua khả năng khám phá kỹ thuật của từng cá nhân. Bài tập lớn được sinh viên lựa chọn trong từng nội dung của bài tập nhỏ để đẩy sâu nghiên cứu hay phát huy sáng tạo theo từng chủ đề.			nếu sau: trọng số 50% cho kết quả làm việc của nhóm và 50% cho kết quả làm việc cá nhân.
	Tư tưởng Hồ Chí Minh		3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Cơ sở văn hóa VN		4	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Mỹ học đại cương	Kiến thức: Để góp phần xây dựng đời sống thẩm mỹ phong phú, lành mạnh của con người và xã hội, học phần mỹ học đại cương sẽ trang bị cho sinh viên những Kiến thức cơ bản, hiện đại, hệ thống và tương đối toàn diện về mỹ học. Nhằm tạo cho sinh viên những Kiến thức về các phạm trù thẩm mỹ Để từ đó có khả năng cảm thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống. Hiểu sâu sắc về phương diện thẩm mỹ trong đời sống và trong nghệ thuật. + Kỹ năng: Nội dung Kiến thức môn học là cơ sở hình thành nhận thức về thẩm mỹ. Phân tích, đánh giá và sáng tạo theo quy luật cái đẹp. + Thái độ: Đảm bảo giờ học lý thuyết và tích cực trong giờ thảo luận, thường thức và sáng tạo cái đẹp.	3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	Cung cấp những kiến thức về sử mỹ thuật thế giới như lịch sử hình thành nền mỹ thuật 1 số quốc gia, đặc điểm các trường phái nghệ thuật, giới	3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10

		thiệu về các nghệ sĩ tiêu biểu cùng 1 số các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng và phân tích các tác phẩm đó			
	Giáo dục thể chất 4		3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Anh văn chuyên ngành	Kiến thức: Nắm vững các cấu trúc ngữ pháp và thuật ngữ cơ bản tiếng Anh chuyên ngành Mỹ thuật. Sử dụng tốt các mẫu câu và bài đọc, bài viết mẫu sử dụng trong chuyên ngành mỹ thuật, hội họa, điêu khắc, đồ họa, mỹ thuật ứng dụng và lý luận, lịch sử mỹ thuật để có thể đọc tài liệu tiếng Anh chuyên ngành mỹ thuật, giới thiệu và giao tiếp trong lĩnh vực mỹ thuật. Kỹ năng: Thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết trong đó chú trọng đến phần đọc và nói. Thái độ, chuyên cần: Sinh viên được yêu cầu tham gia đầy đủ những giờ lý thuyết và đóng góp tích cực vào bài học.	4	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Thâm nhập thực tế 1	- Học phần nhằm cung cấp tư liệu về nội dung và chi tiết thể hiện phục vụ cho các học phần bổ cục cơ bản. - Thông qua học phần sinh viên nắm được ý nghĩa và mục đích của thâm nhập thực tế, nắm được yêu cầu của ký họa thực tế, cách thức tổ chức và khai thác ký họa thực tế để phục vụ học tập sáng tác; phát hiện và khái quát được các nội dung của đề tài sinh hoạt thực tế thông qua các dạng ký họa ghi chép các đặc điểm tư thế, động thái, thể trạng nhân vật; bối cảnh; phương tiện - vật dụng - phụ kiện đặc trưng.	4	HK4	Sinh viên trình bày tư liệu nghiên cứu thực tế đã được hệ thống hóa, đồng thời thuyết minh về mối liên quan giữa địa điểm-đề tài thực tế với ý tưởng sáng tác (dự kiến) và tài liệu nghiên cứu thực tế.
	Hình họa 4	- Nghiên cứu sâu cấu trúc cơ thể người qua các tư thế, môi	5	HK4	- Đánh giá bài tập căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ

		quan hệ giữa các khối của các bộ phận của cơ thể người với nhau, chú ý đến các giải pháp xử lý không gian cục bộ và màu sắc. - Nâng cao kỹ năng sử dụng chất liệu sơn dầu thông qua khả năng diễn tả tính chất bề mặt và sắc thái màu của đối tượng nghiên cứu (da thịt, tóc, vải...). Cuối học phần sinh viên có thể diễn tả được mẫu trong mối tương quan với bối cảnh và chiều sâu không gian. - Đối tượng nghiên cứu: Mẫu người, tư thế phức tạp, không gian cận và không gian nội thất. - Chất liệu nghiên cứu: Sơn dầu.			của giảng viên đề ra. Ngoài trừ các quy định riêng, hồ sơ nghiên cứu chiếm trọng số từ 20% đến 30%, phần trình bày chiếm 10%, bài đồ án chuyên môn chiếm từ 60% đến 70%. - Các đồ án nhóm được đánh giá như sau: trọng số 50% cho kết quả làm việc của nhóm và 50% cho kết quả làm việc cá nhân.
	Cơ sở tạo hình 4	- Học phần cung cấp cho sinh viên lý thuyết về tranh chủ đề với hình tượng con người làm trung tâm; Các khái niệm về hình tượng nhân vật, khái quát hóa, điển hình hóa; Diễn trình quan niệm về hình tượng con người trong hội họa qua các thời kỳ khác nhau của lịch sử nghệ thuật... - Trong nội dung thực hành sinh viên thực hiện các bài tập nhỏ về bố cục nhóm nhân vật, khái quát hóa hình thể nhân vật và thực hiện một số bố cục tạo hình theo đề tài thực tế với hình tượng con người làm trung tâm. - Sinh viên sẽ tham gia một số buổi thảo luận để phân tích tư liệu thực tế và chọn lọc tài liệu phù hợp phục vụ cho các bài thực hành. Một số hoạt động đánh giá chéo và tự đánh giá dựa trên biểu đánh giá rubric sẽ giúp sinh viên tăng cường khả năng phân tích và đánh giá bố cục tạo hình.	5	HK4	- Đánh giá bài tập căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ của giảng viên đề ra. Ngoài trừ các quy định riêng, hồ sơ nghiên cứu chiếm trọng số từ 20% đến 30%, phần trình bày chiếm 10%, bài đồ án chuyên môn chiếm từ 60% đến 70%. - Các đồ án nhóm được đánh giá như sau: trọng số 50% cho kết quả làm việc của nhóm và 50% cho kết quả làm việc cá nhân.

	HH39.16				
	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học		2	HK5	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Nghệ thuật học Đại cương	Môn học có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức và sự hiểu biết về nguồn gốc nghệ thuật, đặc trưng ngôn ngữ và cấu trúc, thủ pháp nghệ thuật, sự hình thành phong cách nghệ thuật. Lĩnh hội và thẩm thấu về truyền thống sáng tạo, bút pháp và các giá trị nghệ thuật của nhân loại, từ đó có khả năng vận dụng, phát huy các giá trị nghệ thuật trong học tập, sáng tạo và đời sống thẩm mỹ của mình..		HK5	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Hình họa 9 (Trực họa 3)	- Phân lý thuyết cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về sự thay đổi trong quan niệm về trực họa từ Paul Cezanne đến Jonathon Borofsky, qua đó tạo lập cho sinh viên cái nhìn về hình họa trực họa như là khả năng suy nghĩ thông qua hành động vẽ. Qua trực họa, sinh viên bày tỏ ý tưởng, sáng tạo trong ngôn ngữ thị giác và những câu chuyện. Sinh viên sử dụng các kỹ năng phân tích và đánh giá cùng với cảm quan trực giác. Trực họa sử dụng cả bán cầu não trái với tư duy cấu trúc và logic và bán cầu não phải với tư duy hình tượng và trực giác. Học phần này như là một sự kết nối trực họa như một chất liệu, phương pháp nắm bắt đối tượng và khả năng sáng tác tạo hình. - Phần thực hành sẽ bao gồm các bài tập nhỏ và hệ thống các bài tập củng cố ý niệm và kỹ thuật mà phân lý thuyết đã đề cập. Các bài tập nhỏ nhằm giúp sinh viên tiếp cận với các yếu tố thị giác dựa trên chức năng	5	HK5	- Đánh giá bài tập căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ của giảng viên đề ra. Ngoài trừ các quy định riêng, hồ sơ nghiên cứu chiếm trọng số từ 20% đến 30%, phần trình bày chiếm 10%, bài đồ án chuyên môn chiếm từ 60% đến 70%. - Các đồ án nhóm được đánh giá như sau: trọng số 50% cho kết quả làm việc của nhóm và 50% cho kết quả làm việc cá nhân.

		ngôn ngữ biểu hiện của chúng. Các bài tập lớn khuyến khích sinh viên phát triển tư duy hình tượng, tạo lập các đồ án cá nhân độc lập. Có khả năng tự thiết kế một chương trình làm việc cho bản thân từ việc lựa chọn chất liệu và chủ đề đến phương án thể hiện hình tượng mang quan niệm của cá nhân. - Học phần khuyến khích sinh viên làm việc độc lập hoặc theo nhóm, khả năng tiếp cận với nhiều dạng đối tượng trong cuộc sống, môi trường sống, khả năng thích nghi và tương tác với các chất liệu đề tài trong cuộc sống. - Học phần tạo điều kiện cho sinh viên trình bày thái độ, quan điểm cá nhân qua bài học, tác phẩm hay trong các buổi thảo luận.			
	Hình họa 5	- Học phần tiếp tục nâng cao khả năng biểu chất bề mặt và diễn tả các chất liệu khác nhau (da thịt, y phục, đồ vật, phụ kiện...) bằng chất liệu màu dầu; đồng thời tập trung nghiên cứu thể hiện đối tượng trong những bối cảnh không gian và ánh sáng khác nhau. - Phần lý thuyết của học phần này nhằm trang bị những kiến thức về không gian và biểu chất trong hình họa với chất liệu sơn dầu. Trình chiếu những tài liệu trực quan, qua đó phân tích cụ thể về kỹ thuật xử lý ánh sáng, mảng khối, tả chất, tương quan tổng thể giúp sinh viên hiểu được nội dung và mục tiêu nghiên cứu sắp tới của mình. - Phần thực hành: Sinh viên có bốn bài thực hành tại lớp. Sau mỗi bài thực hành sẽ có một buổi đánh giá và thảo luận về bài thực hành.	5	HK5	- Đánh giá bài tập căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ của giảng viên đề ra. Ngoài trừ các quy định riêng, hồ sơ nghiên cứu chiếm trọng số từ 20% đến 30%, phần trình bày chiếm 10%, bài đồ án chuyên môn chiếm từ 60% đến 70%. - Các đồ án nhóm được đánh giá như sau: trọng số 50% cho kết quả làm việc của nhóm và 50% cho kết quả làm việc cá nhân.

		- Đối tượng nghiên cứu: Mẫu người, kết hợp với y phục và phụ kiện; Không gian nội thất, kết hợp ánh sáng bổ trợ; Không gian ngoại thất.			
	Chất liệu Hội họa 1 (Lụa)	- Phần lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên lịch sử, quá trình hình thành và phát triển của chất liệu; quy trình kỹ thuật cơ bản của các chất liệu lụa; thông qua tư liệu minh họa, giúp sinh viên nắm vững đặc thù ngôn ngữ của chất liệu; Hiểu về các kỹ thuật thể nghiệm mới trong các xu hướng phát đương đại của chất liệu. - Phần thực hành sinh viên hoàn thành một bố cục tự chọn thể hiện theo quy trình kỹ thuật cơ bản; một bài tập thể nghiệm để hiểu về thủ pháp xử lý chất liệu và các kỹ thuật tạo chất của chất liệu.	3	HK5	- Giảng viên có thể yêu cầu sinh viên viết bài thu hoạch về các kỹ thuật chất liệu. Bài tiểu luận trang bị cho sinh viên các khả năng nghiên cứu khoa học cơ bản như cách thu thập tài liệu (hình ảnh, bài viết), kỹ năng viết và lý luận, cách biên tập và trình bày. - Sinh viên trình bày đồ án chất liệu 1, đánh giá kết thúc học phần.
	Chất liệu Hội họa 2 (Sơn mài)	- Phần lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên lịch sử, quá trình hình thành và phát triển của chất liệu; quy trình kỹ thuật cơ bản của các chất liệu sơn mài; thông qua tư liệu minh họa, giúp sinh viên nắm vững đặc thù ngôn ngữ của chất liệu; Hiểu về các kỹ thuật thể nghiệm mới trong các xu hướng phát đương đại của chất liệu. - Phần thực hành sinh viên hoàn thành một bố cục tự chọn thể hiện theo quy trình kỹ thuật cơ bản; một bài tập thể nghiệm để hiểu về thủ pháp xử lý chất liệu và các kỹ thuật tạo chất của chất liệu.	3	HK5	- Giảng viên có thể yêu cầu sinh viên viết bài thu hoạch về các kỹ thuật chất liệu. Bài tiểu luận trang bị cho sinh viên các khả năng nghiên cứu khoa học cơ bản như cách thu thập tài liệu (hình ảnh, bài viết), kỹ năng viết và lý luận, cách biên tập và trình bày. - Sinh viên trình bày đồ án chất liệu 1, đánh giá kết thúc học phần
	Chất liệu Hội họa 3	- Phần lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên lịch	3	HK5	- Giảng viên có thể yêu cầu sinh

	(Sơn dầu)	sử, quá trình hình thành và phát triển của chất liệu; quy trình kỹ thuật cơ bản của các chất liệu sơn dầu; thông qua tư liệu minh họa, giúp sinh viên nắm vững đặc thù ngôn ngữ của chất liệu; Hiểu về các kỹ thuật thể nghiệm mới trong các xu hướng phát đương đại của chất liệu. - Phần thực hành sinh viên hoàn thành một bố cục tự chọn thể hiện theo quy trình kỹ thuật cơ bản; một bài tập thể nghiệm để hiểu về thủ pháp xử lý chất liệu và các kỹ thuật tạo chất của chất liệu.			viên viết bài thu hoạch về các kỹ thuật chất liệu. Bài tiểu luận trang bị cho sinh viên các khả năng nghiên cứu khoa học cơ bản như cách thu thập tài liệu (hình ảnh, bài viết), kỹ năng viết và lý luận, cách biên tập và trình bày. - Sinh viên trình bày đồ án chất liệu 1, đánh giá kết thúc học phần
	Chất liệu Đa phương tiện 1 (Nhiếp ảnh)	- Phần lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến kỹ thuật và thiết bị nhiếp ảnh truyền thống cũng như nhiếp ảnh kỹ thuật số; Giới thiệu về cấu tạo, cơ phận và trình đơn trên một máy ảnh kỹ thuật số dòng ống kính đơn; Cách thiết lập các thông số cho các tình huống và các hiệu ứng chụp ảnh khác; Quy cách, định dạng in tráng ảnh; Trình chiếu và lưu trữ thành phẩm. -Phần thực hành sinh viên sẽ thao tác trên máy ảnh và thực nghiệm với các tình huống chụp ảnh khác nhau để củng cố và hiểu sâu phần lý thuyết. Song song với nội dung thực nghiệm sinh viên thực hiện 1 đồ án mang tính tổng hợp để đánh giá kết thúc học phần.	3	HK5	- Đối với học phần chất liệu các bài tập nhỏ được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn; Đồ án chất liệu là bài thi kết thúc học phần, được đánh giá bởi Tổ chuyên ngành. - Do tính chất của đồ án chiếm 35% khối lượng thời gian của học phần và đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm khắc trình tự các quy trình kỹ thuật, cho nên không áp dụng thi lại lần 2 cho các sinh viên có điểm học phần dưới 5.
	Chất liệu Đa phương tiện 2 (Video)	- Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của nghệ thuật video; các kỹ thuật làm phim video như phân cảnh, quay phim; xử lý, âm thanh, ánh sáng; biên	3	HK5	- Đối với học phần chất liệu các bài tập nhỏ được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn; Đồ án chất liệu là bài thi kết

		tập dựng phim, tạo hiệu ứng hình ảnh; xuất và trình chiếu sản phẩm. - Phần mềm nghiên cứu: Adobe Premiere và After Effect và các ứng dụng hỗ trợ khác.			thức học phần, được đánh giá bởi Tổ chuyên ngành. - Do tính chất của đề án chiếm 35% khối lượng thời gian của học phần và đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm khắc trình tự các quy trình kỹ thuật, cho nên không áp dụng thi lại lần 2 cho các sinh viên có điểm học phần dưới 5.
	Chất liệu Đa phương tiện 3 (Nghệ thuật sắp đặt)	- Phần lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát về nghệ thuật sắp đặt. các thuật ngữ, khái niệm, lịch sử của nghệ thuật sắp đặt. Hiểu được đặc điểm, tính chất, ý nghĩa của không gian, chất liệu, ánh sáng, thời gian và sự chuyển động như là yếu tố biểu đạt của nghệ thuật sắp đặt. Đồng thời nhận thức được ảnh hưởng của tiến trình phát triển của khoa học kỹ thuật và văn hóa xã hội đối với nghệ thuật sắp đặt qua các tác phẩm nghệ thuật sắp đặt của các nghệ sĩ nổi tiếng. - Phần thực hành sẽ bao gồm các bài tập nhỏ và đề án. Các bài tập nhỏ giúp sinh viên thực nghiệm các nội dung đã được giới thiệu trong phần lý thuyết. Đề án là quá trình thực hiện tác phẩm của nhóm hay của từng cá nhân giải quyết các vấn đề và đề tài do giảng viên đưa ra bằng cách tổng hợp các kiến thức đã học để đạt được các kỹ năng và thái độ nghề nghiệp đưa ra ở phần mục tiêu. Mức độ phức tạp của các đề án tăng dần theo thời gian. - Nội dung trình bày, thảo luận	3	HK5	- Đối với học phần chất liệu các bài tập nhỏ được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn; Đề án chất liệu là bài thi kết thúc học phần, được đánh giá bởi Tổ chuyên ngành. - Do tính chất của đề án chiếm 35% khối lượng thời gian của học phần và đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm khắc trình tự các quy trình kỹ thuật, cho nên không áp dụng thi lại lần 2 cho các sinh viên có điểm học phần dưới 5.

		được bố trí xen kẽ trong các phần lý thuyết, trình bày ý tưởng và đánh giá tác phẩm nhằm tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày, thuyết trình, diễn đạt ý tưởng, cũng như luyện tập khả năng đánh giá phê bình tác phẩm sắp đặt.			
	Chất liệu Hội họa 4 (Lụa)	- Phần lý thuyết của học phần sẽ củng cố cho sinh viên các khái niệm về các thể loại tranh tĩnh vật, chân dung, phong cảnh; Đặc thù của kỹ thuật chất liệu đối với việc khái quát hình tượng, không gian và biểu chất đối tượng - Phần thực hành, sinh viên thực hiện đồ án theo trình tự các thể loại tĩnh vật, chân dung, phong cảnh bằng các chất liệu tương ứng với lịch học các phần chất liệu.	3	HK6	- Giảng viên có thể yêu cầu sinh viên viết bài thu hoạch về các kỹ thuật chất liệu. Bài tiểu luận trang bị cho sinh viên các khả năng nghiên cứu khoa học cơ bản như cách thu thập tài liệu (hình ảnh, bài viết), kỹ năng viết và lý luận, cách biên tập và trình bày. - Sinh viên trình bày đồ án chất liệu 1, đánh giá kết thúc học phần
	Chất liệu Hội họa 5 (Sơn mài)	- Phần lý thuyết của học phần sẽ củng cố cho sinh viên các khái niệm về các thể loại tranh tĩnh vật, chân dung, phong cảnh; Đặc thù của kỹ thuật chất liệu đối với việc khái quát hình tượng, không gian và biểu chất đối tượng - Phần thực hành, sinh viên thực hiện đồ án theo trình tự các thể loại tĩnh vật, chân dung, phong cảnh bằng các chất liệu tương ứng với lịch học các phần chất liệu.	3	HK6	- Giảng viên có thể yêu cầu sinh viên viết bài thu hoạch về các kỹ thuật chất liệu. Bài tiểu luận trang bị cho sinh viên các khả năng nghiên cứu khoa học cơ bản như cách thu thập tài liệu (hình ảnh, bài viết), kỹ năng viết và lý luận, cách biên tập và trình bày. - Sinh viên trình bày đồ án chất liệu 1, đánh giá

					kết thúc học phần
	Chất liệu Hội họa 6 (Sơn dầu)	- Phần lý thuyết của học phần sẽ củng cố cho sinh viên các khái niệm về các thể loại tranh tĩnh vật, chân dung, phong cảnh; Đặc thù của kỹ thuật chất liệu đối với việc khái quát hình tượng, không gian và biểu chất đối tượng - Phần thực hành, sinh viên thực hiện đồ án theo trình tự các thể loại tĩnh vật, chân dung, phong cảnh bằng các chất liệu tương ứng với lịch học các phần chất liệu.	3	HK6	- Giảng viên có thể yêu cầu sinh viên viết bài thu hoạch về các kỹ thuật chất liệu. - Bài tiểu luận trang bị cho sinh viên các khả năng nghiên cứu khoa học cơ bản như cách thu thập tài liệu (hình ảnh, bài viết), kỹ năng viết và lý luận, cách biên tập và trình bày. - Sinh viên trình bày đồ án chất liệu 1, đánh giá kết thúc học phần
	Chất liệu Đa phương tiện 4 (Nhiếp ảnh)	- Phần lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm, thuật ngữ, lịch sử hình thành, tác giả tác phẩm tiêu biểu của nghệ thuật nhiếp ảnh và nhiếp ảnh tạo hình (creative photography); Các thể loại, đề tài nhiếp ảnh tạo hình; Đặc trưng ngôn ngữ chất liệu nhiếp ảnh tạo hình (Ánh sáng, bố cục...). -Phần thực hành sẽ bao gồm các bài tập nhỏ và đồ án nhằm nghiên cứu các đối tượng thể hiện, sự tương tác giữa các đối tượng, cũng như các giải pháp bố cục, kỹ thuật, hiệu ứng nhằm diễn tả thành công đối tượng.	3	HK6	- Đối với học phần chất liệu các bài tập nhỏ được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn; Đồ án chất liệu là bài thi kết thúc học phần, được đánh giá bởi Tổ chuyên ngành. - Do tính chất của đồ án chiếm 35% khối lượng thời gian của học phần và đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm khắc trình tự các quy trình kỹ thuật, cho nên không áp dụng thi lại lần 2 cho các sinh viên có điểm học phần dưới 5.
	Chất liệu Đa phương tiện 5 (Video)	- Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của nghệ thuật video; các kỹ thuật làm phim video như	3	HK6	- Đối với học phần chất liệu các bài tập nhỏ được đánh giá bởi giảng viên hướng

		phân cảnh, quay phim; xử lý âm thanh, ánh sáng, góc quay; biên tập dựng phim, tạo hiệu ứng hình ảnh; xuất và trình chiếu sản phẩm. Phần mềm nghiên cứu: Adobe Premiere và After Effect và các ứng dụng hỗ trợ khác. - Phần thực hành sẽ bao gồm các bài tập nhỏ sau mỗi phần lý thuyết để củng cố kiến thức. Đồ án kết thúc học phần được tiến hành song song trong suốt tiến trình dạy học của học phần nhằm vận dụng tổng hợp các nội dung đã học để thể hiện một nội dung nghệ thuật theo diễn trình thời gian.			dẫn; Đồ án chất liệu là bài thi kết thúc học phần, được đánh giá bởi Tổ chuyên ngành. - Do tính chất của đồ án chiếm 35% khối lượng thời gian của học phần và đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm khắc trình tự các quy trình kỹ thuật, cho nên không áp dụng thi lại lần 2 cho các sinh viên có điểm học phần dưới 5.
	Chất liệu Đa phương tiện 6 (Nghệ thuật sắp đặt)	-Phần lý thuyết của học phần tập trung làm rõ các khái niệm, đặc điểm, tính chất của “không gian đặc hữu” (site-specific) trong nghệ thuật sắp đặt, cũng như phương pháp xử lý các thành tố kết cấu nên tác phẩm sắp đặt có không gian đặc hữu... - Phần thực hành sẽ bao gồm các bài tập nhỏ và một đồ án kết thúc học phần là tác phẩm sắp đặt về không gian đặc hữu, ở đó sinh viên có thể vận dụng kết hợp nghệ thuật sắp đặt với các chất liệu khác đã học như hội họa, nhiếp ảnh, video...	3	HK6	- Đối với học phần chất liệu các bài tập nhỏ được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn; Đồ án chất liệu là bài thi kết thúc học phần, được đánh giá bởi Tổ chuyên ngành. - Do tính chất của đồ án chiếm 35% khối lượng thời gian của học phần và đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm khắc trình tự các quy trình kỹ thuật, cho nên không áp dụng thi lại lần 2 cho các sinh viên có điểm học phần dưới 5.
	Hình họa 6	- Thể hiện được tương quan tỉ lệ 2 mẫu phối hợp. Xác định được trục, hướng, thế dáng, đặc điểm cấu trúc của từng mẫu. - Phân tích, so sánh và giải quyết được mối tương quan hài	5	HK6	- Đánh giá bài tập căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ của giảng viên đề ra. Ngoài trừ các quy định riêng,

		hòa trong màu sắc, nóng lạnh, đậm nhạt, xa gần giữa các đối tượng trong một tổng thể bài vẽ nghiên cứu. - Phân tích, diễn tả sâu được chi tiết các bộ phận của mẫu trong sự thống nhất toàn bộ. - Diễn tả chất phong phú. - Diễn tả được đặc điểm sắc thái của nhân vật. - Tạo dựng được sự hài hòa giữa mẫu và không gian với một bố cục có chủ đề. - Tạo được một hòa sắc trong treo phù hợp với không gian xếp mẫu. - Phát huy được cá tính sáng tác trong nghiên cứu hình họa. - Chủ động linh hoạt trong việc xử lý chất liệu sơn dầu. Phát huy được kỹ năng của mình (Chú trọng cá tính, bút pháp riêng của từng sinh viên trong nghiên cứu).			hồ sơ nghiên cứu chiếm trọng số từ 20% đến 30%, phần trình bày chiếm 10%, bài đồ án chuyên môn chiếm từ 60% đến 70%. - Các đồ án nhóm được đánh giá như sau: trọng số 50% cho kết quả làm việc của nhóm và 50% cho kết quả làm việc cá nhân.
	Thâm nhập thực tế 2	- Học phần nhằm cung cấp tư liệu về nội dung và chi tiết thể hiện phục vụ cho các học phần bố cục cơ bản. - Thông qua học phần sinh viên nắm được ý nghĩa và mục đích của thâm nhập thực tế, nắm được yêu cầu của ký họa thực tế, cách thức tổ chức và khai thác ký họa thực tế để phục vụ học tập sáng tác; phát hiện và khái quát được các nội dung của đề tài sinh hoạt thực tế thông qua các dạng ký họa ghi chép các đặc điểm tư thế, động thái, thể trạng nhân vật; bối cảnh; phương tiện - vật dụng - phụ kiện đặc trưng. - Học phần bao gồm hai nội dung: lý thuyết và thực tập tại địa điểm thực tế, trong đó thực tập tại địa điểm thực tế với sự hướng dẫn của giảng viên là	4	HK6	Sinh viên trình bày tư liệu nghiên cứu thực tế đã được hệ thống hóa, đồng thời thuyết minh về mối liên quan giữa địa điểm-đề tài thực tế với ý tưởng sáng tác (dự kiến) và tài liệu nghiên cứu thực tế.

		nội dung trọng tâm.			
	Thâm nhập thực tế 4	- Học phần thâm nhập thực tế 4 có mục đích nghiên cứu, tìm kiếm nội dung, tư liệu và chi tiết thể hiện cho học phần sáng tác và đồ án tốt nghiệp, với đối tượng nghiên cứu do sinh viên tự xác định phù hợp với đề cương ý tưởng sáng tác. - Sinh viên được khuyến khích phát huy tối đa tính độc lập và tự chủ trong việc xác định đề tài, ý tưởng sáng tác, chất liệu và kế hoạch nghiên cứu thực tế	5	HK7	Sinh viên trình bày tư liệu nghiên cứu thực tế đã được hệ thống hóa, đồng thời thuyết minh về mối liên quan giữa hồ sơ tài liệu nghiên cứu thực tế với ý đồ sáng tác và chủ đề tư tưởng.
HH38.14					
	Đường lối VH-VN của Đảng		2	HK9	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Sáng tác 4 (Chuyên ngành HH và THĐPT)	- Là đồ án tiền tốt nghiệp, nội dung chủ yếu của học phần Sáng tác 4 là hoạt động tự nghiên cứu và sáng tác của sinh viên tại học xưởng dưới sự cố vấn của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp. - Sinh viên được khuyến khích phát huy tối đa tính độc lập và tự chủ trong việc xác định đề tài, ý tưởng sáng tác, chất liệu và kế hoạch nghiên cứu sáng tác. - Nội dung chủ đề tư tưởng, ý đồ sáng tác, chất liệu thể hiện mà sinh viên nghiên cứu phát triển trong học phần này bắt buộc phải được tiếp tục theo đuổi trong tác phẩm tốt nghiệp.	8	HK9	Để tham dự kỳ thi hết học phần, sinh viên phải trình bày 2 tác phẩm (cùng chất liệu đã đăng ký), 1 bản thuyết minh ý tưởng, đồng thời bảo vệ các ý tưởng sáng tác trước Hội đồng chấm thi. Điểm thi hết học phần được chấm theo thang điểm 10, gồm các điểm thành phần với trọng số phần trăm như sau: - 10%: Đánh giá của giảng viên hướng dẫn về quá trình nghiên cứu sáng tác. - 10%: Trình bày, bảo vệ ý tưởng. - 80%: 02 tác phẩm chuyên môn.

	Sáng tác 5 (Chuyên ngành HH và THĐPT)	- Học phần Sáng tác 5 tạo điều kiện cho sinh viên phát triển ý tưởng và sáng tác tạo hình bằng các phương tiện phương tiện phi truyền thống bên cạnh các chất liệu hội họa; qua đó sinh viên có thể so sánh, đối chiếu và tổng hợp được những vấn đề về phương pháp sáng tác từ một góc độ khái quát và rộng mở hơn. - Về cơ bản, nội dung và quy trình tiến hành học phần Sáng tác 5 là giống với học phần Sáng tác 4, giữa hai học phần có sự liên thông và bổ sung qua lại cho nhau. - Học phần Sáng tác 5 là hoạt động tự nghiên cứu và sáng tác của sinh viên tại học xưởng dưới sự cố vấn của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp, dựa trên một đề cương ý tưởng sáng tác nhất quán cho cả năm học.	8	HK9	Để tham dự kỳ thi hết học phần, sinh viên phải trình bày 2 tác phẩm (cùng chất liệu đã đăng ký), 1 bản thuyết minh ý tưởng, đồng thời bảo vệ các ý tưởng sáng tác trước Hội đồng chấm thi. Điểm thi hết học phần được chấm theo thang điểm 10, gồm các điểm thành phần với trọng số phần trăm như sau: - 10%: Đánh giá của giảng viên hướng dẫn về quá trình nghiên cứu sáng tác. - 10%: Trình bày, bảo vệ ý tưởng. - 80%: 02 tác phẩm chuyên môn.
ĐK41.17					
	Đường lối CM của Đảng CSVN		4	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Anh văn 3		3	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	Cung cấp những kiến thức về sử mỹ thuật thế giới như lịch sử hình thành nền mỹ thuật 1 số quốc gia, đặc điểm các trường phái nghệ thuật, giới thiệu về các nghệ sĩ tiêu biểu cùng 1 số các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng và phân tích các tác phẩm đó	3	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Giáo dục thể chất 3		2	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi

					70%)/ 10
	Giải phẫu tạo hình 3	Học phần nghiên cứu tỷ lệ, đặc điểm, hình thái ,cấu trúc của toàn bộ cơ thể người, để có thể hình dung được vị trí của các bộ phận trên cơ thể khi có những chuyển biến về hình thái cấu trúc bên trong cũng như bên ngoài do những hoạt động, động tác của cơ thể tạo nên. Với mong muốn, mỹ thuật không chỉ dừng lại ở những hiểu biết tổng quan bên ngoài mà phải hiểu tường tận bản chất cơ thể, nhằm diễn tả sâu sắc sinh động, sáng tạo và chính xác	2	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Đặc họa	Kiến thức: Giúp cho sinh viên có khả năng đọc, hiểu được những bản vẽ kỹ thuật. Có thể thiết kế được những công trình đơn giản, vẽ được sơ đồ của một công sở. Nắm vững kiến thức cơ bản bổ sung cho chương trình học tập mỹ thuật trong các môn: Luật xa gần, Trang trí nội ngoại thất, Trang trí công viên, Trang trí khối, Trang trí tượng đài...	2	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	N/c Mẫu toàn thân nữ	Nghiên cứu cơ bản cơ thể người	3	HK3	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Hình họa 1	N/c Mẫu toàn thân nam vẽ than	2	HK3	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Trang trí hình tròn	Sáng tác cơ bản	1	HK3	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Bố cục phù điêu	Các nguyên tắc về phù điêu sáng tác	2	HK3	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	N/c Mẫu toàn thân nữ	Nghiên cứu nâng cao cơ thể người	4	HK3	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	N/c Mẫu toàn thân nam	Nghiên cứu cơ bản cơ thể người	3	HK3	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Thực tế 1	Lấy tư liệu phục vụ sáng tác		HK3	Điểm quá trình và điểm kết thúc học

					phần
	Tư tưởng Hồ Chí Minh		3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Cơ sở văn hóa VN		4	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Mỹ học đại cương	Kiến thức: Để góp phần xây dựng đời sống thẩm mỹ phong phú, lành mạnh của con người và xã hội, học phần mỹ học đại cương sẽ trang bị cho sinh viên những Kiến thức cơ bản, hiện đại, hệ thống và tương đối toàn diện về mỹ học. Nhằm tạo cho sinh viên những Kiến thức về các phạm trù thẩm mỹ Để từ đó có khả năng cảm thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống. Hiểu sâu sắc về phương diện thẩm mỹ trong đời sống và trong nghệ thuật. + Kỹ năng: Nội dung Kiến thức môn học là cơ sở hình thành nhận thức về thẩm mỹ. Phân tích, đánh giá và sáng tạo theo quy luật cái đẹp. + Thái độ: Đảm bảo giờ học lý thuyết và tích cực trong giờ thảo luận, thường thức và sáng tạo cái đẹp.	3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	Cung cấp những kiến thức về sử mỹ thuật thế giới như lịch sử hình thành nền mỹ thuật 1 số quốc gia, đặc điểm các trường phái nghệ thuật, giới thiệu về các nghệ sĩ tiêu biểu cùng 1 số các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng và phân tích các tác phẩm đó	3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Giáo dục thể chất 4		3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Anh văn chuyên ngành	Kiến thức: Nắm vững các cấu trúc ngữ pháp và thuật ngữ cơ bản tiếng Anh chuyên ngành Mỹ thuật Sử dụng tốt các mẫu câu và bài đọc, bài viết mẫu sử dụng trong chuyên ngành mỹ thuật,	4	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10

		hội họa, điêu khắc, đồ họa, mỹ thuật ứng dụng và lý luận, lịch sử mỹ thuật để có thể đọc tài liệu tiếng Anh chuyên ngành mỹ thuật, giới thiệu và giao tiếp trong lĩnh vực mỹ thuật Kỹ năng: Thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết trong đó chú trọng đến phần đọc và nói. Thái độ, chuyên cần: Sinh viên được yêu cầu tham gia đầy đủ những giờ lý thuyết và đóng góp tích cực vào bài học.			
	N/c Toàn thân mẫu nữ	Nghiên cứu nâng cao cơ thể người	2	HK4	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Tin học CN	Sử dụng phần mềm hỗ trợ trong sáng tác điêu khắc	3	HK4	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	N/c Mẫu toàn thân nam	Nghiên cứu nâng cao cơ thể người	3	HK4	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Bố cục đề tài Thực tế	Sáng tác căn cứ trên tư liệu thâm nhập thực tế làm quen chất liệu mới	2	HK4	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	N/c Mẫu toàn thân nam	Nghiên cứu nâng cao cơ thể người năm 2	3	HK4	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
ĐK39.15					
	Thực tế 3	Lấy tư liệu phục vụ sáng tác	5	HK7	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Sáng tác tượng tròn	Ứng dụng các nguyên tắc sáng tác tượng tròn	2	HK7	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Mô hình tượng đài 1	Sử dụng màu sắc và kỹ thuật làm mô hình	3	HK7	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	N/c mẫu nam + dụng cụ lao động	Nghiên cứu nâng cao dáng lao động	3	HK7	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Phác thảo Tượng đài 1	Phác thảo tượng đài, xử lý không gian cơ bản	4	HK7	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Sáng tác phù điêu	Lựa chọn và xử lý kim loại trong sáng tác	3	HK7	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần

	Sáng tác tượng tròn	Lựa chọn và xử lý gỗ trong sáng tác	2	HK8	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Sáng tác phù điêu	Lựa chọn và xử lý đá trong sáng tác	2	HK8	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Sáng tác tượng tròn	Lựa chọn và xử lý composite trong sáng tác	2	HK8	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Sáng tác phù điêu	Lựa chọn và xử lý đồng trong sáng tác	2	HK8	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	N/c mẫu nam có chủ đề	Lựa chọn chủ đề và nghiên cứu căn cứ theo mẫu	2	HK8	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Phác thảo tượng đài	Phác thảo tượng đài, xử lý không gian nâng cao	6	HK8	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Mô hình tượng đài 2	Kỹ thuật làm mô hình và xử lý không gian nâng cao	6	HK8	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	ĐK38.14				
	Đường lối VH-VN của Đảng		2	HK9	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Thực tế 4	Lấy tư liệu phục vụ sáng tác phẩm tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	6	HK9	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Bố cục đề tài thực tế	Sáng tác theo đề tài thực tế đã đăng ký	1	HK9	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Nghiên cứu mẫu Nam có chủ đề	Hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu tượng tròn	3	HK9	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Bố cục tượng tròn	Sáng tác theo đề tài tự chọn	1	HK9	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Phù điêu nghiên cứu mẫu Nữ phủ vải hoặc có vật dụng phù hợp.	Hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu phù điêu	4	HK9	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Bố cục có định hướng tốt nghiệp.	Định hướng đề tài, chất liệu, giả định chất liệu, kích thước, không gian đặt tượng tốt nghiệp	3	HK9	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
	Khóa luận tốt nghiệp	Các vấn đề liên quan đến tác phẩm tốt nghiệp	5	HK10	Điểm Hội đồng Tốt nghiệp đánh giá

	Tác phẩm tốt nghiệp	Sáng tác tác phẩm mang tính đào tạo trong 5 năm học	10	HK10	Điểm Hội đồng Tốt nghiệp đánh giá
	DH06.14				
	Đường lối VH-VN của Đảng		2	HK9	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Sáng tác Đồ họa 5	Bài tiền tốt nghiệp	8	HK9	Đánh giá theo hội đồng chuyên môn
	SP23.18				
	Những NLCB của CN Mác Lênin P1		3	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Tin học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tin học và các khái niệm cơ bản về đồ họa máy tính xét trên quan điểm của người sử dụng, từ đó giúp cho sinh viên nâng cao hiểu biết về Tin học và vận dụng kiến thức Tin học vào các môn học chuyên ngành, cũng như vận dụng Tin học vào các công việc của mình.	3	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Anh văn 1		2	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	Kiến thức: Môn học có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức và sự hiểu biết về tiến trình hình thành và phát triển của mỹ thuật Việt Nam từ thời nguyên thủy đến hiện đại, giúp sinh viên cảm thụ các giá trị mỹ thuật qua các thời kỳ, tác giả -tác phẩm tiêu biểu. Khơi dậy năng lực cảm thụ, đánh giá niềm tự hào về những thành tựu của mỹ thuật dân tộc. Thông qua các tác phẩm mỹ thuật được hình thành trong quá trình lịch sử, sinh viên lĩnh hội và thẩm thấu về tinh thần nghệ thuật, phong cách, bút pháp và các biểu hiện tạo hình đa dạng trong mỹ thuật dân tộc. Từ đó có khả năng vận dụng, phát huy các giá trị trong học	2	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10

		tập và sáng tạo nghệ thuật. + Kỹ năng: Bước đầu biết cảm thụ và có khả năng phân tích, đánh giá các tác phẩm từ mỹ thuật cổ đến mỹ thuật hiện đại. - Có kỹ năng tự nghiên cứu, tích lũy, sưu tầm về học phần Lịch sử mỹ thuật Việt Nam. + Cảm thụ nghệ thuật tinh tế hơn cũng như trân trọng những đóng góp của nền nghệ thuật tạo hình Việt Nam. Đặt nền tảng cho sinh viên giảng dạy và sáng tác sau này.			
	Giáo dục thể chất 1		2	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Giải phẫu tạo hình 1	Học phần nghiên cứu tỷ lệ, đặc điểm, hình thái ,cấu trúc của toàn bộ cơ thể người, để có thể hình dung được vị trí của các bộ phận trên cơ thể khi có những chuyển biến về hình thái cấu trúc bên trong cũng như bên ngoài do những hoạt động, động tác của cơ thể tạo nên. Với mong muốn, mỹ thuật không chỉ dừng lại ở những hiểu biết tổng quan bên ngoài mà phải hiểu tường tận bản chất cơ thể, nhằm diễn tả sâu sắc sinh động, sáng tạo và chính xác	2	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Định luật xa gần 1	Môn học nghiên cứu lý giải sự biến dạng các vật thể trong không gian, Là phương tiện hỗ trợ các môn học Hội họa, Điều khắc, Nội ngoại thất ... Giúp cho người họa sỹ có khả năng tập hợp những ghi chép thực tế để hư cấu thành những bố cục, nhận thức đúng về không gian tạo hình và nắm vững tỉ lệ, màu sắc, đậm nhạt các vật thể trong không gian chiều sâu.	2	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	Kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu Mỹ thuật cổ Việt Nam. Kỹ năng nghiên cứu đọc lập thông qua ghi chép, khảo sát, phân tích...và hình	2	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10

		thành kỹ năng đánh giá . Có phương pháp tiếp cận, khám phá và phản ánh về giá trị của mỹ thuật cổ dân tộc.			
1	HÌNH HỌA 1	Cung cấp kiến thức và phương pháp cơ bản để nghiên cứu về một bài hình họa. Bước đầu giúp SV rèn luyện quan sát, làm quen với các khái niệm cơ bản của hình họa như bố cục, hình khối, sáng tối, đậm nhạt... Nắm được những kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành các phương pháp nghiên cứu và vẽ hình họa như phương pháp bố cục, phương pháp dựng hình, biết sử dụng que đo, dây dọi đúng cách, rèn luyện cách nhìn, so sánh chiều hướng, tỷ lệ, đường trục dọc, ngang một cách có ý thức theo phương pháp khoa học. Vận dụng kết hợp với kiến thức giải phẫu tạo hình và luật viễn cận để nghiên cứu và diễn tả trong các bài tập. Thực hành 15 bài tập nghiên cứu vẽ hình họa bằng chất liệu bút chì bằng khả năng hiểu biết của mình.	05	HK1	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.
8	CƠ SỞ TẠO HÌNH 1	- Trang bị và nâng cao những kiến thức cơ bản của các yếu tố tạo hình, các quy tắc bố cục và vận dụng tốt vào các bài học và sáng tác. - Giúp SV rèn luyện và phát huy óc sáng tạo, có nhận thức sâu sắc, tư duy nhạy bén, cảm xúc phong phú...trong cuộc	05	HK1	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa

		sống và sáng tạo. - Giáo dục và nâng cao thị hiếu thẩm mỹ của SV, đồng thời giáo dục cho SV ý thức yêu mến, trân trọng bản sắc văn hóa Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới.			là: 60% - Tổng số: 100 %.
	Những NLCB của CN Mác Lênin P2		5	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Anh văn 2		2	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	Kiến thức: Môn học có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức và sự hiểu biết về tiến trình hình thành và phát triển của mỹ thuật Việt Nam từ thời nguyên thủy đến hiện đại, giúp sinh viên cảm thụ các giá trị mỹ thuật qua các thời kỳ, tác giả -tác phẩm tiêu biểu. Khởi dậy năng lực cảm thụ, đánh giá niềm tự hào về những thành tựu của mỹ thuật dân tộc. Thông qua các tác phẩm mỹ thuật được hình thành trong quá trình lịch sử, sinh viên lĩnh hội và thẩm thấu về tinh thần nghệ thuật, phong cách, bút pháp và các biểu hiện tạo hình đa dạng trong mỹ thuật dân tộc. Từ đó có khả năng vận dụng, phát huy các giá trị trong học tập và sáng tạo nghệ thuật. + Kỹ năng: Bước đầu biết cảm thụ và có khả năng phân tích, đánh giá các tác phẩm từ mỹ thuật cổ đến mỹ thuật hiện đại. - Có kỹ năng tự nghiên cứu, tích lũy, sưu tầm về học phần Lịch sử mỹ thuật Việt Nam. + Cảm thụ nghệ thuật tinh tế hơn cũng như trân trọng những đóng góp của nền nghệ thuật	2	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10

		tạo hình Việt Nam. Đặt nền tảng cho sinh viên giảng dạy và sáng tác sau này.			
	Giáo dục thể chất 2		3	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Giải phẫu tạo hình 2	Học phần nghiên cứu tỷ lệ, đặc điểm, hình thái ,cấu trúc của toàn bộ cơ thể người, để có thể hình dung được vị trí của các bộ phận trên cơ thể khi có những chuyển biến về hình thái cấu trúc bên trong cũng như bên ngoài do những hoạt động, động tác của cơ thể tạo nên. Với mong muốn, mỹ thuật không chỉ dừng lại ở những hiểu biết tổng quan bên ngoài mà phải hiểu tường tận bản chất cơ thể, nhằm diễn tả sâu sắc sinh động, sáng tạo và chính xác	2	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Định luật xa gần 2	Kiến thức: môn học có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý giải sự biến dạng các vật thể trong không gian, là phương tiện hỗ trợ các môn học hội họa, Điều khắc, Nội ngoại thất. Kỹ năng: Giúp cho sinh viên nhận thức đúng về không gian tạo hình và nắm vững tỉ lệ, màu sắc, đậm nhạt của các vật thể trong không gian chiều sâu, có khả năng tập hợp những ghi chép thực tế từ đó vận dụng vào những bố cục, hình thành tác phẩm. Thái độ Đảm bảo giờ học lý thuyết, thực hành.	2	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Hình họa 2		5	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Cơ sở tạo hình 2		5	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Tâm lý học 1		3	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Giáo dục học 1		3	HK2	(Điểm quá trình

					30% x điểm thi 70%)/ 10
2	HÌNH HỌA 2	Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu vẽ hình họa người bằng chất liệu Than và Bột màu. Thông qua nghiên cứu mẫu toàn thân nam và nữ, nhằm tiếp tục nâng cao khả năng đẩy sâu cấu trúc hình thể người từ bộ phận (diễn tả kỹ một bàn tay, một bàn chân hoặc khuôn mặt) đến toàn thân, từ đen trắng đến đơn sắc và hòa sắc chung, đồng thời xử lý tốt những hòa sắc trong không gian đặt mẫu, tiến tới diễn tả chất (da thịt, vải, đồ vật). Thực hành 12 bài tập nghiên cứu vẽ hình họa bằng chất liệu than và bột màu.	05	HK2	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.
9	CƠ SỞ TẠO HÌNH 2	- Trang bị và nâng cao những kiến thức cơ bản của các yếu tố tạo hình, các quy tắc bố cục và vận dụng tốt vào các bài học và sáng tác. - Giúp SV rèn luyện và phát huy óc sáng tạo, có nhận thức sâu sắc, tư duy nhạy bén, cảm xúc phong phú...trong cuộc sống và sáng tạo. - Giáo dục và nâng cao thị hiếu thẩm mỹ của SV, đồng thời giáo dục cho SV ý thức yêu mến, trân trọng bản sắc văn hóa Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới.	05	HK2	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.

	SP22.17				
	Đường lối CM của Đảng CSVN		4	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Anh văn 3		3	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	Cung cấp những kiến thức về sử mỹ thuật thế giới như lịch sử hình thành nền mỹ thuật 1 số quốc gia, đặc điểm các trường phái nghệ thuật, giới thiệu về các nghệ sĩ tiêu biểu cùng 1 số các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng và phân tích các tác phẩm đó	3	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Giáo dục thể chất 3		2	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Giải phẫu tạo hình 3	Học phần nghiên cứu tỷ lệ, đặc điểm, hình thái ,cấu trúc của toàn bộ cơ thể người, để có thể hình dung được vị trí của các bộ phận trên cơ thể khi có những chuyển biến về hình thái cấu trúc bên trong cũng như bên ngoài do những hoạt động, động tác của cơ thể tạo nên. Với mong muốn, mỹ thuật không chỉ dừng lại ở những hiểu biết tổng quan bên ngoài mà phải hiểu tường tận bản chất cơ thể, nhằm diễn tả sâu sắc sinh động, sáng tạo và chính xác	2	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Đặc họa	Kiến thức: Giúp cho sinh viên có khả năng đọc, hiểu được những bản vẽ kỹ thuật. Có thể thiết kế được những công trình đơn giản, vẽ được sơ đồ của một công sở. Nắm vững kiến thức cơ bản bổ sung cho chương trình học tập mỹ thuật trong các môn: Luật xa gần, Trang trí nội ngoại thất, Trang trí công viên, Trang trí khối, Trang trí tượng đài...	2	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10

3	HÌNH HỌA 3	Yêu cầu xây dựng hình họa toàn thân mẫu người vũng vàng, giải quyết được tương quan màu sắc, nóng lạnh diễn tả tốt hình khối của người mẫu (kiến thức của học phần hình họa năm thứ I và năm thứ II). Đòi hỏi người sinh viên cần phải nâng cao hơn nữa khả năng diễn tả, không chỉ về hình khối (nghiên cứu kỹ một bàn tay, bàn chân hoặc khuôn mặt). Kể cả màu sắc (hài hòa màu sắc); đồng thời tiến tới diễn tả chất(chất da thịt, đồ vật, quần áo...). Giải quyết tương quan màu sắc, ánh sáng giữa người mẫu và khung cảnh thiên nhiên chung quanh (bài vẽ hình họa ngoài trời), nhằm tạo cho sinh viên giải quyết tốt bài học chuyên khoa chất liệu.	05	HK3	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.
10	CƠ SỞ TẠO HÌNH 3	- Trang bị và nâng cao những kiến thức cơ bản của các yếu tố tạo hình, các quy tắc bố cục và vận dụng tốt vào các bài học và sáng tác. - Giúp SV rèn luyện và phát huy óc sáng tạo, có nhận thức sâu sắc, tư duy nhạy bén, cảm xúc phong phú...trong cuộc sống và sáng tạo. - Giáo dục và nâng cao thị hiếu thẩm mỹ của SV, đồng thời giáo dục cho SV ý thức yêu mến, trân trọng bản sắc văn hóa Việt Nam và tiếp thu	05	HK3	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.

		có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới.			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh		3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Cơ sở văn hóa VN		4	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Mỹ học đại cương	Kiến thức: Để góp phần xây dựng đời sống thẩm mỹ phong phú, lành mạnh của con người và xã hội, học phần mỹ học đại cương sẽ trang bị cho sinh viên những Kiến thức cơ bản, hiện đại, hệ thống và tương đối toàn diện về mỹ học. Nhằm tạo cho sinh viên những Kiến thức về các phạm trù thẩm mỹ Để từ đó có khả năng cảm thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống. Hiểu sâu sắc về phương diện thẩm mỹ trong đời sống và trong nghệ thuật. + Kỹ năng: Nội dung Kiến thức môn học là cơ sở hình thành nhận thức về thẩm mỹ. Phân tích, đánh giá và sáng tạo theo quy luật cái đẹp. + Thái độ: Đảm bảo giờ học lý thuyết và tích cực trong giờ thảo luận, thường thức và sáng tạo cái đẹp.	3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	Cung cấp những kiến thức về sử mỹ thuật thế giới như lịch sử hình thành nền mỹ thuật 1 số quốc gia, đặc điểm các trường phái nghệ thuật, giới thiệu về các nghệ sĩ tiêu biểu cùng 1 số các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng và phân tích các tác phẩm đó	3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Giáo dục thể chất 4		3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Anh văn chuyên ngành	Kiến thức: Nắm vững các cấu trúc ngữ pháp và thuật ngữ cơ bản tiếng Anh chuyên ngành Mỹ thuật	4	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10

		Sử dụng tốt các mẫu câu và bài đọc, bài viết mẫu sử dụng trong chuyên ngành mỹ thuật, hội họa, điêu khắc, đồ họa, mỹ thuật ứng dụng và lý luận, lịch sử mỹ thuật để có thể đọc tài liệu tiếng Anh chuyên ngành mỹ thuật, giới thiệu và giao tiếp trong lĩnh vực mỹ thuật Kỹ năng: Thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết trong đó chú trọng đến phần đọc và nói. Thái độ, chuyên cần: Sinh viên được yêu cầu tham gia đầy đủ những giờ lý thuyết và đóng góp tích cực vào bài học.			
11	KÝ HỌA THỰC TẾ 1	- Nghiên cứu thực tế cuộc sống, tìm hiểu những chuyển biến đời sống, sinh hoạt, lao động, phong tục tập quán của những mảng đề tài cụ thể, ghi chép ký họa từ con người đến sự vật, thiên nhiên... làm cơ sở tư liệu cho các bài học bổ cục.	04	HK4	- Thực hiện đầy đủ số lượng bài quy định (Từ 45→50 ký họa). - Ký họa được đóng thành tập theo quy định để GV và HĐ chấm học phần.
4	HÌNH HỌA 4	Yêu cầu xây dựng hình họa toàn thân mẫu người vững vàng, giải quyết được tương quan màu sắc, nóng lạnh diễn tả tốt hình khối của người mẫu (kiến thức của học phần hình họa năm thứ I và năm thứ II). Đòi hỏi người sinh viên cần phải nâng cao hơn nữa khả năng diễn tả, không chỉ về hình khối (nghiên cứu kỹ một bàn tay, bàn chân hoặc khuôn mặt). Kẻ cả màu sắc (hài hòa màu sắc); đồng thời tiến tới diễn tả	05	HK4	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.

		chất(chất da thịt, đồ vật, quần áo...). Giải quyết tương quan màu sắc, ánh sáng giữa người mẫu và khung cảnh thiên nhiên chung quanh (bài vẽ hình họa ngoài trời), nhằm tạo cho sinh viên giải quyết tốt bài học chuyên khoa chất liệu.			
7	NGUYÊN LÝ THỊ GIÁC	Khái niệm về các yếu tố cơ bản của nhận thức thị giác (điểm, đường, diện, khối), các định luật về thị giác. Các loại cấu trúc bố cục và các khái niệm tạo hình trong bố cục.	05	HK4	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.
14	PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TẮC BỐ CỤC	Đây là học phần đầu tiên của sinh viên làm quen với môn Bố cục, là môn học cơ bản quan trọng làm nền tảng cho quá trình học tập và nghiên cứu sáng tạo cho những năm tiếp theo. Học phần Bố cục 1 gồm những nội dung về các khái niệm về bố cục; Các phương pháp bố cục; Các hình thức bố cục; Các nguyên tắc bố cục; Tỷ lệ vàng trong bố cục; Các loại không gian trong tranh; Các quan niệm bố cục tạo hình từ thời kỳ cổ điển đến hiện đại.	02	HK4	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.

	SP21.16				
	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học		2	HK5	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Công tác đội TN TPHCM		2	HK5	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
15	BỘ CỤC CHẤT LIỆU 1 (SƠN MÀI)	- Trang bị các kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển chất liệu. - Giới thiệu về đặc điểm, tính năng kỹ thuật của chất liệu (bao gồm cả ưu và nhược về đặc điểm chất liệu). - Hướng dẫn các phương pháp chuẩn bị và sử dụng vật tư, vật liệu, dụng cụ chuyên dụng. - Nắm vững kỹ thuật thể hiện cơ bản và đặc trưng ngôn ngữ truyền thống của chất liệu. - Xử lý một số kỹ thuật tạo chất trong chất liệu tạo hiệu quả phong phú cho chất liệu. - Trang bị về các phương pháp nghiên cứu khoa học và khả năng tự nhận xét và phương pháp thuyết trình đề tài. - Trang bị tiến trình sáng tạo ý niệm, khả năng thực nghiệm, sự cảm thụ nghệ thuật. Thúc đẩy sự tìm tòi sáng tạo trong sáng tác mỹ thuật.	06	HK5	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.
16	BỘ CỤC CHẤT LIỆU 2 (LỤA)	Trang bị các kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển chất liệu. Giới thiệu về đặc điểm, tính năng kỹ thuật của chất liệu (bao gồm cả ưu và nhược về	06	HK5	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa

		đặc điểm chất liệu). Hướng dẫn các phương pháp chuẩn bị và sử dụng vật tư, vật liệu, dụng cụ chuyên dụng. Nắm vững kỹ thuật thể hiện cơ bản và đặc trưng ngôn ngữ truyền thống của chất liệu. Xử lý một số kỹ thuật tạo chất trong chất liệu tạo hiệu quả phong phú cho chất liệu. Trang bị về các phương pháp nghiên cứu khoa học và khả năng tự nhận xét và phương pháp thuyết trình đề tài. Trang bị tiến trình sáng tạo ý niệm, khả năng thực nghiệm, sự cảm thụ nghệ thuật. Thúc đẩy sự tìm tòi sáng tạo trong sáng tác mỹ thuật.			là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.
5	HÌNH HỌA 5	Học phần nghiên cứu về mẫu đôi kết hợp bằng chất liệu sơn dầu gồm ba bài, được trình bày bằng sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Học phần nghiên cứu mẫu đôi kết hợp với các đối tượng khác nhau, đặc điểm khác nhau (người già, thanh niên, phụ nữ) các thể ngồi hoặc đứng từ đơn giản đến phức tạp được sắp đặt trong một không gian cụ thể và trang bị kiến thức về cách phân tích sự tinh tế về màu sắc trên con người thông qua chất liệu sơn dầu để diễn tả được bản chất và thần thái về cấu tạo hình thể đặc tính, tình cảm...	05	HK5	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.

		của người mẫu. Trang bị kiến thức tương đối đầy đủ về cấu tạo, tỷ lệ và sự cân đối hài hòa của con người qua đường nét, hình khối đậm nhạt để tạo không gian, là cơ sở để tiếp tục rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn. Trên cơ sở kiến thức của 4 học phần hình họa đã học trong hai năm trước, trong học phần này chủ yếu giải quyết mối tương quan giữa hai mẫu vẽ, chú trọng phần bút pháp và cá tính trong nghiên cứu, giải quyết tốt đặc điểm và tình cảm của mẫu vẽ.			
6	HÌNH HỌA 6	Học phần nghiên cứu về hình họa mang tính chất sáng tạo, GV thiết lập nội dung chủ đề của từng bài học và SV phải sáng tác bài vẽ hình họa từ chủ đề đó, phác thảo được SV bảo vệ và qua chất vấn của nhóm GV trước khi được làm tác phẩm. Học phần này giúp SV phát triển cảm hứng và trí tưởng tượng để có thể sáng tạo, khác hơn so với hình họa truyền thống thông thường. Đồng thời SV được sử dụng nâng cao thêm các chất liệu đã học qua các học phần trước nhưng phải tuân theo mục đích của chủ đề tư tưởng của bài vẽ hình họa đó.	05	HK6	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.

12	KÝ HỌA THỰC TẾ 2	- Tiếp tục nâng cao khả năng nhận thức về thực tế cuộc sống. Ngoài việc vận dụng tư liệu cho các bài học, còn nâng cao thêm kỹ năng chuyên môn, kỹ năng ký họa, tạo điều kiện cho công việc sáng tạo đồ án, xây dựng bố cục tranh ngày càng hoàn thiện.	04	HK6	- Thực hiện đầy đủ số lượng bài quy định (Từ 45→50 ký họa). - Ký họa được đóng thành tập theo quy định để GV và HĐ chấm học phần.
17	BỐ CỤC CHẤT LIỆU 3 (ĐỒ HỌA)	Nâng cao kiến thức hội họa nhằm phục vụ thực hành đồ án mang tính sáng tạo cao. Phát triển ý tưởng sáng tạo, có ý thức hình thành phong cách riêng. Tiếp cận các xu hướng hội họa đương đại. Thể hiện tính thời đại trong tác phẩm của mình. Xử lý một số kỹ thuật tạo chất mới tạo hiệu quả phong phú cho chất liệu. Tiếp cận phương pháp giảng dạy sư phạm và tham gia giảng tập tại các trường có đào tạo về mỹ thuật tạo hình. Rèn luyện kỹ năng diễn đạt. Nâng cao khả năng phân tích tác phẩm và truyền đạt ý tưởng. Phát triển cơ sở lý luận. Viết bài nghiên cứu.	06	HK6	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.
18	BỐ CỤC CHẤT LIỆU 4 (SƠN DẦU)	- Nâng cao kiến thức hội họa nhằm phục vụ thực hành đồ án mang tính sáng tạo cao. - Phát triển ý tưởng sáng tạo, có ý thức hình thành phong	06	HK6	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là: 10%. - Kiểm tra định

		cách riêng. - Tiếp cận các xu hướng hội họa đương đại. Thể hiện tính thời đại trong tác phẩm của mình. - Xử lý một số kỹ thuật tạo chất mới tạo hiệu quả phong phú cho chất liệu. - Tiếp cận phương pháp giảng dạy sư phạm và tham gia giảng tập tại các trường có đào tạo về mỹ thuật tạo hình. - Rèn luyện kỹ năng diễn đạt. Nâng cao khả năng phân tích tác phẩm và truyền đạt ý tưởng. - Phát triển cơ sở lý luận. Tập viết bài nghiên cứu.			kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.
SP20.15					
13	KÝ HỌA THỰC TẾ 3	- Tiếp tục nâng cao khả năng nhận thức về thực tế cuộc sống, nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quan sát và ký họa, kỹ năng sống tích cực... - Làm cơ sở tư liệu cho các tác phẩm đồ án tốt nghiệp.	04	HK7	- Thực hiện đầy đủ số lượng bài quy định (Từ 45→50 ký họa). - Ký họa được đóng thành tập theo quy định để GV và HĐ chấm học phần.
19	BỘ CỤC CHẤT LIỆU 5 (COMPOSITION)	- Học phần sẽ cung cấp các thuật ngữ, khái niệm, lịch sử về Nghệ thuật môi trường công cộng nói chung, nghệ thuật sắp đặt và phim hình nói riêng để sinh viên có cái nhìn tổng quát về các loại hình nghệ thuật này. - Giới thiệu về tính chất của không gian, chất liệu, ánh	06	HK7	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là: 10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa

		sáng, thời gian và sự chuyển động và cách lựa chọn vật thể để thực hiện tác phẩm nghệ thuật sắp đặt. Giới thiệu các phần mềm làm phim, các công cụ sử dụng để biểu đạt ý tưởng sáng tạo. - Giới thiệu các tác phẩm của các nghệ sĩ nổi tiếng ở các trào lưu nghệ thuật. - Sinh viên làm quen với ngôn ngữ các dạng nghệ thuật thị giác thể hiện nơi môi trường công cộng. - Tổ chức cho sinh viên thực hành các bài tập nhỏ và đồ án, giải quyết các nội dung đã được giới thiệu ở phần lý thuyết. - Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, diễn đạt ý tưởng và khả năng đánh giá phê bình tác phẩm. - Tổ chức trưng bày bài học vào cuối khóa học, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lưu trữ hồ sơ tác phẩm của sinh viên; giới thiệu cách thức xây dựng một cuộc triển lãm mang tính chuyên nghiệp.			là: 60% - Tổng số: 100 %.
20	BỒ CỤC TIỀN (TỐT NGHIỆP)	- Tiếp tục nghiên cứu và thể nghiệm các phương pháp, kỹ thuật xử lý chất liệu, tạo chất... nhằm tìm kiếm phương pháp và hiệu quả tối ưu. - Nghiên cứu hướng giải quyết	07	HK7	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là: 10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa

		những vấn đề mang tính ý niệm. - Nghiên cứu về một đề tài mang tính sáng tạo trong xu hướng xã hội đương thời, thể hiện trong đồ án thông qua quá trình thâm nhập thực tế.			là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.
ƯD23.18 (Ngành Thiết kế đồ họa + Thiết kế Nội thất + Thiết kế thời trang)					
	Những NLCB của CN Mác Lênin P1		3	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Lịch sử triết học phương Đông		3	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Tin học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tin học và các khái niệm cơ bản về đồ họa máy tính xét trên quan điểm của người sử dụng, từ đó giúp cho sinh viên nâng cao hiểu biết về Tin học và vận dụng kiến thức Tin học vào các môn học chuyên ngành, cũng như vận dụng Tin học vào các công việc của mình.	3	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Anh văn 1		2	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	Kiến thức: Môn học có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức và sự hiểu biết về tiến trình hình thành và phát triển của mỹ thuật Việt Nam từ thời nguyên thủy đến hiện đại, giúp sinh viên cảm thụ các giá trị mỹ thuật qua các thời kỳ, tác giả -tác phẩm tiêu biểu. Khơi dậy năng lực cảm thụ, đánh giá niềm tự hào về những thành tựu của mỹ thuật dân tộc. Thông qua các tác phẩm mỹ thuật được hình thành trong quá trình lịch sử, sinh viên lĩnh hội và thẩm thấu về tinh thần nghệ thuật, phong cách, bút pháp và các biểu hiện tạo hình	2	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10

		đa dạng trong mỹ thuật dân tộc. Từ đó có khả năng vận dụng, phát huy các giá trị trong học tập và sáng tạo nghệ thuật. + Kỹ năng: Bước đầu biết cảm thụ và có khả năng phân tích, đánh giá các tác phẩm từ mỹ thuật cổ đến mỹ thuật hiện đại. - Có kỹ năng tự nghiên cứu, tích lũy, sưu tầm về học phần Lịch sử mỹ thuật Việt Nam. + Cảm thụ nghệ thuật tinh tế hơn cũng như trân trọng những đóng góp của nền nghệ thuật tạo hình Việt Nam. Đặt nền tảng cho sinh viên giảng dạy và sáng tác sau này.			
	Giáo dục thể chất 1		2	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Giải phẫu tạo hình 1	Học phần nghiên cứu tỷ lệ, đặc điểm, hình thái ,cấu trúc của toàn bộ cơ thể người, để có thể hình dung được vị trí của các bộ phận trên cơ thể khi có những chuyển biến về hình thái cấu trúc bên trong cũng như bên ngoài do những hoạt động, động tác của cơ thể tạo nên. Với mong muốn, mỹ thuật không chỉ dừng lại ở những hiểu biết tổng quan bên ngoài mà phải hiểu tường tận bản chất cơ thể, nhằm diễn tả sâu sắc sinh động, sáng tạo và chính xác	2	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Định luật xa gần 1	Kiến thức: môn học có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những Kiến thức cơ bản về lý giải sự biến dạng các vật thể trong không gian, là phương tiện hỗ trợ các môn học hội họa, Điều khắc, Nội ngoại thất. Kỹ năng: Giúp cho sinh viên nhận thức đúng về không gian tạo hình và nắm vững tỉ lệ, màu sắc, đậm nhạt của các vật thể trong không gian chiều sâu, có khả năng tập hợp những ghi chép thực tế từ đó vận dụng	2	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10

		vào những bố cục, hình thành tác phẩm. Thái độ Đảm bảo giờ học lý thuyết, thực hành.			
	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	Kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu Mỹ thuật cổ Việt Nam. Kỹ năng nghiên cứu đọc lập thông qua ghi chép, khảo sát, phân tích...và hình thành kỹ năng đánh giá. Có phương pháp tiếp cận, khám phá và phản ánh về giá trị của mỹ thuật cổ dân tộc.	2	HK1	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Những NLCB của CN Mác Lênin P2		5	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Lịch sử triết học phương Tây		3	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Anh văn 2		2	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	Kiến thức: Môn học có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức và sự hiểu biết về tiến trình hình thành và phát triển của mỹ thuật Việt Nam từ thời nguyên thủy đến hiện đại, giúp sinh viên cảm thụ các giá trị mỹ thuật qua các thời kỳ, tác giả -tác phẩm tiêu biểu. Khởi dậy năng lực cảm thụ, đánh giá niềm tự hào về những thành tựu của mỹ thuật dân tộc. Thông qua các tác phẩm mỹ thuật được hình thành trong quá trình lịch sử, sinh viên lĩnh hội và thẩm thấu về tinh thần nghệ thuật, phong cách, bút pháp và các biểu hiện tạo hình đa dạng trong mỹ thuật dân tộc. Từ đó có khả năng vận dụng, phát huy các giá trị trong học tập và sáng tạo nghệ thuật. + Kỹ năng: Bước đầu biết cảm thụ và có khả năng phân tích, đánh giá các tác phẩm từ mỹ thuật cổ đến mỹ thuật hiện đại. - Có kỹ năng tự nghiên cứu, tích lũy, sưu tầm về học phần Lịch sử mỹ thuật Việt Nam.	2	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10

		+ Cảm thụ nghệ thuật tinh tế hơn cũng như trân trọng những đóng góp của nền nghệ thuật tạo hình Việt Nam. Đặt nền tảng cho sinh viên giảng dạy và sáng tác sau này.			
	Giáo dục thể chất 2		3	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Giải phẫu tạo hình 2	Học phần nghiên cứu tỷ lệ, đặc điểm, hình thái ,cấu trúc của toàn bộ cơ thể người, để có thể hình dung được vị trí của các bộ phận trên cơ thể khi có những chuyển biến về hình thái cấu trúc bên trong cũng như bên ngoài do những hoạt động, động tác của cơ thể tạo nên. Với mong muốn, mỹ thuật không chỉ dừng lại ở những hiểu biết tổng quan bên ngoài mà phải hiểu tường tận bản chất cơ thể, nhằm diễn tả sâu sắc sinh động, sáng tạo và chính xác	2	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Định luật xa gần 2	Kiến thức: môn học có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những Kiến thức cơ bản về lý giải sự biến dạng các vật thể trong không gian, là phương tiện hỗ trợ các môn học hội họa, Điều khắc, Nội ngoại thất. Kỹ năng: Giúp cho sinh viên nhận thức đúng về không gian tạo hình và nắm vững tỉ lệ, màu sắc, đậm nhạt của các vật thể trong không gian chiều sâu, có khả năng tập hợp những ghi chép thực tế từ đó vận dụng vào những bố cục, hình thành tác phẩm. Thái độ Đảm bảo giờ học lý thuyết, thực hành.	2	HK2	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
Ngành Thiết kế Đồ họa					
	Hình họa 1	Trang bị các khái niệm cơ bản về môn Hình họa. Giúp người học hiểu được cấu trúc các vật thể trong không gian ba chiều và thể hiện chúng lên mặt phẳng hai chiều thông qua các bài nghiên cứu hình họa khối	5	HK1	40% QT, 60% KTHP

		cơ bản, khối phức, tượng thạch cao bằng chất liệu đen trắng (bút chì)			
	Cơ sở tạo hình 1	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng thực vật thông qua các bài bố cục trang trí cơ bản với chất liệu bột màu.	5	HK1	40% QT, 60% KTHP
	Cơ sở tạo hình 2	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng động vật, chân dung người thông qua chất liệu bột màu	5	HK2	40% QT, 60% KTHP
	Hình họa 2	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (bút chì)	5	HK2	40% QT, 60% KTHP
Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện					
	Hình họa 1	Trang bị các khái niệm cơ bản về môn Hình họa. Giúp người học hiểu được cấu trúc các vật thể trong không gian ba chiều và thể hiện chúng lên mặt phẳng hai chiều thông qua các bài nghiên cứu hình họa khối cơ bản, khối phức, tượng thạch cao bằng chất liệu đen trắng (bút chì)	5	HK1	40% QT, 60% KTHP
	Cơ sở tạo hình 1	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng thực vật thông qua các bài bố cục trang trí cơ bản với chất liệu bột màu.	5	HK1	40% QT, 60% KTHP
	Cơ sở tạo hình 2	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng động vật, chân dung người thông qua chất liệu bột	5	HK2	40% QT, 60% KTHP

		màu			
	Hình họa 2	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (bút chì)	5	HK2	40% QT, 60% KTHP
Ngành Thiết kế Nội thất					
	Hình họa 1	Trang bị các khái niệm cơ bản về môn Hình họa. Giúp người học hiểu được cấu trúc các vật thể trong không gian ba chiều và thể hiện chúng lên mặt phẳng hai chiều thông qua các bài nghiên cứu hình họa khối cơ bản, khối phức, tượng thạch cao bằng chất liệu đen trắng (bút chì)	5	HK1	40% QT, 60% KTHP
	Cơ sở tạo hình 1	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng thực vật thông qua các bài bố cục trang trí cơ bản với chất liệu bột màu.	5	HK1	40% QT, 60% KTHP
	Cơ sở tạo hình 2	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng động vật, chân dung người thông qua chất liệu bột màu	5	HK2	40% QT, 60% KTHP
	Hình họa 2	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (bút chì)	5	HK2	40% QT, 60% KTHP
Ngành Thiết kế thời trang					
	Hình họa 1	Trang bị các khái niệm cơ bản về môn Hình họa. Giúp người học hiểu được cấu trúc các vật thể trong không gian ba chiều và thể hiện chúng lên mặt phẳng hai chiều thông qua các bài nghiên cứu hình họa khối cơ bản, khối phức, tượng thạch cao bằng chất liệu đen trắng (bút chì)	5	HK1	40% QT, 60% KTHP
	Cơ sở tạo hình 1	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc	5	HK1	40% QT, 60% KTHP

		và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng thực vật thông qua các bài bố cục trang trí cơ bản với chất liệu bột màu.			
	Hình họa 2	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (bút chì)	5	HK2	40% QT, 60% KTHP
	Cơ sở tạo hình 2	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng động vật, chân dung người thông qua chất liệu bột màu	5	HK2	40% QT, 60% KTHP
ƯD22.17					
	Đường lối CM của Đảng CSVN		4	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Anh văn 3		3	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	Cung cấp những kiến thức về sử mỹ thuật thế giới như lịch sử hình thành nền mỹ thuật 1 số quốc gia, đặc điểm các trường phái nghệ thuật, giới thiệu về các nghệ sĩ tiêu biểu cùng 1 số các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng và phân tích các tác phẩm đó	3	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Giáo dục thể chất 3		2	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Giải phẫu tạo hình 3	Học phần nghiên cứu tỷ lệ, đặc điểm, hình thái ,cấu trúc của toàn bộ cơ thể người, để có thể hình dung được vị trí của các bộ phận trên cơ thể khi có những chuyển biến về hình thái cấu trúc bên trong cũng như bên ngoài do những hoạt động, động tác của cơ thể tạo nên. Với mong muốn, mỹ thuật không chỉ dừng lại ở những hiểu biết tổng quan bên ngoài	2	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10

		mà phải hiểu tường tận bản chất cơ thể, nhằm diễn tả sâu sắc sinh động, sáng tạo và chính xác			
	Đặc họa	Kiến thức: Giúp cho sinh viên có khả năng đọc, hiểu được những bản vẽ kỹ thuật. Có thể thiết kế được những công trình đơn giản, vẽ được sơ đồ của một công sở. Nắm vững kiến thức cơ bản bổ sung cho chương trình học tập mỹ thuật trong các môn: Luật xa gần, Trang trí nội ngoại thất, Trang trí công viên, Trang trí khối, Trang trí tượng đài...	2	HK3	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Tư tưởng Hồ Chí Minh		3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Cơ sở văn hóa VN		4	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Mỹ học đại cương	+ Kiến thức: Để góp phần xây dựng đời sống thẩm mỹ phong phú, lành mạnh của con người và xã hội, học phần mỹ học đại cương sẽ trang bị cho sinh viên những Kiến thức cơ bản, hiện đại, hệ thống và tương đối toàn diện về mỹ học. Nhằm tạo cho sinh viên những Kiến thức về các phạm trù thẩm mỹ Để từ đó có khả năng cảm thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống. Hiểu sâu sắc về phương diện thẩm mỹ trong đời sống và trong nghệ thuật. + Kỹ năng: Nội dung Kiến thức môn học là cơ sở hình thành nhận thức về thẩm mỹ. Phân tích, đánh giá và sáng tạo theo quy luật cái đẹp. + Thái độ: Đảm bảo giờ học lý thuyết và tích cực trong giờ thảo luận, thưởng thức và sáng tạo cái đẹp.	3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	Cung cấp những kiến thức về sử mỹ thuật thế giới như lịch sử hình thành nền mỹ thuật 1 số quốc gia, đặc điểm các	3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10

		trường phái nghệ thuật, giới thiệu về các nghệ sĩ tiêu biểu cùng 1 số các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng và phân tích các tác phẩm đó			
	Giáo dục thể chất 4		3	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Anh văn chuyên ngành	Kiến thức: Nắm vững các cấu trúc ngữ pháp và thuật ngữ cơ bản tiếng Anh chuyên ngành Mỹ thuật. Sử dụng tốt các mẫu câu và bài đọc, bài viết mẫu sử dụng trong chuyên ngành mỹ thuật, hội họa, điêu khắc, đồ họa, mỹ thuật ứng dụng và lý luận, lịch sử mỹ thuật để có thể đọc tài liệu tiếng Anh chuyên ngành mỹ thuật, giới thiệu và giao tiếp trong lĩnh vực mỹ thuật. Kỹ năng: Thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết trong đó chú trọng đến phần đọc và nói. Thái độ, chuyên cần: Sinh viên được yêu cầu tham gia đầy đủ những giờ lý thuyết và đóng góp tích cực vào bài học.	4	HK4	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
Ngành Thiết kế Đồ họa					
	Đồ họa máy tính 1 (Coreldraw)	- Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về đồ họa vec tơ – kiến thức nền về đồ họa 2 chiều trên máy tính.	3	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Nguyên lý thị giác 1 (cơ sở tạo hình 3)	Trang bị kiến thức cơ bản về màu sắc, các yếu tố tạo hình cơ bản. Giúp người học có kỹ năng chuyển tải các đối tượng thị giác bằng các yếu tố tạo hình cơ bản thông qua các bài thực hành trang trí bằng chất liệu bột màu.	5	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Hình họa 3	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (than, bút sắt, mực nho)	5	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Nguyên lý thị giác 2	Trang bị kiến thức cơ bản về bố cục, các khái niệm tạo hình trong bố cục, các quan hệ phổ	5	HK4	40% QT, 60% KTHP

	(cơ sở tạo hình 4)	biến trong bố cục, modul thông qua các bài thực hành trang trí nâng cao bằng chất liệu bột màu			
	Đồ họa máy tính 2(Photoshop)	- Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản cũng như chuyên sâu về công cụ, các lớp, bộ lọc – hòa trộn... và các kỹ xảo thủ thuật trong phần mềm Adobe Photoshop, nhằm hỗ trợ cho người học trong quá trình thực hành các đồ án chuyên ngành sâu về thiết kế cũng như hoạt động nghề nghiệp sau này.	3	HK4	40% QT, 60% KTHP
	Thâm nhập thực tế 1	Rèn luyện kỹ năng ký họa đa chất liệu với các nội dung chủ đề từ phong cảnh, tĩnh vật ...đến cuộc sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn nhằm làm tư liệu cho quá trình học chuyên môn.	4	HK4	100% KTHP
	Hình họa 4	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, ký họa, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu bột màu.	5	HK4	40% QT, 60% KTHP
Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện					
	Hình họa 3	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (than, bút sắt, mực nho)	5	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Nguyên lý thị giác 1 (cơ sở tạo hình 3)	Trang bị kiến thức cơ bản về màu sắc, các yếu tố tạo hình cơ bản. Giúp người học có kỹ năng chuyển tải các đối tượng thị giác bằng các yếu tố tạo hình cơ bản thông qua các bài thực hành trang trí bằng chất liệu bột màu.	5	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Đồ họa vi tính 1 (Corel Draw)	- Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về đồ họa vec tơ – kiến thức nền về đồ họa 2 chiều trên máy tính.	3	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Nguyên lý thị giác 2 (cơ sở tạo hình 4)	Trang bị kiến thức cơ bản về bố cục, các khái niệm tạo hình trong bố cục, các quan hệ phổ biến trong bố cục, modul thông qua các bài thực hành trang trí	5	HK4	40% QT, 60% KTHP

		nâng cao bằng chất liệu bột màu			
	Thâm nhập thực tế 1 (sinh viên năm thứ 2)	Rèn luyện kỹ năng ký họa đa chất liệu với các nội dung chủ đề từ phong cảnh, tĩnh vật ... đến cuộc sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn nhằm làm tư liệu cho quá trình học chuyên môn.	4	HK4	100% KTHP
	Hình họa 4	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, ký họa, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu bột màu.	5	HK4	40% QT, 60% KTHP
	Đồ họa vi tính 2 (Photoshop)	- Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản cũng như chuyên sâu về công cụ, các lớp, bộ lọc – hòa trộn... và các kỹ xảo thủ thuật trong phần mềm Adobe Photoshop, nhằm hỗ trợ cho người học trong quá trình thực hành các đồ án chuyên ngành sâu về thiết kế cũng như hoạt động nghề nghiệp sau này.	3	HK4	40% QT, 60% KTHP
Ngành Thiết kế nội thất					
	Hình họa 3	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (than, bút sắt, mực nho)	5	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Nguyên lý thị giác 1 (cơ sở tạo hình 3)	Trang bị kiến thức cơ bản về màu sắc, các yếu tố tạo hình cơ bản. Giúp người học có kỹ năng chuyển tải các đối tượng thị giác bằng các yếu tố tạo hình cơ bản thông qua các bài thực hành trang trí bằng chất liệu bột màu.	5	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Đồ họa máy tính 1 (Coreldraw)	- Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về đồ họa vec tơ – kiến thức nền về đồ họa 2 chiều trên máy tính.	3	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Đồ họa máy tính 4(AutoCAD)	Sinh viên nhận biết được giao diện, các công cụ, các ứng dụng của phần mềm AutoCAD. Sử dụng được các công cụ căn bản để vẽ được bản vẽ kỹ thuật.	3	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Đồ họa máy	Sinh viên nhận biết được giao	3	HK3	40% QT, 60%

	tính 5(3dsMax)	diện, các công cụ, các ứng dụng của phần mềm 3Dmax. Sử dụng được các công cụ căn bản để dựng khối, chỉnh sửa khối, áp vật liệu, ánh sáng và kết xuất ảnh(Render).			KTHP
	Đồ họa máy tính 2(Photoshop)	- Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản cũng như chuyên sâu về công cụ, các lớp, bộ lọc – hòa trộn... và các kỹ xảo thủ thuật trong phần mềm Adobe Photoshop, nhằm hỗ trợ cho người học trong quá trình thực hành các đồ án chuyên ngành sâu về thiết kế cũng như hoạt động nghề nghiệp sau này.	3	HK4	40% QT, 60% KTHP
	Nguyên lý thị giác 2 (cơ sở tạo hình 4)	Trang bị kiến thức cơ bản về bố cục, các khái niệm tạo hình trong bố cục, các quan hệ phổ biến trong bố cục, modul thông qua các bài thực hành trang trí nâng cao bằng chất liệu bột màu	5	HK4	40% QT, 60% KTHP
	Hình họa 4	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, ký họa, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu bột màu.	5	HK4	40% QT, 60% KTHP
	Thâm nhập thực tế 1	thâm nhập thực tế để tìm hiểu ghi chép các hoạt động con người, đời sống, thiên nhiên, phong cảnh ...để làm tư liệu phục vụ học tập	4	HK4	100% KTHP
Ngành Thiết kế thời trang					
	Hình họa 3	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (than, bút sắt, mực nho)	5	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Nguyên lý thị giác 1 (cơ sở tạo hình 3)	Trang bị kiến thức cơ bản về màu sắc, các yếu tố tạo hình cơ bản. Giúp người học có kỹ năng chuyển tải các đối tượng thị giác bằng các yếu tố tạo hình cơ bản thông qua các bài thực hành trang trí bằng chất liệu bột màu.	5	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Đồ họa máy tính 1	- Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về đồ họa vec tơ –	3	HK3	40% QT, 60% KTHP

	(Coreldraw)	kiến thức nền về đồ họa 2 chiều trên máy tính.			
	Các nguyên lý thiết kế thời trang	Cung cấp kiến thức cơ bản về thiết kế thời trang, những nguyên lý trong thiết kế thời trang giúp cho sinh viên nắm vững được những nguyên tắc phát triển ý tưởng thiết kế, phát huy những ý tưởng sáng tạo.	3	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Cơ sở thiết kế thời trang	Cung cấp cho SV những kiến thức tổng quát về thời trang, các khái niệm về nhà thiết kế, thương hiệu, bộ sưu tập... làm nền tảng cơ sở cho việc xây dựng những đồ án thiết kế sau này.	2	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Vẽ kỹ thuật	Cung cấp cho SV những hiểu biết cơ bản về bản vẽ thời trang, hình thành khả năng cảm nhận và mô tả các chất liệu thời trang, bồi dưỡng và phát triển trí tưởng tượng không gian và tư duy thiết kế.	3	HK3	40% QT, 60% KTHP
	Hình họa 4	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, ký họa, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu bột màu.	5	HK4	40% QT, 60% KTHP
	Nguyên lý thị giác 2 (cơ sở tạo hình 4)	Trang bị kiến thức cơ bản về bố cục, các khái niệm tạo hình trong bố cục, các quan hệ phổ biến trong bố cục, modul thông qua các bài thực hành trang trí nâng cao bằng chất liệu bột màu	5	HK4	40% QT, 60% KTHP
	Đồ họa máy tính 2(Photoshop)	- Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản cũng như chuyên sâu về công cụ, các lớp, bộ lọc – hòa trộn... và các kỹ xảo thủ thuật trong phần mềm Adobe Photoshop, nhằm hỗ trợ cho người học trong quá trình thực hành các đồ án chuyên ngành sâu về thiết kế cũng như hoạt động nghề nghiệp sau này.	3	HK4	40% QT, 60% KTHP
	Thâm nhập thực tế 1	thâm nhập thực tế để tìm hiểu ghi chép các hoạt động con người, đời sống, thiên nhiên,	4	HK4	100% KTHP

		phong cảnh ...để làm tư liệu phục vụ học tập			
ƯD21.16					
	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học		2	HK5	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Nghệ thuật học Đại cương	Môn học có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức và sự hiểu biết về nguồn gốc nghệ thuật, đặc trưng ngôn ngữ và cấu trúc, thủ pháp nghệ thuật, sự hình thành phong cách nghệ thuật. Lĩnh hội và thẩm thấu về truyền thống sáng tạo, bút pháp và các giá trị nghệ thuật của nhân loại, từ đó có khả năng vận dụng, phát huy các giá trị nghệ thuật trong học tập, sáng tạo và đời sống thẩm mỹ của mình..		HK5	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
Ngành Thiết kế Đồ họa					
	Đồ họa máy tính 3(Illustrator)	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để định dạng trang, định dạng khối chữ, xử lý văn bản, tập hợp nhiều văn bản thành một quyển sách, tạp chí, báo..., các kỹ thuật dàn trang theo chuẩn chuyên nghiệp với hệ thống mang tính quy chuẩn trong chế bản ấn phẩm, sách, báo, tạp chí.	3	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Đồ họa máy tính 4 (Indesign)	Sinh viên làm quen với phần mềm đồ họa Indesign để thực hành sáng tác các mẫu thiết kế đồ họa 2chiều. Đặc biệt thực hành kỹ thuật và phương pháp trình bày các ấn phẩm in ấn trên hình thức nhiều trang mặt phẳng nối kết với nhau, thông qua các công cụ chức năng, các hiệu ứng hỗ trợ của Indesign.	3	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Khoa học lao động (Ergonomie)	Trang bị kiến thức đại cương về Écgônômi; đặc điểm sinh lý người trong lao động; Nhân trắc học, cơ sinh học Écgônômi, Các nguyên tắc Écgônômi trong thiết kế để vận dụng trong học tập và thực tiễn.	2	HK5	30% QT, 70% KTHP

	Thẩm mỹ Công nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về thẩm mỹ công nghiệp, các xu hướng, trào lưu thẩm mỹ công nghiệp, các quy luật phát triển của thẩm mỹ công nghiệp.	3	HK5	30% QT, 70% KTHP
	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	Trang bị khái niệm, chức năng, tiêu chí của Design. Giúp người học có khả năng nhận biết, vận dụng trong học tập và thực tiễn.	3	HK5	30% QT, 70% KTHP
	Hình họa 5	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu sơn dầu.	5	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	- Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Thiết kế Đồ họa những kiến thức cơ bản về những nguyên lý và các khái niệm liên quan trong quá trình thực hành thiết kế, là kiến thức nền quan trọng trong nghiên cứu và học tập chuyên ngành lâu dài.	3	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Ph.pháp sáng tác thiết kế đồ họa	-Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Thiết kế Đồ họa những kiến thức cơ bản về phương pháp làm việc với các mặt phẳng thiết kế, trên cơ sở phân tích các loại định dạng thông qua các yếu tố thiết kế cơ bản như: Chữ tiêu đề, các dòng văn bản, hình minh họa....để đưa ra các loại cấu trúc thiết kế thẩm mỹ và phù hợp công năng sử dụng.	3	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Nguyên lý in Offset	Cung cấp cho sinh viên các nguyên lý và kỹ thuật, quy trình in Offset. Giới thiệu các kiểu máy in 1 màu, 2 màu, 4 màu. Quy trình bình phim, bình bản, chế bản kẽm và in ấn. Giới thiệu tên gọi, tiêu chuẩn và định lượng các loại giấy in Offset. Các công đoạn xử lý sản phẩm in ấn. Giới thiệu các loại giấy in, chủng loại, tiêu chuẩn, định lượng, quy cách của từng loại giấy in.	3	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Sáng tác thiết kế 1	- Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về truyền	5	HK5	40% QT, 60% KTHP

	(TK truyện tranh)	tranh, các thể loại truyện tranh và phương pháp cơ bản về vẽ truyện tranh. - Hướng dẫn cho sinh viên xây dựng một mẫu truyện tranh hoàn thiện từ đó cho ra thành phẩm thật theo tỷ lệ 1:1			
	Nghệ thuật chữ	Trang bị kiến thức để sinh viên hiểu rõ vai trò của mẫu chữ La tinh đối với đời sống con người, đặc biệt đối với chữ trong lĩnh vực đồ họa quảng cáo. Trên cơ sở đó, sinh viên nắm được các nguyên tắc cấu trúc của chữ, các phương pháp xử lý chữ tạo hiệu quả thị giác.	2	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Sáng tác thiết kế 2 (TK LOGO)	Trang bị cho sinh viên kiến thức về nghiên cứu nghệ thuật thể hiện biểu tượng, các dạng thức của biểu trưng và sự chuẩn hoá thiết kế. Trên cơ sở đó sinh viên tập sáng tác một biểu trưng cho một công ty hay một nhà máy xí nghiệp.	5	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Sáng tác thiết kế 3(TK Bao bì và nhãn hiệu)	Trang bị cho sinh viên nghiên cứu và tập thiết kế sáng tác nhãn hiệu hàng hóa, bao bì, túi xách, giấy gói hàng.	5	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Sáng tác thiết kế 4 (TK Poster quảng cáo CTN)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và phương pháp để thiết kế poster quảng cáo công thương nghiệp	5	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Đồ họa ảnh (nhiếp ảnh)	Trang bị cho sinh viên nguyên lý chung của máy ảnh, phim, giấy ảnh; cấu tạo của máy ảnh cơ, kỹ thuật số, các loại ống kính và tính năng của chúng (ống kính Normal, tele góc rộng). Từ đó sinh viên nắm được kỹ thuật chụp ảnh, kỹ thuật bóng tối và kỹ xảo, phương pháp sử dụng ảnh màu và đen trắng trong đồ họa quảng cáo.	3	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Kỹ thuật đồ họa thủ công	Cung cấp cho người học kiến thức về các nguyên lý in ấn và các kỹ thuật in ấn đồ họa tạo hình qua các chất liệu in khắc gỗ, in đá, in lưới, in khắc kim loại và in Monotype (Thủ ấn	3	HK6	40% QT, 60% KTHP

		họa). Phương pháp chế bản in của từng chất liệu; Giới thiệu các loại vật liệu bản in, giấy in và công cụ in ấn; Kỹ thuật xử lý các hóa chất, chế bản in ấn.			
	Hình họa 6	Rèn luyện phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Thâm nhập thực tế 2 (Sinh viên năm thứ 3)	Sinh viên thực tế tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gần với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham quan, ghi chép phục vụ cho quá trình học chuyên ngành.	4	HK6	100% KTHP
Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện					
	Đồ họa vi tính 3 (Illustrator)	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để định dạng trang, định dạng khối chữ, xử lý văn bản, tập hợp nhiều văn bản thành một quyển sách, tạp chí, báo..., các kỹ thuật dàn trang theo chuẩn chuyên nghiệp với hệ thống mang tính quy chuẩn trong chế bản ấn phẩm, sách, báo, tạp chí.	3	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Đồ họa vi tính 4 (3D Max)	Sinh viên nhận biết được giao diện, các công cụ, các ứng dụng của phần mềm 3Dmax. Sử dụng được các công cụ căn bản để dựng khối, chỉnh sửa khối, áp vật liệu, ánh sáng và kết xuất ảnh(Render).	4	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Thẩm mỹ Công nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về thẩm mỹ công nghiệp, các xu hướng, trào lưu thẩm mỹ công nghiệp, các quy luật phát triển của thẩm mỹ công nghiệp.	3	HK5	30% QT, 70% KTHP
	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	Trang bị khái niệm, chức năng, tiêu chí của Design. Giúp người học có khả năng nhận biết, vận dụng trong học tập và thực tiễn.	3	HK5	30% QT, 70% KTHP

	Khoa học lao động (Ergonomie)	Trang bị kiến thức đại cương về Écgônômi; đặc điểm sinh lý người trong lao động; Nhân trắc học, cơ sinh học Écgônômi, Các nguyên tắc Écgônômi trong thiết kế để vận dụng trong học tập và thực tiễn.	2	HK5	30% QT, 70% KTHP
	Hình họa 5	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu sơn dầu.	5	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Các nguyên lý thiết kế	Cung cấp cho người học các nguyên lý căn bản chung trong thiết kế, các khái niệm về thiết kế đồ họa trong mặt phẳng 2 chiều đến 3 chiều và trong đồ họa chuyển động, cách thức xây dựng phương pháp thiết kế và các bước tiến hành một mẫu thiết kế.	2	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Phát triển ý niệm	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp phát triển ý tưởng, ý niệm trên cơ sở nền tảng chính là phương pháp Brainstormin (Kích hoạt não) và Mindmap (Bản đồ tư duy) để phát huy tối đa khả năng sáng tạo trong quá trình thực hiện các đồ án khác.	2	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Nghệ thuật chữ	Nắm được kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và quá trình phát triển của chữ viết. Các khái niệm cơ bản về Typography. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về việc sử dụng và trình bày chữ, chữ nghệ thuật và phương pháp sử dụng chữ theo đúng quy cách trong thiết kế.	2	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Hoạt hình cổ điển	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hoạt hình, các thể loại hoạt họa và phương pháp cơ bản về diễn hoạt và dàn dựng một bộ phim hoạt hình cổ điển.	2	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Sáng tác minh họa ấn phẩm 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức thiết kế mỹ thuật trên các diện phẳng, thông qua việc thực hành thiết kế ấn phẩm tập	2	HK5	40% QT, 60% KTHP

		gấp phục vụ trong việc tuyên truyền, quảng bá các nội dung thông tin văn hóa và công thương nghiệp.			
	Sáng tác minh họa ấn phẩm 2	Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã được học vào thiết kế kỹ thuật và trình bày mỹ thuật một số ấn phẩm văn phòng cơ bản như Folder, Letterhead, Name card, Envelope, Greeting card, Invitation card,... thông qua phần mềm ứng dụng Illustrator.	2	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Đồ họa và diễn hoạt (Flash)	Sinh viên được tiếp cận các khái niệm đồ họa chuyển động, thiết kế web và học tập các kỹ năng thao tác để tạo ra những đối tượng chuyển động theo ý muốn trên nền đồ họa 2D, hiệu chỉnh, thay đổi tạo ra những ứng dụng đồ họa mạnh mẽ tạo sự chuyển động theo nhiều hiệu ứng khác nhau và làm biến đổi chúng theo ý tưởng.	3	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Đồ án 1 (Thiết kế quảng cáo trên Flash)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức chủ yếu về công cụ và tư duy xây dựng kịch bản phim quảng cáo. Qua học phần này, sinh viên được tiếp cận các khái niệm đồ họa chuyển động, học tập các kỹ năng thao tác để biết cách biên tập âm thanh, hình ảnh phối hợp trong phim hoạt hình 2 chiều, tạo ra các đoạn phim quảng cáo có nội dung chủ đề.	5	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Hình họa 6	Rèn luyện phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người đời, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Thâm nhập thực tế 2 (sinh viên năm thứ 3)	Sinh viên thực tế tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gần với chuyên ngành đang theo học như: các Studio, xưởng phim, Đài truyền hình, các công ty thiết kế,.....để tham quan, ghi chép phục vụ cho quá trình học chuyên ngành.	4	HK6	100% KTHP

	Đồ họa ảnh (nhiếp ảnh)	Trang bị cho sinh viên nguyên lý chung của máy ảnh, phim, giấy ảnh; cấu tạo của máy ảnh cơ, kỹ thuật số, các loại ống kính và tính năng của chúng (ống kính Normal, tele góc rộng). Từ đó sinh viên nắm được kỹ thuật chụp ảnh, kỹ thuật bóng tối và kỹ xảo, phương pháp sử dụng ảnh màu và đen trắng trong đồ họa quảng cáo.	3	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Nền tảng và ngôn ngữ thiết kế Web (Dreamwaver)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thể loại ngôn ngữ thiết kế web. Tiếp đó sinh viên được tiếp cận với phần mềm chuyên dụng Dreamweaver để quản lý các website và thực hành thiết kế giao diện web, thông qua việc chỉnh sửa trực tiếp ngôn ngữ HTML bên trong phần lập trình của các trang web.	3	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Ngôn ngữ lập trình C	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về một thể loại ngôn ngữ lập trình cấp cao gọi là ngôn ngữ lập trình C. Tiếp đó, sinh viên được tiếp cận với các đặc điểm tiêu biểu của ngôn ngữ C thông qua phần mềm Turbo C.	3	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Phát triển tương tác Web	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các website tương tác (website động). Qua các học phần này, sinh viên được thực hành thiết kế và quản lý các web tương tác (web động) và tiếp cận những kiến thức căn bản về ngôn ngữ lập trình HTML, CSS, Javascript, DHTML.	3	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Đồ án 2 (Thiết kế Web page - Web CD)	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về website và những kiến thức về phương pháp thiết kế đồ họa giao diện web, kịch bản chuyển động và tương tác web.	5	HK6	40% QT, 60% KTHP

Ngành Thiết kế nội thất					
	Hình họa 5	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu sơn dầu.	5	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Đồ họa máy tính 3(Illustrator)	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để định dạng trang, định dạng khối chữ, xử lý văn bản, tập hợp nhiều văn bản thành một quyển sách, tạp chí, báo..., các kỹ thuật dàn trang theo chuẩn chuyên nghiệp với hệ thống mang tính quy chuẩn trong chế bản ấn phẩm, sách, báo, tạp chí.	3	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Thẩm mỹ Công nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về thẩm mỹ công nghiệp, các xu hướng, trào lưu thẩm mỹ công nghiệp, các quy luật phát triển của thẩm mỹ công nghiệp.	3	HK5	30% QT, 70% KTHP
	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	Trang bị khái niệm, chức năng, tiêu chí của Design. Giúp người học có khả năng nhận biết, vận dụng trong học tập và thực tiễn.	3	HK5	30% QT, 70% KTHP
	Khoa học lao động (Ergonomie)	Trang bị kiến thức đại cương về Écgonômi; đặc điểm sinh lý người trong lao động; Nhân trắc học, cơ sinh học Écgonômi, Các nguyên tắc Écgonômi trong thiết kế để vận dụng trong học tập và thực tiễn.	2	HK5	30% QT, 70% KTHP
	Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội thất	Cung cấp những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống liên quan đến quá trình sáng tác và thiết kế kiến trúc - nội thất.	2	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Cơ sở tạo hình kiến trúc	Trang bị những lý thuyết cơ bản tạo hình trong kiến trúc – nội thất. Hiểu và cảm nhận được hình thể, không gian, trật tự, tỷ lệ, bố cục và phối cảnh kiến trúc – nội thất.	2	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Cấu tạo kiến trúc nội thất	Cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu tạo chi tiết của các bộ phận, thành phần trong kiến trúc - nội thất. Giúp sinh viên hiểu và chủ động trong	2	HK5	40% QT, 60% KTHP

		việc thiết kế với các dạng kết cấu tham gia trong kiến trúc - nội thất.			
	Vật liệu xây dựng	Cung cấp các kiến thức cơ bản về các loại vật liệu thường được sử dụng trong kiến trúc - nội thất.	2	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Kỹ thuật diễn họa (tả chất liệu)	Giúp người học hiểu các phương diện biểu hiện của các bề mặt chất liệu phổ biến và hướng dẫn kỹ thuật, quy trình diễn họa nội thất bằng tay. Giới thiệu sơ lược các ứng dụng đồ họa thường dùng trong thiết kế nội thất.	2	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Vẽ phối cảnh, kí họa Kiến trúc, nội thất	Cung cấp các phương pháp vẽ phối cảnh trong kiến trúc, nội thất. Phương pháp vẽ ký họa, phác họa các phối cảnh kiến trúc, nội thất.	2	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Vẽ kỹ thuật xây dựng (PP thể hiện kiến trúc)	Cung cấp lý thuyết môn Vẽ kỹ thuật theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam. Giúp người học đạt được khả năng đọc, phân tích, hiểu bản vẽ và thể hiện bản vẽ đúng theo quy định.	3	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Kỹ thuật mô hình	Trang bị kiến thức, khái niệm về mô hình, thiết kế mô hình. Vận dụng tư duy thẩm mỹ trong việc sử dụng vật liệu có sẵn và vật liệu tự tạo để thiết kế mô hình. Ứng dụng mô hình trong mô phỏng thu nhỏ đối tượng thiết kế hoạt ứng dụng mô hình trong việc tìm ý thiết kế nội thất.	3	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế gia cụ	Trang bị kiến thức, khái niệm cơ bản để thiết kế một sản phẩm đồ nội thất. Giúp người học phân tích được giá trị công năng và thẩm mỹ và sáng tác được các sản phẩm đồ nội thất.	5	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Chiếu sáng nội thất	Làm rõ ý nghĩa và vai trò của ánh sáng trong cuộc sống, trong kiến trúc và trong trang trí nội thất. Trang bị kiến thức về các loại ánh sáng và các hình thức chiếu sáng trong nội thất để vận	2	HK5	40% QT, 60% KTHP

		dụng trong học tập và thực tiễn.			
	Cây xanh trang trí	Trang bị các khái niệm, nguyên tắc tổ chức, thiết kế về kiến trúc cảnh quan, cây xanh trong không gian nội thất và ngoại thất.	2	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Âm học kiến trúc	Trang bị kiến thức cơ bản về âm thanh, sự hình thành trường âm trong phòng khán giả, tính chất hút âm, phản xạ âm của các bề mặt vật liệu và kết cấu. Trang bị kiến thức cơ bản để thiết kế nội thất âm học.	2	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế nội thất CT nhà ở	Giới thiệu các thể loại và không gian chức năng chính trong Nội thất nhà ở: phòng khách, phòng ngủ, phòng Bếp + Ăn, phòng Sinh hoạt chung. Trang bị các quy luật tổ chức không gian nội thất trong công trình Nhà ở Hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất công trình Nhà ở	5	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế nội thất CT thương mại 1 (bar, café, nhà hàng, khách sạn...)	Giới thiệu các thể loại không gian kinh doanh thương mại thuộc lĩnh vực dịch vụ ẩm thực (quán cà- phê, quán bar, nhà hàng; căn tin, tiệm ăn nhanh). Trang bị kiến thức các quy luật tổ chức không gian nội thất và hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế trong công trình kinh doanh thương mại thuộc lĩnh vực dịch vụ ẩm thực (quán cà- phê, quán bar, nhà hàng, tiệm ăn nhanh).	5	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Đồ họa ảnh (nhiếp ảnh)	Trang bị cho sinh viên nguyên lý chung của máy ảnh, phim, giấy ảnh; cấu tạo của máy ảnh cơ, kỹ thuật sô, các loại ống kính và tính năng của chúng (ống kính Normal, tele góc rộng). Từ đó sinh viên nắm được kỹ thuật chụp ảnh, kỹ thuật bóng tối và kỹ xảo, phương pháp sử dụng ảnh màu và đen trắng trong đồ họa quảng cáo.	3	HK6	40% QT, 60% KTHP

	Hình họa 6	Rèn luyện phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Thâm nhập thực tế 2	thâm nhập thực tế để tìm hiểu ghi chép các hoạt động con người, đời sống, thiên nhiên, phong cảnh ... để làm tư liệu phục vụ học tập	4	HK6	100% KTHP
Ngành Thiết kế thời trang					
	Hình họa 5	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu sơn dầu.	5	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Đồ họa máy tính 3(Illustrator)	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để định dạng trang, định dạng khối chữ, xử lý văn bản, tập hợp nhiều văn bản thành một quyển sách, tạp chí, báo..., các kỹ thuật dàn trang theo chuẩn chuyên nghiệp với hệ thống mang tính quy chuẩn trong chế bản ấn phẩm, sách, báo, tạp chí.	3	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Thẩm mỹ Công nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về thẩm mỹ công nghiệp, các xu hướng, trào lưu thẩm mỹ công nghiệp, các quy luật phát triển của thẩm mỹ công nghiệp.	3	HK5	30% QT, 70% KTHP
	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	Trang bị khái niệm, chức năng, tiêu chí của Design. Giúp người học có khả năng nhận biết, vận dụng trong học tập và thực tiễn.	3	HK5	30% QT, 70% KTHP
	Khoa học lao động (Ergonomie)	Trang bị kiến thức đại cương về Ergonomie; đặc điểm sinh lý người trong lao động; Nhân trắc học, cơ sinh học Ergonomie, Các nguyên tắc Ergonomie trong thiết kế để vận dụng trong học tập và thực tiễn.	2	HK5	30% QT, 70% KTHP
	Nghệ thuật chữ	Trang bị kiến thức để sinh viên hiểu rõ vai trò của mẫu chữ La tinh đối với đời sống con người, đặc biệt đối với chữ trong lĩnh vực đồ họa quảng	2	HK5	40% QT, 60% KTHP

		cáo. Trên cơ sở đó, sinh viên nắm được các nguyên tắc cấu trúc của chữ, các phương pháp xử lý chữ tạo hiệu quả thị giác.			
	Nguyên phụ liệu ngành may	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên phụ liệu sử dụng trong may mặc, giúp SV nắm được quy trình và cách thức trong việc sử dụng nguyên phụ liệu nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện và hoàn thiện mẫu thật một cách tốt nhất, giúp cho SV nắm được tính chất đặc thù của chất liệu sử dụng để đem lại hiệu quả cao.	2	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Kỹ thuật cắt may 1 - Trang phục nữ	Cung cấp kiến thức cắt may trang phục nữ cơ bản, phương pháp lấy số đo và những công thức may các dạng áo sơ mi, quần âu, váy đầm, áo dài nữ giới... Dựa vào những công thức may mặc căn bản này, SV có thể điều chỉnh, thiết kế tương ứng với mẫu phác thảo của BST, tự tay hoàn thiện sản phẩm thiết kế của mình phục vụ cho những đồ án tiếp theo	5	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế trang phục 3 - Trẻ em	Trang bị kiến thức về trang phục trẻ em và những quy tắc trong việc thiết kế trang phục trẻ em, qua đó hiểu rõ sự khác nhau trong quy cách thiết kế trang phục trẻ em với người lớn, biết được nhu cầu của thị trường để có nhiều sự lựa chọn trong phạm vi thiết kế từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	4	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế rập công nghiệp	Cung cấp kiến thức chuyên sâu kỹ thuật cắt may, bổ sung các phương pháp tạo phom, coupe, ly, khối... để SV có thể tự thực hiện được mẫu thật và tạo phom theo đúng ý đồ của BST.	3	HK5	40% QT, 60% KTHP
	Hình họa 6	Rèn luyện phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Thâm nhập	thâm nhập thực tế để tìm hiểu	4	HK6	100% KTHP

	thực tế 2	ghi chép các hoạt động con người, đời sống, thiên nhiên, phong cảnh ...để làm tư liệu phục vụ học tập			
	Đồ họa ảnh (nhiếp ảnh)	Trang bị cho sinh viên nguyên lý chung của máy ảnh, phim, giấy ảnh; cấu tạo của máy ảnh cơ, kỹ thuật số, các loại ống kính và tính năng của chúng (ống kính Normal, tele góc rộng). Từ đó sinh viên nắm được kỹ thuật chụp ảnh, kỹ thuật bóng tối và kỹ xảo, phương pháp sử dụng ảnh màu và đen trắng trong đồ họa quảng cáo.	3	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Kỹ thuật đồ họa thủ công	Cung cấp cho người học kiến thức về các nguyên lý in ấn và các kỹ thuật in ấn đồ họa tạo hình qua các chất liệu in khắc gỗ, in đá, in lưới, in khắc kim loại và in Monotype (Thủ ấn họa). Phương pháp chế bản in của từng chất liệu; Giới thiệu các loại vật liệu bản in, giấy in và công cụ in ấn; Kỹ thuật xử lý các hóa chất, chế bản in ấn.	3	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Kỹ thuật cắt may 2 - Trang phục nam	Cung cấp những công thức về cắt may trang phục nam căn bản như áo sơ mi, quần âu, quần jeans.. Dựa vào những công thức may mặc căn bản này, SV có thể điều chỉnh, thiết kế tương ứng với mẫu phác thảo của BST, tự tay hoàn thiện sản phẩm thiết kế của mình phục vụ cho những đồ án tiếp theo.	5	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế phụ trang	Cung cấp những kiến thức về phụ trang và thiết kế phụ trang. Hiểu được tầm quan trọng của phụ trang trong việc hỗ trợ tính thẩm mỹ và hoàn hảo cho trang phục, từ đó có cái nhìn đúng đắn và bao quát về các mảng thiết kế đa dạng trong thời trang, chuyển tải ý tưởng thành mẫu vẽ và mẫu thật một cách chính xác nhất.	3	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Nghệ thuật	Trang bị kiến thức về trang	3	HK6	40% QT, 60%

	trang điểm	điểm, giúp SV hoàn thiện ý tưởng thiết kế của mình, làm tăng giá trị thẩm mỹ, tính ấn tượng và hoàn chỉnh cho BST thời trang, nắm bắt được những xu hướng thẩm mỹ mới và có khả năng tư vấn cho khách hàng khi bước vào môi trường làm việc.			KTHP
	Thiết kế trang phục 1- Truyền thống	Trang bị kiến thức về trang phục truyền thống và những quy tắc trong việc thiết kế trang phục truyền thống, qua đó nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu liên quan đến thiết kế trang phục truyền thống từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HK6	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế trang phục 2- Thể thao	Trang bị kiến thức về trang phục thể thao và những quy tắc trong việc thiết kế trang phục thể thao, bổ sung sự hiểu biết về đặc thù riêng của các môn thể thao, qua đó nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu liên quan đến thiết kế trang phục tất cả các môn thể thao từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	4	HK6	40% QT, 60% KTHP
UD20.15					
Ngành Thiết kế Đồ họa					
	Hình họa 7	Nâng cao phương pháp và hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu hình họa mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Thâm nhập thực tế 3 (sinh viên năm thứ 4)	Sinh viên thực tập tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gần với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham gia nghiên cứu thực hành theo từng chủ đề do sinh viên tự chọn.	5	HK7	100% KTHP
	Sáng tác thiết kế 5 (TK Ấn	Trang bị cho sinh viên kiến thức về nghiên cứu và sáng tác	5	HK7	40% QT, 60% KTHP

	Phẩm VP)	đồ họa văn phòng gồm: giấy viết thư, phong bì, giấy mời, danh thiếp.			
	Sáng tác thiết kế 6 (TK Sách - Báo - Tạp chí)	Cung cấp cho Sinh viên những kiến thức về phương pháp thiết kế các ấn phẩm sách, tạp chí và các hình thức minh họa khác nhau	5	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Sáng tác thiết kế 7 (Tranh cổ động)	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức chung nhất về nghệ thuật Tranh cổ động. Phân biệt được Tranh cổ động Chính trị – Xã hội với Tranh Quảng cáo Thương mại. Nâng cao năng lực tư duy hình tượng để thể hiện một nội dung, chủ đề hay đề tài bằng ngôn ngữ Tranh cổ động. Hình thành nhận thức thẩm mỹ và ý thức công dân trong xã hội nhằm phát huy chuyên môn đã học đóng góp vào đời sống xã hội.	5	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Nhập môn Marketing	Cung cấp những kiến thức căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh	2	HK8	30% QT, 70% KTHP
	Sáng tác thiết kế 8 (TK Tem)	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức chung nhất về Tem bưu chính, qua đó giúp sinh viên thấy được vai trò quan trọng của tem bưu chính trong đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa xã hội, hiểu được các giá trị của thể loại Tem bưu chính, đặc biệt là những giá trị về văn hóa, nghệ thuật. Đồng thời nhận thức rõ vai trò quan trọng của nhà thiết kế đồ họa trong việc tham gia sáng tác thiết kế các loại Tem bưu chính phục vụ đời sống xã hội.	5	HK8	40% QT, 60% KTHP
	Sáng tác thiết kế 9 (TK Lịch)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và phương pháp để thiết kế các dạng lịch treo tường thông dụng.	5	HK8	40% QT, 60% KTHP
	Sáng tác thiết kế 10 (TK Poster Quảng bá sự kiện)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và phương pháp để thiết kế các dạng bộ poster tuyên truyền, quảng bá cho các sự kiện mang tính chính trị, văn	5	HK8	40% QT, 60% KTHP

		hoá, xã hội rộng rãi của cộng đồng, của đất nước.			
	Sáng tác thiết kế sản phẩm đồng bộ	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và phương pháp để thiết kế một cụm sản phẩm thiết kế đồ hoạ mang tính đồng bộ bao gồm quy mô nhiều thành phần, nhiều hình thức định dạng khác nhau.	4	HK8	40% QT, 60% KTHP
Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện					
	Hình họa 7	Nâng cao phương pháp và hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu hình họa mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế nhân vật 1(Maya)	Trang bị cho sinh viên kiến thức chủ yếu về công cụ với phần mềm đồ họa Maya.Trong học phần thiết kế này, sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức căn bản về việc tạo ra những đối tượng theo ý muốn trên nền đồ họa 3D, hiệu chỉnh, thay đổi thuộc tính và kết hợp từ những đối tượng đơn giản thành đối tượng phức tạp. Sinh viên có thể sử dụng các công cụ, các lệnh hỗ trợ xây dựng đối tượng theo ý tưởng.	3	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế nhân vật 2 (3D Max)	Sinh viên được cung cấp kiến thức căn bản về việc tạo ra những đối tượng theo ý muốn trên nền đồ họa 3D, hiệu chỉnh, thay đổi thuộc tính và kết hợp từ những đối tượng đơn giản thành đối tượng phức tạp.	4	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Ánh Sáng - Camera - diễn hoạt	sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức căn bản về việc tạo ra ánh sáng - camera - diễn hoạt cho đối tượng và hoạt cảnh theo ý muốn trên nền đồ họa 3D, hiệu chỉnh, thay đổi thuộc tính và kết hợp từ những loại ánh sáng - camera - diễn hoạt để tổ chức lại thành các sản phẩm phù hợp với chuyên ngành.	2	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Thâm nhập	Sinh viên thực tập tại các địa	5	HK7	100% KTHP

	thực tế 3 (sinh viên năm thứ 4)	điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gần với chuyên ngành đang theo học như: các Studio, xưởng phim, Đài truyền hình, các công ty thiết kế,.....để tham gia nghiên cứu thực hành theo từng chủ đề do sinh viên tự chọn.			
	Khái niệm về làm phim kỹ thuật số và kỹ xảo hình ảnh (After Effect)	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để dựng phim, tạo chuyển động, tạo chuyển cảnh, tạo các kỹ xảo hình ảnh và âm thanh trong công tác dựng phim.	4	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Đồ án 3 (Thiết kế hình - nhạc hiệu)	Cung cấp các kiến thức về ngôn ngữ chuyển động theo kịch bản và các nguyên lý hình thành kịch tính cho kịch bản chuyển động, kỹ năng hoàn chỉnh một đoạn chuyển động ngắn mang tính biểu tượng, cô đọng trong thiết kế hình và nhạc hiệu truyền hình.	5	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Nhập môn Marketing	Cung cấp những kiến thức căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh	2	HK8	30% QT, 70% KTHP
	Biên tập phim - Âm thanh (Adobe Premier+Sound Forge)	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về biên tập phim, capturing các đoạn phim, tạo hiệu ứng hình ảnh, hiệu quả âm thanh, xuất phim	3	HK8	40% QT, 60% KTHP
	Kịch bản	Cung cấp cho sinh viên khái niệm về kịch bản và phân loại kịch bản. Kịch bản điện ảnh và phương pháp viết kịch bản phim điện ảnh. Kịch bản truyền hình và phương pháp viết kịch bản truyền hình.	3	HK8	40% QT, 60% KTHP
	Kỹ thuật quay phim	Cung cấp kiến thức về máy quay phim, phương pháp, kỹ thuật quay phim, các thủ thuật xử lý ánh sáng, âm thanh trong thực tế khi tiến hành quay một đoạn phim.	4	HK8	40% QT, 60% KTHP
	Đồ án 4 (Dự án phim có chủ đề)	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ phim; kiến thức nền tảng để hình thành câu chuyện phim có chủ	5	HK8	40% QT, 60% KTHP

		đề; những kiến thức tổng quát về quá trình làm phim cho sinh viên chuyên ngành thiết kế Mỹ thuật đa phương tiện. Sau đó sinh viên thực hiện dựng hoàn chỉnh một đoạn phim ngắn có chủ đề.			
Ngành Thiết kế Nội thất					
	Hình họa 7	Nâng cao phương pháp và hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu hình họa mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Thâm nhập thực tế 3	Sinh viên thực tập tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gần với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham gia nghiên cứu, thực tế, thực hành theo từng chủ đề do sinh viên tự chọn	5	HK7	100% KTHP
	Thiết kế nội thất công trình giáo dục	Giới thiệu các thể loại không gian trường học Trang bị kiến thức về các quy luật tổ chức không gian nội thất và hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất công trình trường học.	5	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế nội thất CT thương mại 2 (showroom,...)	Giới thiệu các thể loại không gian thương mại và các quy luật tổ chức không gian nội thất thuộc lĩnh vực trưng bày, giới thiệu, bán sản phẩm và thể loại không gian văn phòng công sở. Hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất công trình thương mại thuộc lĩnh vực trưng bày, giới thiệu, bán sản phẩm và thể loại không gian văn phòng công sở.	5	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế, tạo dáng sản phẩm 1 (Sản phẩm gia dụng)		5	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế, tạo dáng sản phẩm		5	HK7	40% QT, 60% KTHP

	2 (Sản phẩm lưu niệm quà tặng)				
	Thiết kế, tạo dáng sản phẩm 3 (Trang trí nội, ngoại thất)		5	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Nhập môn Marketing	Cung cấp những kiến thức căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh	2	HK8	30% QT, 70% KTHP
	Thiết kế nội thất CT văn hóa 1 (nhà hát, rạp chiếu phim, thư viện...)	Giới thiệu các thể loại công trình văn hóa và các quy luật tổ chức không gian nội thất công trình văn hóa: Nhà hát, Thư viện, Rạp chiếu phim, câu lạc bộ. Hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất các công trình văn hóa nói trên.	5	HK8	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế nội thất CT văn hóa 2 (bảo tàng)	Giới thiệu các thể loại bảo tàng. Trang bị kiến thức về các quy luật tổ chức không gian nội thất công trình bảo tàng. Hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất bảo tàng.	5	HK8	40% QT, 60% KTHP
	Sáng tác tranh 3 (Danh lam thắng cảnh, sinh hoạt - lễ hội)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức, phương pháp và quy trình để sáng tác tranh trang trí bằng chất liệu sơn mài. Qua đó vận dụng sáng tạo các phương pháp bố cục, quy tắc tạo hình trang trí, quy luật thị giác vào các chủ đề cụ thể để có hoàn thành một tác phẩm sơn mài trang trí có tính thẩm mỹ cao	5	HK8	40% QT, 60% KTHP
	Sáng tác tranh 1 (Sơn khắc)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức, phương pháp và quy trình để sáng tác tranh sơn khắc đúng ngôn ngữ chất liệu sơn khắc. - Giúp sinh viên làm quen với sáng tác tranh tạo hình bằng chất liệu sơn mài khắc. - Lèn luyện kỹ năng, thao tác thể hiện sơn mài khắc trên mặt phẳng	5	HK8	40% QT, 60% KTHP
	Sáng tác tranh 2	Cung cấp cho sinh viên kiến	5	HK8	40% QT, 60%

	(Phong cảnh)	thức, phương pháp và quy trình để sáng tác bộ tranh trang trí bằng chất liệu sơn mài. Qua đó vận dụng sáng tạo các phương pháp bố cục, quy tắc tạo hình trang trí, quy luật thị giác và nguyên tắc bộ, sự đồng bộ vào các chủ đề cụ thể để có hoàn thành bộ tranh sơn mài trang trí có tính thẩm mỹ cao.			KTHP
Ngành Thiết kế thời trang					
	Hình họa 7	Nâng cao phương pháp và hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu hình họa mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Thâm nhập thực tế 3	Sinh viên thực tập tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gần với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham gia nghiên cứu, thực tế, thực hành theo từng chủ đề do sinh viên tự chọn	5	HK7	100% KTHP
	Thiết kế trang phục Đạo phố	Trang bị kiến thức về trang phục đạo phố và những đặc thù thẩm mỹ trong việc thiết kế trang phục đạo phố, nắm bắt và phân loại được phong cách thiết kế đa dạng cho từng nhóm đối tượng khách hàng, tạo thói quen nghiên cứu xu hướng thời trang thế giới để ứng dụng vào công việc thiết kế từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế trang phục Công sở	Trang bị kiến thức về trang phục công sở cũng như tầm quan trọng của trang phục công sở, để qua đó nắm được những quy tắc chung trong việc thiết kế và nhận biết được các loại chất liệu chuyên dùng thích hợp nhất cho trang phục công sở từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	4	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế trang phục Đồng	Trang bị kiến thức về trang phục đồng phục và những quy	3	HK7	40% QT, 60% KTHP

	phục	tác trong việc thiết kế đồng phục, qua đó nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu liên quan đến thiết kế đồng phục, phân biệt được đồng phục công sở với các loại trang phục công sở khác và hiểu về cắt may theo size cho tập thể đồng người từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.			
	Thiết kế trang phục trong nhà	Trang bị kiến thức về trang phục trong nhà và những quy tắc trong việc thiết kế trang phục trong nhà, qua đó nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu liên quan đến mảng trang phục này từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế trang phục tổng hợp	Là học phần làm bước đệm cho đồ án Tiên tốt nghiệp thời trang, giúp SV nắm chắc phần nghiên cứu đề tài, tập hợp các hình ảnh liên quan, các lập luận bảo vệ ý tưởng, triển khai phương án thiết kế và mẫu phác thảo sao cho triệt để và bám sát đề tài nhất, cùng với các giải pháp thực hiện màu sắc, chất liệu, kiểu dáng của mẫu thật để giải quyết vấn đề.	4	HK7	40% QT, 60% KTHP
	Nhập môn Marketing	Cung cấp những kiến thức căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh	2	HK8	30% QT, 70% KTHP
	Thiết kế trang phục Lễ Hội	Trang bị kiến thức về trang phục lễ hội và những kiến thức trong việc thiết kế trang phục của các lễ hội trong và ngoài nước, nắm rõ được những hiểu biết về yếu tố văn hóa và thẩm mỹ của dân tộc và thế giới, giúp SV thể hiện được sự bay bổng và tính chất biểu diễn từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	4	HK8	40% QT, 60% KTHP
	Thiết kế TP cho người đặc biệt	Trang bị kiến thức về các dáng người đặc biệt và các nguyên tắc trong việc khắc phục các dáng người đặc biệt, giúp cho người sinh viên mỹ thuật làm	3	HK8	40% QT, 60% KTHP

		quen với việc tư vấn thiết kế trang phục cho khách hàng, rèn luyện kỹ năng vẽ tay trên các chất liệu thời trang, kỹ năng cắt may trang phục có tính thẩm mỹ cao			
	Thiết kế trang phục Trình diễn	Trang bị kiến thức về trang phục trình diễn, thoát ra khỏi tính ứng dụng thực tế của các thể loại trang phục khác để thể hiện cái tôi và phong cách thiết kế. Học phần giúp SV có thêm kinh nghiệm cọ xát với những phương thức xử lý chất liệu, kỹ thuật tạo khối mới lạ nhằm tạo hiệu ứng mạnh cho trang phục từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HK8	40% QT, 60% KTHP
ƯD19.14					
	Đường lối VH-VN của Đảng		2	HK9	(Điểm quá trình 30% x điểm thi 70%)/ 10
	Ngành Thiết kế Đồ họa				
	Thâm nhập thực tế 4 (sinh viên năm thứ 5)	Sinh viên tự chọn địa điểm thực tế, thực tập để phục vụ cho đồ án tốt nghiệp của mình.	6	HK9	100% KTHP
	Đồ án tiền tốt nghiệp	Nhằm luyện tập với khả năng làm việc độc lập, làm việc có phương pháp, dưới sự hướng dẫn của một Giảng viên, đề xuất được các hướng giải quyết đồ án theo đúng chuyên môn được đào tạo để chuẩn bị cho đồ án tốt nghiệp.	5	HK9	40% QT, 60% KTHP
	Khóa luận tốt nghiệp	Nhằm đánh giá khả năng lý luận của sinh viên khi thực hiện đồ án.	5	HK10	100% KTHP
	Đồ án tốt nghiệp	Sinh viên thực hiện một cụm đồ án mang tính mang tính ứng dụng và có quy mô, phù hợp với chuyên ngành đào tạo.	10	HK10	100% KTHP
Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện					
	Đồ án tiền tốt nghiệp	Sinh viên thực hiện một cụm đồ án mang tính quy mô tương đương một đồ án tốt nghiệp. Nhằm luyện tập khả năng làm việc độc lập, làm việc có phương pháp, dưới sự hướng	5	HK9	

		dẫn của Giảng viên, đề xuất được các hướng giải quyết đề án theo đúng chuyên môn được đào tạo để chuẩn bị cho đề án tốt nghiệp.			
	Thâm nhập thực tế 4 (sinh viên năm thứ 5)	Sinh viên tự chọn địa điểm thực tế, thực tập để phục vụ cho đề án tốt nghiệp của mình.	6	HK9	100% KTHP
	Khóa luận tốt nghiệp	Nhằm đánh giá khả năng lý luận của sinh viên khi thực hiện đề án.	5	HK10	100% KTHP
	Đề án tốt nghiệp	Sinh viên thực hiện một cụm đề án mang tính mang tính ứng dụng và có quy mô, phù hợp với chuyên ngành đào tạo.	10	HK10	100% KTHP
Ngành Thiết kế nội thất					
	Thâm nhập thực tế 4	Sinh viên tự chọn địa điểm thực tế, thực tập để phục vụ cho đề án tốt nghiệp	6	HK9	100% KTHP
	Đề án tiền tốt nghiệp	Giới thiệu các công trình công cộng tổng hợp. Hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đề án thiết kế nội thất công trình tổng hợp như: Khách sạn, Resort, Bảo tàng, Nhà hát, ...nhằm định hướng cho đề án tốt nghiệp.	5	HK9	40% QT, 60% KTHP
	Khóa luận tốt nghiệp	Hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học, tư duy lý luận, sáng tác một đề án thiết kế nội thất và trình bày khóa luận tốt nghiệp.	5	HK10	100% KTHP
	Đề án tốt nghiệp	Hướng dẫn người học sáng tác một đề án thiết kế nội thất các công trình tổng hợp, nhằm đánh giá năng lực sáng tác thiết kế nội thất của người học để công nhân trình độ cử nhân.	10	HK10	100% KTHP
Ngành Thiết kế thời trang					
	Thâm nhập thực tế 4	Sinh viên tự chọn địa điểm thực tế, thực tập để phục vụ cho đề án tốt nghiệp	6	HK9	100% KTHP
	Đề án tiền tốt nghiệp	Là học phần quan trọng giúp SV nắm chắc phần nghiên cứu đề tài, tập hợp các hình ảnh liên quan, các lập luận bảo vệ ý tưởng, triển khai phương án thiết kế và mẫu phác thảo sao cho triệt để và bám sát đề tài	5	HK9	40% QT, 60% KTHP

		nhất, cùng với các giải pháp thực hiện màu sắc, chất liệu, kiểu dáng của mẫu thật để giải quyết vấn đề.			
	Khóa luận tốt nghiệp	Nhằm đánh giá khả năng lý luận của sinh viên khi thực hiện đồ án.	5	HK10	100% KTHP
	Đồ án tốt nghiệp	Học phần bao quát nhất về nghiên cứu đề tài, tập hợp các hình ảnh liên quan, các lập luận bảo vệ ý tưởng, triển khai phương án thiết kế và mẫu phác thảo trong BST của mình sao cho triệt để và bám sát đề tài nhất, cùng với các giải pháp màu sắc, chất liệu, kiểu dáng để thực hiện BST các mẫu thật.	10	HK10	100% KTHP

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành Mỹ thuật	2015	

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học				
	HH38.14				
			Đặng Công Định	Phạm Bình Minh	
			Nguyễn Ngọc Hiệu	Hoàng Chương	
			Trần Hoàng Khuyên	Đỗ Kỳ Huy	
			Nguyễn Trung Kiên	Lê Việt Trung	
			Võ Thành Nhất Linh	Đỗ Kỳ Huy	
			Võ Công Nhâm	Đỗ Kỳ Huy	
			Ngô Văn Tuấn	Hoàng Chương	
			Đặng Thị Diễm Hằng	Lê Việt Trung	
			Nguyễn Thanh	Phạm Bình Minh	

			Lộc		
			Ngô Văn Quyền	Hoàng Chương	
			Trần Thị Thanh Thảo	Đỗ Kỳ Huy	
			Nguyễn Ngọc Minh Thạnh	Lê Việt Trung	
			Nguyễn Đăng Thọ	Phạm Bình Minh	
			Nguyễn Văn Thuận	Phạm Bình Minh	
			Hồ Thị Thanh Trà	Đỗ Kỳ Huy	
			Lê Hoàng Đức	Nguyễn Thị Hiền Lê	
			Dương Nguyên Hoài Nam	Lê Thị Minh Nguyệt	
			Mai Minh Quý	Trương Thiện	
			Nguyễn Cao Nguyên	Nguyễn Thị Hiền Lê	
	ĐK38.14				
			Nguyễn Văn Hải	Nguyễn Văn Thọ	
			Lê Văn Hợi	Phan Thanh Quang	
			Huỳnh Đức Trung	Phan Thanh Quang	
			Huỳnh Đức Việt	Phan Xuân Hòa	
			Châu Hoài Vũ	Hà Văn Sáu	
			Nguyễn Trần Lê Vũ	Nguyễn Thái Quảng	
	ĐH06.14				
			Trần Quốc Duẩn	Phan Hải Bằng	
			Nguyễn Văn Hồng Phúc	Phạm Hoàng Anh	
			Trần Quốc Duẩn	Nguyễn Thị Hòa	
			Nguyễn Văn Hồng Phúc	Nguyễn Thị Hòa	
	SP20.15				
			Nguyễn Thị Kim Chi	Đặng Thị Thu An	
			Hồ Thị Công	Lê Phan Quốc	
			Nguyễn Lê Linh	Nguyễn Thanh	

			Kha	Tùng	
			Nguyễn Văn Khải	Đỗ Xuân Phú	
			Hồ Thị Bích Lệ	Nguyễn Võ Trí	
			Nguyễn Thị Kim Nguyệt	Nguyễn Võ Trí	
			Nguyễn Trương Xuân Nguyệt	Nguyễn Ánh Dương	
			Nguyễn Thị Quỳnh Như	Đỗ Xuân Phú	
			Bùi Thị Hoài Phương	Lê Nguyễn Đăng Gioan	
			Hồ Văn Tâm	Tô Trần Bích Thúy	
			Lê Thị Mỹ Tâm	Lê Phan Quốc	
			Nguyễn Ngọc Thạch Thảo	Lê Nguyễn Đăng Gioan	
			Đỗ Trung Thông	Nguyễn Ánh Dương	
			Nguyễn Minh Thư	Lê Phan Quốc	
			Phan Thị Mai Vy	Nguyễn Ánh Dương	
	UD19.14				
			Trần Quốc Ân	Lê Văn Ba	
			Nguyễn Thanh Bình	Võ Quang Phát	
			Nguyễn Thị Ngọc Chi	Nguyễn Thiện Đức	
			Trần Văn Cư	Lê Văn Ba	
			Lê Trọng Hoàng	Lê Văn Ba	
			Phạm Thanh Hướng	Nguyễn Thiện Đức	
			Trần Thị Diệu Linh	Nguyễn Thiện Đức	
			Nguyễn Thị Mi Mi	Võ Quang Phát	
			Trương Thị Bảo Ngân	Trần Thanh Bình	
			Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nguyễn Thiện Đức	
			Trương Thị ý Nhi	Nguyễn Thiện Đức	
			Dương Đình Thành	Nguyễn Thiện Đức	
			Nguyễn Thạnh	Trần Thanh Bình	
			Bùi Thị Thúy	Võ Quang Phát	

			Trương Thị Thủy Tiên	Trần Thanh Bình	
			Lý Quỳnh Trâm	Trần Thanh Bình	
			Nguyễn Thị Kim Phận	Hoàng Minh Tuyền	
			Lê Hữu Quốc Toàn	Hoàng Minh Tuyền	
			Nguyễn Thị Lan Anh	Nguyễn Văn Đủ	
			Nguyễn Thị Thanh Ly	Nguyễn Thiện Đức	
			Nguyễn Thị Nguyệt Như	Nguyễn Thiện Đức	
			Lê Viết Phúc	Trần Thanh Sơn	
			Hoàng Nhật Tân	Nguyễn Thiện Đức	
			Võ Minh Thanh	Nguyễn Văn Đủ	
			Trần Nhật Thủy Tiên	Trần Thanh Sơn	
			Ngô Phước Toàn	Nguyễn Văn Đủ	
			Đặng Thái Bảo Trân	Trần Thanh Sơn	
			Phạm Quang Bảo Trân	Nguyễn Thiện Đức	
			Huỳnh Văn Xuân	Lê Bá Cang	
			Võ Văn Cường	Trương Đình Hiếu	
			Hồ Anh Dũng	Trương Đình Hiếu	
			Hoàng Minh Dương	Trương Đình Hiếu	
			Huỳnh Tăng Đạt	Trương Đình Hiếu	
			Nguyễn Thị Ngân Hà	Nguyễn Đăng Lường	
			Nguyễn Nhật Hào	Đồng Thị Mỹ Hiệp	
			Nguyễn Thị Như Hải	Đồng Thị Mỹ Hiệp	
			Nguyễn Thị Hảo	Đỗ Quang Trung	
			Ngô Văn Hoàng	Đồng Thị Mỹ Hiệp	
			Nguyễn Hùng	Nguyễn Đăng Lường	
			Vũ Lê Trang	Phan Quang Tân	

			Nhã		
			Trần Lê Thảo Nhi	Đồng Thị Mỹ Hiệp	
			Huỳnh Thị Hạnh Nguyên	Đỗ Quang Trung	
			Trần Ngọc Hoàng Oanh	Đỗ Quang Trung	
			Tôn Thất Trường Phát	Đỗ Quang Trung	
			Hoàng Thị Phượng	Phan Quang Tân	
			Lê Quang Quý	Đồng Thị Mỹ Hiệp	
			Trần Văn Rem	Đồng Thị Mỹ Hiệp	
			Nguyễn Viết Tài	Đỗ Quang Trung	
			Nguyễn Phương Thảo	Nguyễn Đăng Lương	
			Phan Thanh Thảo	Nguyễn Đăng Lương	
			Tôn Thất Minh Tuệ	Đồng Thị Mỹ Hiệp	
			Nguyễn Xuân Tứ	Nguyễn Đăng Lương	
			Lê Anh Vân	Đỗ Quang Trung	
			Kiều Thị Như Yến	Nguyễn Đăng Lương	
			Trần Đức Hưng	Phan Quang Tân	
			Nguyễn Thị Hiền	Vĩnh Khiêm	
			Nguyễn Thị Hải Lý	N.T. Kim Hương	
			Nguyễn Thị Mai	Nguyễn Xuân Hoài	
			Phạm Thị Mai	Vĩnh Khiêm	
			Nguyễn Thị Hồng Phụng	Vĩnh Khiêm	
			Ngô Thị Hải Phước	Nguyễn Xuân Hoài	
			Trương Thị Thanh Tâm	Nguyễn Xuân Hoài	
			Trần Thị Phương Thảo	Nguyễn Xuân Hoài	
			Trần Thị Thu Thảo	P.T. Thủy Hằng	

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1	x				
2	x				

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo khoa học (cấp khoa): Nâng cao năng lực sáng tạo và khai thác ngôn ngữ hình ảnh trong thiết kế Đồ họa	2018	Khoa Mỹ thuật Ứng dụng – Trường Đại học Nghệ thuật	20
2	Hội thảo khoa học (cấp khoa): Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp ngành Hội họa trong xu hướng hội nhập hiện nay	2018	Khoa Hội họa - Trường Đại học Nghệ thuật	20
3	Câu lạc bộ học thuật: Bác Hồ vẽ (thuyết trình)	2018	Trường Đại học Nghệ thuật	20

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
A	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ					
1	Nhiệm vụ bảo vệ môi trường	-Chủ trì: Hiệu trưởng Phan Thanh Bình -Thành viên: +Nguyễn Đức Huy +Nguyễn Thái Quảng +Trần Thị Hoài Diễm +Trần Sông Lam +Trần Quốc Trường	Các trường trực thuộc Bộ GD&ĐT	2017 - 2018	350	Bộ tài liệu tuyên truyền về giáo dục bảo vệ môi trường cho sinh viên toàn quốc
B	Nghiệm thu đề tài KHCN cấp ĐHH					

1	Nghiên cứu trải nghiệm của người xem để thiết kế tác phẩm nghệ thuật tương tác đa phương tiện; MS: ĐHH.2017.05.16	Chủ nhiệm đề tài: ThS.Đỗ Kỳ Huy	Không	2017-2018	70	
2	Ý nghĩa thẩm mỹ - tâm linh của những biểu tượng văn hóa đặc trưng trong trang trí kiến trúc cung đình triều Nguyễn; MS: ĐHH.2017.05.15	Chủ nhiệm đề tài: ThS. Phạm Minh Hải	Không	2017-2018	70	
3	Hoa văn trang trí trên đồ đồng thời các chúa Nguyễn và việc vận dụng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế; MS: ĐHH.2017.05.14	Chủ nhiệm đề tài: ThS. Phan Lê Chung	Không	2017-2018	70	

C. Kiểm tra tiến độ đề tài cấp ĐHH

1	Xây dựng dữ liệu thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành tạo hình đa phương tiện phục vụ công tác đào tạo và nhu cầu học tập của sinh viên Mỹ thuật; MS:ĐHH 2018-05-20	Chủ nhiệm đề tài: ThS. Hồ Đắc Diễm Thường	Không	2018-2019	60	
2	Nghiên cứu đặc trưng hoa văn trang trí tại lăng Thiệu Trị và ứng dụng trong học tập, giảng dạy, thiết kế sản phẩm truyền thông Huế MS:ĐHH 2018-05-17	Chủ nhiệm đề tài: ThS. Nguyễn Vũ Lân	Không	2018-2019	60	
3	Giá trị thẩm mỹ chạm khắc gỗ trang trí kiến	Chủ nhiệm đề tài: ThS. Nguyễn Thiện	Không	2018-2019	60	

	trúc Điện Long An, Huế nhìn từ góc độ nghệ thuật tạo hình MS:ĐHH 2018 – 05 – 18	Đức				
4	Giá trị biểu cảm sơn truyền thống trên kiểu thức trang trí di tích thời Nguyễn và vận dụng trong công tác đào tạo tại trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế MS:ĐHH 2018 – 05 – 19	Chủ nhiệm đề tài: ThS. Đỗ Xuân Phú	Không	2018- 2019	60	
D. Kiểm tra tiến độ Đề tài KHCN cấp Bộ						
1	Xây dựng bộ công cụ nghiên cứu mỹ thuật cổ ứng dụng trong đào tạo, nghiên cứu, sáng tác tại trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế Mã số: B2017-ĐHH-47	-Chủ nhiệm đề tài: CN.Trần Thị Hoài Diễm	Không	2017- 2018	150	

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLG D	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Nhà trường chưa đánh giá ngoài	x	x	x	x	x	x

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 01 năm 2019

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đỗ Xuân Phú

	trúc Điện Long An, Huế nhìn từ góc độ nghệ thuật tạo hình MS:ĐHH 2018 – 05 – 18	Đức				
4	Giá trị biểu cảm sơn truyền thống trên kiểu thức trang trí di tích thời Nguyễn và vận dụng trong công tác đào tạo tại trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế MS:ĐHH 2018 – 05 – 19	Chủ nhiệm đề tài: ThS. Đỗ Xuân Phú	Không	2018- 2019	60	
D. Kiểm tra tiến độ Đề tài KHCN cấp Bộ						
1	Xây dựng bộ công cụ nghiên cứu mỹ thuật cổ ứng dụng trong đào tạo, nghiên cứu, sáng tác tại trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế Mã số: B2017-ĐHH-47	-Chủ nhiệm đề tài: CN.Trần Thị Hoài Diễm	Không	2017- 2018	150	

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLG D	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhân	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Nhà trường chưa đánh giá ngoài	x	x	x	x	x	x

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 01 năm 2019

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Phú

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Đại học Nghệ thuật
năm học 2018 -2019

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó:	20.470	x		
a	Trụ sở chính		x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó:	10.205	x		
a	Trụ sở chính	10.205	x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	0			0			
2	Phòng thực hành	10			640	x		
3	Xưởng thực tập	0			0			
4	Nhà tập đa năng	0			0			
5	Hội trường	01			120	x		
6	Phòng học	73			10.205	x		
7	Phòng học đa phương tiện	0			0			
8	Thư viện	1			70	x		
9	Trung tâm học liệu	0			0			
10	Các phòng chức năng khác	0			0			

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	1
2	Số chỗ ngồi đọc	20
3	Số máy tính của thư viện	02
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	1090
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	0

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	60,8
2	Diện tích sàn/sinh viên	30,3

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 01 năm 2019

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đỗ Xuân Phú

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	1
2	Số chỗ ngồi đọc	20
3	Số máy tính của thư viện	02
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	1090
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	0

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	60,8
2	Diện tích sàn/sinh viên	30,3

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 01 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Xuân Phú

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của của
trường Đại học Nghệ thuật năm học 2018 -2019

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	71	0	1	2	60	9	0	0	70	0	1
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I											
	Ngành Sư phạm Mỹ thuật	15				14	1			15		
b	Khối ngành II											
	Ngành Hội họa	15			1	11	3			15		
	Ngành Đồ họa	7				6	1			7		
	Ngành Điêu khắc	6				5	1			6		
	Ngành TK Đồ họa	11				11				11		
	Ngành TK Thời trang	3				1	2			3		
c	Khối ngành V											
	Ngành TK Nội thất	6				5	1			6		
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	8		1	1	7				7		1

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ	Tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Khối ngành I						
	Nguyễn Thanh	Tùng	1962	Nam		Ths	Sư phạm mỹ thuật
	Lê Nguyễn Đăng	Gioan	1972	Nam		Ths	Sư phạm mỹ thuật
	Tô Trần Bích	Thúy	1969	Nữ		Ths	Sư phạm mỹ thuật
	Lê Phan	Quốc	1973	Nam		Ths	Sư phạm mỹ thuật
	Lê Anh	Tuấn	1974	Nam		Ths	Sư phạm mỹ thuật
	Lê Anh	Huy	1980	Nam		Ths	Sư phạm mỹ thuật

	Nguyễn Võ Trí	1966	Nam		Ths	Sư phạm mỹ thuật
	Nguyễn Ánh Dương	1980	Nam		Ths	Sư phạm mỹ thuật
	Đặng Thị Thu An	1983	Nữ		Ths	Sư phạm mỹ thuật
	Lê Thị Thúy Hằng	1984	Nữ		Ths	Sư phạm mỹ thuật
	Hà Thị Hoài Hương	1984	Nữ		Ths	Sư phạm mỹ thuật
	Hoàng Xuân Hiếu	1982	Nam		Ths	Sư phạm mỹ thuật
	Lê Đăng Thông	1985	Nam		Ths	Sư phạm mỹ thuật
	Nguyễn Văn Sỹ	1986	Nam		Ths	Sư phạm mỹ thuật
	Trần Thị Hoài Diễm	1981	Nữ		ĐH	Sư phạm mỹ thuật
2	Khối ngành II					
	Đỗ Xuân Phú	1963	Nam		TS	Hội họa
	Ngô Thị Lan Hương	1964	Nữ		Ths	Hội họa
	Nguyễn Đức Huy	1960	Nam		ĐH	Hội họa
	Đỗ Kỳ Huy	1964	Nam		Ths	Hội họa
	Nguyễn Thị Hiền Lê	1979	Nữ		Ths	Hội họa
	Phạm Bình Minh	1978	Nam		Ths	Hội họa
	Hoàng Chường	1967	Nam		Ths	Hội họa
	Trương Thiện	1979	Nam		Ths	Hội họa
	Lê Việt Trung	1982	Nam		Ths	Hội họa
	Phan Lê Chung	1985	Nam		Ths	Hội họa
	Lê Thị Minh Nguyệt	1980	Nữ		Ths	Hội họa
	Nguyễn Ý Nhi	1983	Nữ		ĐH	Hội họa
	Trần Sông Lam	1982	Nam		Ths	Hội họa
	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	1984	Nữ		Ths	Hội họa
	Hà Hoàng Ngâu	1992	Nữ		ĐH	Hội họa
	Nguyễn Thị Hoà	1970	Nữ		Ths	Đồ họa
	Phan Hải Bằng	1971	Nam		Ths	Đồ họa
	Phạm Hoàng Anh	1967	Nam		Ths	Đồ họa
	Hồ Thị Phương Thảo	1984	Nữ		ĐH	Đồ họa
	Nguyễn Khắc Tài	1983	Nam		ĐH	Đồ họa
	Nguyễn Khải Hoàn	1981	Nam		Ths	Đồ họa

	Trần Thị Thanh	Dung	1985	Nữ		Ths	Đồ họa
	Nguyễn Thái	Quảng	1975	Nam		Ths	Điều khắc
	Phan Thanh	Quang	1978	Nam		Ths	Điều khắc
	Phan Xuân	Hòa	1960	Nam		ĐH	Điều khắc
	Hà Văn	Sáu	1978	Nam		Ths	Điều khắc
	Nguyễn Văn	Thọ	1981	Nam		Ths	Điều khắc
	Nguyễn	Bé	1974	Nam		Ths	Điều khắc
	Nguyễn Thiện	Đức	1964	Nam		Ths	Thiết kế Đồ họa
	Võ Quang	Phát	1985	Nam		Ths	Thiết kế Đồ họa
	Nguyễn Viết	Dũng	1968	Nam		Ths	Thiết kế Đồ họa
	Lê Bá	Cang	1974	Nam		Ths	Thiết kế Đồ họa
	Nguyễn Thị Thanh	Trà	1985	Nữ		Ths	Thiết kế Đồ họa
	Nguyễn Văn	Đủ	1983	Nam		Ths	Thiết kế Đồ họa
	Trương Thanh	An	1984	Nam		Ths	Thiết kế Đồ họa
	Hoàng Minh	Tuyến	1983	Nam		Ths	Thiết kế Đồ họa
	Võ Quang	Trung	1981	Nam		Ths	Thiết kế Đồ họa
	Trần Thanh	Son	1984	Nam		Ths	Thiết kế Đồ họa
	Phan Khánh	Trang	1987	Nữ		Ths	Thiết kế Đồ họa
	Nguyễn Xuân	Hoài	1988	Nữ		ĐH	Thiết kế thời trang
	Phạm Thị Thủy	Hằng	1986	Nữ		Ths	Thiết kế thời trang
	Vĩnh	Khiêm	1979	Nam		ĐH	Thiết kế thời trang
3	Khối ngành V						
	Phan Quang	Tân	1981	Nam		Ths	Thiết kế nội thất
	Đỗ Quang	Trung	1977	Nam		Ths	Thiết kế nội thất
	Đồng Thị Mỹ	Hiệp	1979	Nữ		Ths	Thiết kế nội thất
	Nguyễn Đăng	Lương	1984	Nam		Ths	Thiết kế nội thất
	Trần Xuân	Thi	1982	Nam		ĐH	Thiết kế nội thất
	Nguyễn Thị Thanh	Mai	1983	Nữ		Ths	Thiết kế nội thất

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	1,7
2	Khối ngành II	5,4
3	Khối ngành V	11,1

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 01 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Xuân Phú

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	1,7
2	Khối ngành II	5,4
3	Khối ngành V	11,1

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 01 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Xuân Phú

THÔNG BÁO
Công khai tài chính của trường Đại học Nghệ thuật
năm học 2018 -2019

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học...	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành II	Triệu đồng/năm	9,6	55
	Khối ngành V	Triệu đồng/năm	9,6	55
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
III	Học phí hình thức liên thông vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành I	Triệu đồng/năm	9	30
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng	14,574	
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	10,014	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	4,04	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	0,261	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	0,259	

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 01 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Xuân Phú

THÔNG BÁO
Công khai tài chính của trường Đại học Nghệ thuật
năm học 2018 -2019

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học...	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành II	Triệu đồng/năm	9,6	55
	Khối ngành V	Triệu đồng/năm	9,6	55
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
III	Học phí hình thức liên thông vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành I	Triệu đồng/năm	9	30
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng	14,574	
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	10,014	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	4,04	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	0,261	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	0,259	

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 01 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Xuân Phú